

# Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sư Toàn Tập Giảng Ký

## phần 6

Chủ giảng: Lão pháp sư Thích Tịnh Không  
Giảng tại: Tịnh Tông Học Viện Úc Châu  
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Chư vị đồng học!

Chúng tôi giảng tiếp đoạn nhỏ thứ tư Ngũ Căn và đoạn nhỏ thứ năm Ngũ Lực trong phần "*thuyết pháp trang nghiêm*". Ngũ Căn và Ngũ Lực có thể cùng gộp lại để giảng, đó là Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ.

Căn (根) có nghĩa là giống như thực vật có rễ. Rễ có thể sanh và trì. Trì (持) là "bảo trì" (gìn giữ), Sanh (生) là có thể sanh trưởng, chữ Căn có nghĩa như vậy. Căn gồm có năm thứ nên gọi là Ngũ Căn, tức Tín Căn, Tấn Căn, Niệm Căn, Định Căn, Huệ Căn. Nói đến đây, chúng ta phải nhớ kỹ: Trong phần đầu [của bảy khoa Đạo Phẩm] là ba khoa, có tổng cộng mười hai phương pháp tu học, tức là Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Căn, Tứ Như Ý Túc. Mười hai khoa mục này hết sức quan trọng, thông cả thể pháp lẫn xuất thế pháp.

Tứ Niệm Xứ dạy chúng ta thấy thấu suốt, nhận thức, hiểu rõ chân tướng nhân sinh và vũ trụ, chẳng mê hoặc; bởi thế, chúng thuộc về trí huệ. Chúng tôi nói Tứ Chánh Căn là học tập tích công lũy đức; đoạn ác tu thiện phải căn cứ trên những chuẩn tắc này. Ba mươi bảy Đạo Phẩm là ba mươi bảy công khóa siêu việt thời gian lẫn không gian, cũng như siêu việt hết thảy pháp thế gian lẫn xuất thế gian. Chúng là nguyên tắc, nguyên lý, giống như công thức trong Toán Học; ứng dụng triển khai của chúng đúng là vô lượng vô biên, không một pháp nào chẳng dựa theo nguyên lý, nguyên tắc này để đạt đến thành tựu viên mãn cả.

Hôm nay, chúng tôi giảng đến Ngũ Căn và Ngũ Lực, kinh Di Đà chỉ nói bắt đầu từ những pháp này. Vì sao vậy? Giảng về đại pháp xuất thế gian. Phần trên là những pháp chung cho cả thế gian lẫn xuất thế gian; nay phải giảng đại pháp xuất thế gian. Chúng ta cầu điều gì? Cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Phật quả viên mãn rất ráo. Căn là gì ta phải hiểu rõ! Căn là tự tánh của đương nhân, đương nhân là chính mình, chính bản thân mình, là tự tánh của chính mình; chân tâm, bổn tánh chính là Căn. Trong Phật pháp thường nói hết thảy chúng sanh vốn sẵn là Phật, vốn sẵn là Phật chính là Căn. Trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát nói: "*Bản Giác vốn có*",

Bản Giác là Căn. "*Vốn sẵn thành Phật*" và "*Bản Giác vốn có*", hai câu này cùng một ý nghĩa, cùng nói về một sự. Kẻ học Nho nói: "*Nhân chi sơ tánh bản thiện*" (Con người lúc đầu vốn là lành), "*bản thiện*" chính là Căn.

Trong Hệ Niệm Pháp Sự, Trung Phong đại sư nói: "*Ngã tâm tức thị A Di Đà Phật, A Di Đà Phật tức thị ngã tâm*" (Tâm ta chính là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật chính là tâm ta), "*tâm tức thị Phật, Phật tức thị tâm*" (tâm chính là Phật, Phật chính là tâm). Tâm và Phật là một, chẳng phải hai. Đó chính là Căn! Tất cả hết thảy thiện pháp thế gian lẫn xuất thế gian đều sanh từ Căn này. Người thế gian chẳng tin trong thế giới này có người tốt, chúng ta nghe rất nhiều người nói: "*Tánh con người đều là thiện*", hay "*tánh con người đều là ác*", "*người như vậy không có căn!*" Chẳng phải không có căn, kẻ ấy chỉ không tin chính mình có Căn, chẳng tin tưởng hết thảy chúng sanh đều có Căn, nên phiền toái rất lớn. Tất cả hết thảy ác niệm, ác pháp, ác nghiệp đều sanh từ đó, nó là gốc của hết thảy tội ác, hết thảy tai nạn. Kẻ ấy chẳng tin tưởng tánh con người vốn lành, chẳng tin hết thảy chúng sanh vốn sẵn thành Phật, chẳng tin "*tâm tức thị Phật, Phật tức thị tâm*" (tâm chính là Phật, Phật chính là tâm). Chuyện này rắc rối lắm đây!

Kẻ ấy chẳng tin tưởng, ta cũng chẳng thể trách móc hấn được! Nho và Phật giảng rất rõ ràng, rất minh bạch; vì sao kẻ ấy chẳng tin. Tam Tự Kinh nói: "*Cẩu bất giáo, tánh nãi thiên*" (Nếu không dạy, tánh bèn đổi), "*tánh tương cận, tập tương viễn*" (tánh vốn gần [điều thiện], nhưng do hoàn cảnh, huân tập mà tánh bèn xa dần [điều lành]). Luận trên phương diện "*tánh người vốn lành*" thì tất cả hết thảy chúng sanh đều có bốn tánh là lành, đều giống hệt như nhau, vì sao trở thành khác biệt? Biến thành khác biệt là vì tập tánh, chứ chẳng phải là bốn tánh. Nhưng vì các chúng sanh ngộ tập tánh là bốn tánh, hiểu sai lầm. Sự sai lầm ấy đúng là sai chỉ hào ly, lầm đến ngàn dặm. Chẳng dễ dàng đâu! "*Cẩu bất giáo, tánh nãi thiên*" (nếu không dạy, tánh bèn thay đổi [theo chiều hướng xấu]). Nếu chúng ta gặp được thầy tốt dạy dỗ, chúng ta sẽ hiểu rõ, sẽ giác ngộ. Chúng ta khẳng định tự tánh của chính mình vốn lành, tâm mình đích xác là Phật, khẳng định chính mình có chân tâm.

Tâm của chính mình đích xác là chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, chẳng còn chút nào nghi ngờ; nay vì sao Tánh Đức ấy chẳng có? Do vì đối với người, đối với sự, đối với vật đều hư ngụy, nhiễm ô, bất bình đẳng, ngu si, tự tư, tự lợi. Vì đâu mà đến nỗi như thế? Do tập tánh, do không có người dạy, chẳng được thầy tốt dạy dỗ. Ngày nay xã hội bất hảo, xã hội là một cái chum lớn dơ bẩn, trong kinh Phật gọi là "*ngũ trước ác thế*", Trước (濁) tức là nhơ bẩn. "*Kiếp trước*": Thời đại này bất hảo, là đời loạn. Nói "*kiếp trước*" thì mọi người không hiểu lắm, nói "*đời loạn*" mọi

người hiểu dễ dàng. "*Phiền não trước*": Chúng sanh đông đảo ai mà chẳng có phiền não? Ai nấy đều phiền não hết sức nghiêm trọng. "*Kiến trước*" là nói đến phiền não nơi tư tưởng và kiến giải. Tư tưởng hỗn loạn, kiến giải ngoắt ngoéo; đó là Kiếp Trước, đây là gốc của Ngũ Trước. Nếu đối với vũ trụ và nhân sinh, đối với hết thảy người, sự, vật, quý vị nhìn lầm lạc thì đó là Kiến Trước. Suy nghĩ sai lầm là Phiền Não Trước. Một thứ đã trước thì hết thảy đều trước, phiền não cũng xảy ra liền.

Như vậy, chúng ta hiện đang sống trong thời đại nào? Vì sao lại có thứ thời đại như vậy? Thời đại này không có bậc thánh hiền răn dạy, nên thành ra như thế. Mọi người chẳng tin tưởng lời giáo huấn của thánh hiền. Sách vở của thánh nhân hết sức quý báu, nhưng quý vị đâu có tin! Dầu sách vở còn đó, quý vị chẳng buồn giở ra xem. Quý vị cứ cho những thứ đó là đồ cũ rích, chẳng hợp thời nữa, nên không có cách chi tìm được căn bản, không cách nào thấu hiểu. Đây là sai lầm, chẳng phải là thái độ của người học vấn, tâm không chút cởi mở nào!

Người thực sự có học vấn thì nếu người ta nói điều gì hay, ta phải chú tâm tìm hiểu; ai nói thứ khác bất hảo, ta cũng phải chú tâm quan sát. Ai cũng nói [điều gì đó là] tốt thì ta phải biết nó tốt tại chỗ nào! Ai cũng chê không tốt, ta phải biết nó xấu tại chỗ nào. Đều phải nghiêm túc nghiên cứu, có như vậy mới trở thành học vấn chân chánh. Những lời trên đây do tiên sinh Phương Đông Mỹ dạy cho tôi để làm cơ bản cho thái độ học vấn, quyết chẳng đến nỗi thấy người ta bảo tốt bèn mù quáng hùa theo, người ta chê xấu mình bèn cự tuyệt. Nếu vậy là lầm lạc mất rồi. Nhất định phải đích thân mình tiếp xúc, nghiên cứu. Rất nhiều khi mình nghiên cứu mới phát hiện những thứ người khác chê dở lại thực sự là hay, có những điều thực sự là tốt! Người ta nói tốt, mình nghiên cứu kỹ, thấy cả trăm điều tệ hại, chưa chắc đã thực sự tốt. Người ta nói sao mình nghe vậy, sẽ thường hay bị mắc lừa, bị người ta che mắt.

Người học vấn chân chánh vĩnh viễn khiêm hư, cung kính, thì mới có thể thành tựu đạo đức, học vấn thực sự được. Đạo lý này nói thật ra chẳng khó hiểu chi, chúng tôi cho rằng: Trong thời cổ, dường như tất cả những ai đọc sách đều biết đến đạo lý này; nhưng hiện nay, trong thế kỷ này, người ta lại không biết. Những người trẻ tuổi, chúng tôi nói "những người trẻ tuổi" thì đại khái là những ai vào độ tuổi năm, sáu chục, cả đời chưa từng nghe đến chuyện này, có đáng buồn bã chẳng? Lũ chúng tôi đã gần tám mươi, chỉ là thiếu số còn con, đúng là ít ỏi, sau này không còn ai nói đến nữa. Nếu tôi không nói ra, quý vị làm sao biết được? Sẽ chẳng nghe được những thanh âm này. Vì thế, thiện tâm, thiện ý phải phát sanh từ sự nhận biết chính xác, khẳng định hết thảy chúng sanh tánh vốn lành, khẳng định hết thảy chúng

sanh đều có Phật tánh, khẳng định hết thảy vô tình có pháp tánh, pháp tánh và Phật tánh chỉ là một tánh.

Nếu quý vị thâm nhập Đại Thừa, quý vị khẳng định tất cả hết thảy vạn pháp "*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*" thì đó là Căn, là căn cội của vũ trụ vạn hữu! Chúng ta tin cái căn này tương đồng, căn là bình đẳng, căn chẳng có hai. Tôi và anh, tôi cùng người khác, mọi người chúng ta chẳng giống nhau, đều thực sự là dòng dõi thổ dân Úc châu bị biến chất. Vì sao biến? Mê rồi! Mê mất căn bản. Mê mất căn bản sẽ trở thành chủng loại bị biến đổi, chủng loại bị biến đổi đáng thương thay! Suy nghĩ bậy bạ, làm bậy, làm càn, chuốc lấy rất nhiều tai nạn, tự gây, tự chịu. Người nào nhận biết Căn, hiểu rõ Căn, đối với hết thảy chẳng quên căn bản, cuộc đời người ấy rất mỹ mãn, rất hạnh phúc, hoàn cảnh sống của người ấy là Nhất Chân pháp giới, là thế giới Cực Lạc. Hễ có Căn bèn có Lực. Đại học vấn thế gian hay xuất thế gian đều đặt nền tảng trên đây.

Quý vị thấy thế giới ngày nay tranh chấp tương bưng, người mắt sáng, Phật, Bồ Tát, đại thiện tri thức trông thấy đều cảm thán! Thật đúng như kinh Vô Lượng Thọ nói: "*Tiên nhân vô tri*": Người đời trước coi thường, "*bất thức đạo đức, vô hữu ngữ giả*" (không biết đạo đức, không có ai nói): Bọn họ chẳng nói với chúng ta, chẳng dạy chúng ta, "*thù vô quái dã*" (còn trách móc gì được nữa). Ngày nay, chúng ta tạo tác những tội lỗi gì, chịu những khổ nạn quả báo gì, bậc thánh hiền chẳng trách móc ta. Vì sao? Vì những kẻ này chưa từng được dạy dỗ! Sự lầm lạc của họ phải truy từ sự coi thường của người đời trước; đời trước đó của đời trước cũng coi thường. Chúng tôi truy cứu tối thiểu phải là hai trăm năm trước; từ hai trăm năm trước [con người] đã coi thường sự răn dạy của thánh hiền. Lúc đó cũng có dạy, nhưng chẳng tích cực, dạy trẻ con, dạy người trẻ tuổi chẳng nghiêm khắc, chẳng nghiêm ngặt như thời cổ. Tam Tự Kinh có câu: "*Giáo bất nghiêm, sư chi nọa*" (Dạy chẳng nghiêm vì thầy lười), cha mẹ, sư trưởng chưa tận hết trách nhiệm!

Quý vị phải hiểu rõ đạo lý này, hiểu rõ chân tướng sự thật này thì quý vị mới biết căn nguyên lầm lỗi nằm đâu! Căn nguyên ở nơi cha mẹ, sư trưởng; vì thế, làm cha mẹ chẳng đơn giản! "*Dưỡng bất giáo, phụ chi quá; giáo bất nghiêm, sư chi nọa*" (Nuôi không dạy là lỗi cha, dạy không nghiêm do thầy lười). Đời sau không đi theo chánh đạo, đi theo đường tà, cha mẹ, sư trưởng phải chịu trách nhiệm nhân quả. Trách nhiệm nhân quả ấy lớn lắm. Từ chỗ này chúng ta mới có thể nhận hiểu sâu xa, công đức bậc nhất, đại thiện bậc nhất trong thế gian và xuất thế gian là gì? Dạy học, đem chánh pháp truyền trao cho chúng sanh. Ở Trung Quốc thấy rõ nhất: Khổng lão phu tử dạy học năm năm, năm năm chuyên tâm, tận hết trách nhiệm,

nghiêm khắc dạy dỗ học trò, [nên Khổng Tử] trở thành vị Vạn Thế Sư Biểu (bậc thầy gương mẫu của muôn đời).

Vì sao? Có rất nhiều người suốt đời theo đuổi công tác giáo dục, nhưng mười mấy năm vẫn âm thầm không có tiếng tăm. Vì sao Khổng lão phu tử chỉ dạy học năm năm lại có thành tựu như vậy? Do tận tâm tận lực dạy, thực sự hy vọng đời sau có nhân tài. Học sinh thực sự giác ngộ, thực sự tu dưỡng đạo đức, đoạn ác tu thiện, vì nhân dân, vì quốc gia, vì chúng sanh tạo phước, đó là thành tựu của thầy! Thầy (dùng cách nói của nhà Phật là "*phổ độ chúng sanh*") phổ độ chúng sanh, khiến cho học sinh thực sự thực hiện được những điều đó. Nếu chẳng thể tận tụy dạy dỗ, học sinh chẳng thể thành tựu, "*chúng sanh vô biên thế nguyện độ*" trở thành chuyện hư dối.

Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta thị hiện: Vứt bỏ tất cả hết thảy danh văn, lợi dưỡng thế gian, địa vị, quyền lực đều vứt bỏ, theo đuổi công tác giáo dục xã hội, vì sao? Thị hiện cho chúng ta thấy sự việc này là đại sự nghiệp bậc nhất trong thế gian lẫn xuất thế gian. Không có trí huệ chân thật sẽ không thể làm được, chẳng bằng lòng làm! Trí huệ chân thật chính là sự nghiệp chân thật! Xưa nay trong nước, ngoài nước, biết bao là đế vương trải bao đời, có mấy ai biết đến? Nhưng người thực sự theo đuổi giáo học trên thế gian thì không ai là chẳng biết, không ai chẳng kỷ niệm! Mỗi một vị sáng lập tôn giáo đều là những nhà giáo dục xã hội đa nguyên văn hóa vĩ đại nhất, ngàn năm vạn đời, bao nhiêu người tôn kính, sùng bái, lại còn học theo. Bởi thế, Căn hết sức trọng yếu. Quý vị phải nhận biết gì là Căn, gì là Thiện Căn, gì là Ác Căn? Tùy thuận Tánh Đức là thiện căn, trái nghịch Tánh Đức là ác căn.

Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ ai mà không có, nhưng vẫn đề ở chỗ Tín của quý vị là gì? Theo các chú giải của cổ đức, Tín có Chánh Đạo và Trợ Đạo. Thế nào là Chánh Đạo, thế nào là Trợ Đạo, phải hiểu thật rõ, thật thấu suốt, không thể hàm hồ! Chánh Đạo: Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác viên mãn rất ráo mỗi chúng sanh đều có, vốn sẵn có, nay quý vị mê mất. Thế nào là Trợ Đạo? Thích Ca Mâu Ni Phật giảng cho chúng ta tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, đấy là Trợ Đạo.

Ở đây, chúng ta phải chú tâm kiểm điểm, quan sát pháp môn nào thích hợp với mình thì ta chọn lấy pháp môn ấy, thâm nhập một môn thì pháp môn ấy biến thành Chánh Đạo để ta tu học. Quý vị phải hiểu Chánh Đạo và Trợ Đạo này. Trong Chánh Đạo lại có Chánh Đạo và Trợ Đạo; trong Trợ Đạo cũng có Chánh Đạo và Trợ Đạo! Nay chúng ta chọn lựa pháp môn Tịnh Độ, kinh điển y cứ (căn cứ để lập luận, tu học) của pháp môn Tịnh tông là "*năm kinh một luận*", đó là Chánh Đạo của chúng ta. Các kinh luận khác do các vị tổ sư đã chọn lựa cho chúng ta, khuyên chúng ta phải xem, phải tu học để

bổ trợ pháp môn Niệm Phật, đó là Trợ Đạo. Chúng ta phải tin tưởng điều này.

Tin Chánh Đạo và Trợ Đạo thì phải có Căn, Căn chẳng thể biến. Lúc tin, lúc ngờ, lúc tin, lúc không tin, tức là niềm tin của quý vị không có Căn. Lòng tin có Căn, tức là lòng tin của quý vị đối với Tịnh Độ tông có Căn thì trong ao bầy báu bên Tây Phương Cực Lạc thế giới mọc lên một đóa sen, trên hoa có tên quý vị. Lòng tin phải có Căn, nhất định chẳng được ngờ vực. Hiện tại, nguyên bản và bản hội tập của kinh Vô Lượng Thọ tổng cộng có chín bản, chớ có hủy báng, chớ có ý kiến, quý vị thích bản nào thì chọn dùng bản đó. Giống như ăn uống, khẩu vị mỗi người khác biệt: chua, ngọt, đắng, cay, mặn; tôi thích ăn ngọt, chẳng thể ép mọi người đều ăn ngọt hết. Nếu không như vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật cần gì phải giảng nhiều kinh điển đến thế? Cần gì phải nói nhiều pháp môn như vậy? Một môn không đủ hay sao? Quý vị thấy đức Phật rất từ bi, rất tùy thuận nhân tình, quý vị thích điều gì, đức Phật dạy điều đó, chẳng miễn cưỡng mảy may! Đó là chỗ vĩ đại của đức Phật, đức Phật đại đức đại trí, khiến cho hết thảy chúng sanh tôn kính, ngưỡng mộ.

Chúng ta mở xem chín bản ấy; trước kia, chúng tôi in chín bản ấy thành một bộ, tức là với một bản Tịnh Độ Ngũ Kinh Độc Bản quý vị đọc được toàn bộ [chín bản dịch và hội tập của kinh Vô Lượng]. Trong chín bản ấy, quý vị thích bản nào thì dùng bản đó, không có bản nào chẳng tốt cả! Bởi lẽ, chúng đều giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới, giống như sách thuyết minh hay sách giới thiệu, đều dạy cho quý vị phương pháp Trì Danh Niệm Phật. Kinh dạy chẳng sai một chút nào, "*phát Bồ Đề tâm, một dạ chuyên niệm*". Cả chín bản đều nói như vậy. Người niệm Phật tu điều gì? Quý vị phải biết nhé: Tu nhất tâm bất loạn, tu tâm chẳng điên đảo! Nếu đối với hết thảy các pháp, quý vị có nghi hoặc, làm sao tâm quý vị định được? Làm sao có thể thành tựu nhất tâm? Làm sao bất loạn được? Bất loạn là trí huệ, nhất tâm là Thiền Định. [Tu nhất tâm bất loạn] là tu Định - Huệ. Quý vị có quá nhiều ý kiến, chấp trước rất nặng là tự mình chướng ngại mình, không ai chướng ngại quý vị cả!

Chính mình tuyển chọn thì có một tiêu chuẩn rất đơn giản: Thứ nhất, lý luận, phương pháp, cảnh giới không sai lầm. Đối với kinh điển Đại Thừa chúng ta có thể so sánh không sai lạc: Kinh văn nào rõ ràng, không quá sâu, dễ đọc tụng, dễ hiểu, thích hợp với trình độ người hiện thời thì bản đó là bản kinh hay. Nay đem chín bản đó bày trước mặt, quý vị đọc mỗi bản một lượt, bản nào đọc hay nhất? Bản này đọc hay nhất. Bản của cụ Hạ khá lắm, là bản dễ đọc nhất trong chín bản, chẳng có câu nào khó khăn, trúc trắc, vậy cụ hội tập có sai lầm hay không? Đem năm bản dịch gốc đối chiếu tỉ mỉ thì tín tâm bèn trọn đủ.

Xin thưa cùng các đồng học: Tôi không bằng mọi người, tôi chẳng bằng ai, mọi người tâm tư rất tế nhị, tôi không được tế nhị như vậy; nhưng tôi có ưu điểm là tin tưởng thầy. Thầy đem bản này giao cho tôi, tôi hoàn toàn chẳng đối chiếu với năm bản dịch gốc, tôi chẳng làm chuyện đó; cho đến tận bây giờ cũng không làm chuyện ấy. Tôi tin tưởng thầy, thầy chẳng hại tôi. Thầy học suốt đời, trí huệ, đức hạnh, giáo huấn của thầy rất đáng để tôi tôn kính, tôi chẳng hoài nghi thầy chút nào. Vì thế, thầy dạy gì, tôi bèn tiếp nhận, tôi bèn y giáo phụng hành. Ai ở trước mặt tôi nói ba điều bốn chuyện, tôi không tiếp nhận, cũng không phản đối, vì sao?

Tôi tuân thủ lời đức Phật răn dạy, tôi tuân thủ lời tổ sư răn dạy. Đức Phật dạy chúng ta: Đối với những tri kiến bất đồng, kiến giải bất đồng – trong Đàn Kinh, Lục Tổ Huệ Năng đại sư cũng dạy chúng ta như thế – nên làm như thế nào? Dùng tâm tư thái độ gì? Chắp tay hoan hỷ! Tôi chẳng biện bác cùng anh, chắp tay cung kính anh; nhưng tôi vẫn đi đường cũ, vẫn dùng phương pháp cũ của tôi để tu hành, chẳng bị anh làm dao động. Tôi tôn kính anh, tôi không phản bác anh một câu nào, Phật dạy chúng ta “mặc tẫn”<sup>1</sup>[1]. Nói thật ra, Nho Gia gọi mặc tẫn là “*kính nhi viễn chi*”. “*Viễn*” không phải là tách rời ra xa, không có nghĩa như vậy. “*Viễn*” nghĩa là cách nghĩ, cách làm của anh tôi không bắt chước theo, tôi vẫn đi theo kinh luận. Nếu tự tôi có năng lực, tôi sẽ tuyển chọn kinh luận; nhưng tôi không có năng lực, thầy giúp tôi chọn kinh luận. Những kinh luận tôi học trong một đời này đều là do thầy giúp tôi chọn lựa, đều là do thầy chỉ dạy.

Nói thật ra, bản thân tôi vẫn chưa có năng lực chọn lựa kinh luận, tôi thừa nhận mình thuộc căn tánh trung hạ, chẳng phải là thượng căn. Người thượng căn phải có, chắc chắn có người thượng thượng căn, nhưng tôi chưa từng gặp được. Chuyện ấy không quan hệ, dầu là hạ hạ căn mà gặp được thiện tri thức, giống như người đồ đệ làm nghề vá nồi của pháp sư Đế Nhàn, ông ta là hạ hạ căn, gặp vị chân thiện tri thức là pháp sư Đế Nhàn dạy một

---

1[1] Mặc tẫn (Brahmadanda): Còn phiên âm là Phạm Đàn hoặc Phạm Đát, theo nghĩa gốc là một hình thức nhằm đối trị những kẻ ngoan cố, bướng bỉnh trong Tăng chúng. Hành Sự Sao, quyển 22 ghi: “*Nói Mặc Tẫn, là như luật Ngũ Phần dạy: ‘Pháp Phạm Đàn là hết thầy thất chúng (tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, sa-di, sa-di-ni, thức-xoa-ma-na, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di), đều chẳng nói chuyện với kẻ phạm lỗi*”. Sách Tư Trì Ký giảng rõ hơn: “*Phạm Đàn là trước cung điện của Phạm Vương lập một cái đàn cao, chư thiên nếu có vị nào chẳng đúng pháp, sẽ bị bắt đứng trên đó, không được nói chuyện với bất cứ ai qua lại. Trong luật Ngũ Phần, do tỳ-kheo Xiển Đàn (tức Xa Nặc) náo loạn Tăng chúng nên Phật chế định dùng phương pháp ấy [để đối trị]*”. Nói chung, đây là phương pháp ngăn dứt tranh cãi. Kẻ biết phục thiện thì khuyên can; chứ nếu với kẻ ương bướng, ngang ngược, tốt nhất là dùng phương pháp im lặng, không tranh cãi với hắn, tránh xa, không quở trách, không phê bình, nhưng không giao thiệp với hắn, hắn sẽ không có cơ gì quấy rối được nữa. Ở đây, “mặc tẫn” được dùng với ý nghĩa rộng: Không tranh cãi với những kẻ cãi chày cãi cối. Ta giữ chủ kiến của ta, tu theo pháp môn của ta, không mất hơi sức tranh cãi với những kẻ chẳng thèm đọc kinh sách Tịnh Độ mà cứ nhơn nhơn cao giọng phi báng pháp môn Tịnh Độ.

câu Nam-mô A Di Đà Phật niệm mệt cứ nghỉ, nghỉ khỏe lại niệm tiếp. Thực sự chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn, ông ta thực sự thành công. Nếu ông ta hoài nghi hay xen tạp sẽ chẳng thể thành công. Bí quyết thành công của ông ta là "chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn", nên thành công. Tín chẳng phải là chuyện dễ, tín phải có Căn. Tín quyết định chẳng bị dao động, cả đời chẳng biến đổi, người như vậy đạo nghiệp nhất định thành công!

Thứ hai là Tấn Căn. Tấn là đối với Chánh Đạo và Trợ Đạo, cầu tiến bộ chẳng ngại, dũng mãnh, tinh tấn, quyết định chẳng có một ngày nào buông lung, có chút khế nhập cảnh giới bèn vui sướng chẳng mệt. "*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?*" (Học rồi thường tu tập, cũng chẳng vui sao?), đúng là vui sướng chẳng mệt.

Niệm là hệ niệm nơi tâm. Điều được hệ niệm nơi tâm là Chánh Đạo và Trợ Đạo. Nay mục tiêu của người niệm Phật chúng ta là cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân cận A Di Đà Phật; đấy chính là Chánh Đạo và Trợ Đạo của chúng ta trong giai đoạn này. Trợ Đạo là gì? Đoạn ác, tu thiện, tích công lũy đức. Cổ đức thường dạy chúng ta: "*Đoạn hết thảy ác, tu hết thảy thiện*". Tự mình phải hiểu rõ, phải minh bạch tiêu chuẩn thiện - ác. Gì là ác? Tự tư tự lợi là ác; đại công vô tư, lợi ích xã hội, lợi ích chúng sanh là thiện. Có người nghe nói như thế chẳng đồng ý, làm sao mà có lợi cho bản thân ta lại là ác được cơ chứ? Với pháp thế gian nói như vậy thì được, chứ đối với pháp xuất thế gian, nói như thế là sai lầm quá sức. Sai lầm ở chỗ nào? Ngã Chấp không thể phá được! Cửa ải đầu tiên của pháp xuất thế gian là phá Ngã Chấp. Có lợi cho mình là tăng trưởng Ngã Chấp! Kinh Kim Cang nói "ngã tướng, ngã kiến" niệm niệm đều chấp trước kiên cố, tăng trưởng ngã tướng, tăng trưởng ngã kiến thì tới lúc nào mới có thể phá hết sạch Ngã Chấp được? Chẳng phá Ngã Chấp, sẽ chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi. Vì thế, đức Phật đặt điều này lên đầu.

Chúng ta khởi tâm động niệm đúng là vô ngã. Nói cụ thể, vô ngã là nhất định không vì lợi ích của chính mình; bởi thế, phải triệt để buông tự tư tự lợi xuống. Phá Ngã Chấp bằng cách nào? Bí quyết để phá Ngã Chấp là khởi tâm động niệm, làm hết thảy chuyện gì đều vì xã hội, vì chúng sanh, vì để chánh pháp tồn tại lâu dài, nhất định không có mảy may ý niệm nào làm lợi cho cá nhân mình, một chút gì khiến việc vãng sanh Tây Phương thế giới bị vướng mắc cũng không có, ra đi rất tự tại. Thường xuyên nhớ kỹ đức Phật dạy chúng ta phải sửa đổi, uốn nắn cách nhìn lầm lạc đối với vũ trụ, nhân sinh và hết thảy người, sự, vật. Kinh Kim Cang nói rất khéo: "*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*" (Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng). Vậy thì, khởi lên một niệm rất ưa thích một cảnh giới, đó chính là tâm tham luyến, "*phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*", bị một chén nước



lạnh ấy hắt vào, tâm ta bèn bình tịnh. Gặp phải oan gia đối đầu rất trái mắt, gặp người, gặp sự, gặp vật trong tâm rất chán chường, [liền khởi tâm niệm] "*phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*", "*hết thảy pháp hữu vi như mộng, huyễn, bọt, bóng*", tâm lập tức bình ngay, dậy lên một câu "A Di Đà Phật", biết mình đến thế giới này là lữ du, [tạm ngụ] hai ba ngày rồi sẽ đi, thế giới này tốt cũng được, xấu cũng xong, ăn nhằm gì đến mình? Cớ chi phải nhọc lòng? Có duyên để khuyên thì khuyên người ta, khuyên người ta làm lành; không có duyên thì làm gương cho người ta thấy, người ta thấy mà hiểu thì họ có phước báo; họ dầu thấy nhưng không hiểu thì cũng đành thôi. Chẳng cần phải so lường từng chút! Phật, Bồ Tát thị hiện trong thế gian, khởi tâm động niệm, nói năng, tạo tác, từng điểm, từng giọt đều nhằm giáo hóa chúng sanh, vì người khác điển nói từ trước đến nay chưa từng ngưng nghỉ.

Vì người điển nói, "*diễn*" là biểu diễn, làm cho người ta thấy, "*nói*" là thuyết minh cho người ta; chẳng hề có chút mảy may danh lợi nào xen vào đó, chẳng xen tạp một mảy nào. Vì thế, các Ngài làm nhưng không làm, không làm mà làm, rất tự tại! Xen tạp chính mình vào đó sẽ phiền lắm, vì sao? Quý vị có lợi - hại, được - mất trong ấy; chỉ cần có lợi - hại, được - mất trong ấy. Hễ quý vị vừa khởi tâm động niệm, bèn nghĩ ngay đến lợi ích của chính mình, sẽ thường mắc sai lầm. Người hoàn toàn không có lợi - hại, được - mất mới có thể thực sự buông xuống được, hết thảy thân tâm, thế gian đều buông xuống, tâm được giải thoát, trí huệ mở mang. Trừ điều này ra, không được xen tạp niệm gì, bất luận niệm gì xen tạp trong đó cũng không được. Đúng là chẳng dung một hào, một phân bất tịnh nào xen tạp! Chẳng dung một hào, một phân bất thiện nào xen tạp! Tâm phải thuần tịnh, thuần thiện.

"*Định*" là nhiếp tâm, thu tâm. Mạnh phu tử nói rất hay: "*Học vấn chi đạo vô tha, cấu kỳ phóng tâm nhi dĩ*" (Đạo học vấn không có gì khác, cốt sao thu hồi cái tâm đã buông lung mà thôi!). Đó là công phu định lực. Tâm ta chẳng còn hướng ra ngoài năm níu nữa, chẳng những không năm níu pháp thế gian, mà Phật pháp cũng chẳng năm níu thì tâm quý vị thực sự định! Ấn Quang đại sư cả đời dạy chúng ta phương pháp này, chính là như trong kinh Đại Tập đức Thế Tôn đã gọi Trì Danh Niệm Phật là "*vô thượng thâm diệu Thiên*". Thiên Định sâu mầu vô thượng chính là Niệm Phật! Nhiếp tâm nơi Phật hiệu, trừ một câu Phật hiệu ra, niệm gì trong tâm cũng không có. Đó là Định Căn. Định ấy là Niệm Phật Tam Muội, Niệm Phật Tam Muội có Căn vậy! Trừ điều này ra, cái gì cũng không có. Niệm niệm tương ứng với A Di Đà Phật, niệm niệm tương ứng với kinh giáo Tịnh tông. Đó chính là "*nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*".

Huệ Căn: Trí huệ quán chiếu, soi thấy chân tướng của hết thảy pháp thế gian, xuất thế gian. Quý vị có Huệ Căn, có căn thì khá lắm! Quý vị chẳng bị dao động, tự mình chân bước vững vàng, như như bất động, thực hiện xong việc tự độ, lại còn nghĩ giúp cho người khác được đắc lực. Ngũ Căn tăng trưởng bèn đắc lực. Nói tới Lực thì thật ra chính mình phải có Căn càng sâu thì mới có thể giúp người khác phá trừ nghi hoặc, giúp người khác kiến lập Ngũ Căn. Nay đã hết giờ rồi!

\*

Chư vị đồng học!

Xin tiếp về phần Ngũ Lực. Lực là đoạn nghi, thành tự phẩm đức. Danh tướng của Ngũ Lực hoàn toàn giống với Ngũ Căn: Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ. Ngũ Lực là sự tăng trưởng của Ngũ Căn. Đạo lý này đối với chúng ta không khó hiểu. Cái được Huệ Căn tăng trưởng quan trọng nhất là trí huệ, sau khi Huệ Căn tăng trưởng, Ngũ Căn sẽ có sức mạnh; giống như thực vật, nó có rễ rồi, từ rễ dần dần tăng trưởng trở thành mầm cây. Mầm cây lại dần dần tăng trưởng trở thành cây lớn, nó có sức như vậy, chịu đựng được gió thổi, mưa dập vì đã trưởng thành rồi.

Tín Căn tăng trưởng bèn phá được nghi hoặc; quyết định chẳng nghi hoặc đối với chánh pháp, chánh tri kiến. Bởi thế, nó có thể phá được nghi, phân biệt tà tri tà kiến; nó có năng lực như thế, tất nhiên có thể làm cho phiền não nhẹ đi. Chúng sanh trong thế gian phiền não tập khí nặng nề, chẳng tin tưởng chánh pháp, chẳng tin vào giáo huấn của thánh hiền. Nếu chúng ta có lòng tin sâu xa chẳng nghi đối với chánh pháp, đạo đức, tánh đức và giáo huấn của thánh hiền thì phiền não đã giảm quá nửa! Điều tốt nhất đối với chính mình, như tôi thường hay nói, là con người chẳng thể không già, nhưng người có tín tâm kiên định sẽ lão hóa khá chậm chạp, đây là đạo lý nhất định. Vì sao? Kẻ ấy sống cuộc đời sung sướng, có phương hướng, có mục tiêu, chẳng mê hoặc chút nào, mỗi ngày có tiến bộ, thường sanh tâm hoan hỷ! Cuộc đời người ấy rất sung mãn, rất khoái lạc, đều là do từ trong tâm phát sanh. Tín tâm có sức mạnh như vậy.

Tinh Tấn có sức mạnh, chẳng lười nhác. Quý vị phải biết lười nhác chính là phiền não nghiêm trọng; trong Lục Ba La Mật của Bồ Tát, Tinh Tấn đối trị giải đãi. Nếu một con người chẳng giải đãi, bất luận làm chuyện gì, dù pháp thế gian hay xuất thế gian, chẳng lẽ nào không thành tựu. Vì sao chẳng thành tựu? Vì sao thất bại? Vì giải đãi! Lúc vừa mới làm, tinh thần đầy đủ trăm phần; làm được ít lâu bèn giải đãi, chẳng thể duy trì được, chẳng có tâm thường hằng. Đây là nguyên nhân thứ nhất khiến cho rất nhiều sự nghiệp thế gian hay xuất thế gian chẳng thể thành tựu, không có cách gì gìn giữ được! Học Phật cũng chẳng phải là ngoại lệ, cổ đức chẳng thường

nói: "*Học Phật nhất niên, Phật tại nhãn tiền*" (Học Phật một năm, Phật ngay trước mặt) đó ư? Vừa mới học Phật, bèn nhiệt tâm, bèn chân thành như thế, quý vị phải gìn giữ, cố nhân nói "*thành Phật hữu dư*" (thành Phật có thừa), [nghĩa là] người giữ được cái tâm ban đầu thành Phật cả đống. "*Học Phật lưỡng niên, Phật tại thiên biên*" (Học Phật hai năm, Phật ở trên trời), cái tâm kiên thành, cái tâm tinh tấn đã suy thoái rồi. "*Học Phật tam niên, Phật hóa vân yên*" (Học Phật ba năm, Phật hóa thành mây khói), không còn nữa! Học Phật bèn biến thành một con cáo già, vậy thì sao vẫn phải học Phật?

Học Phật có lợi cho chính mình, chẳng nghĩ đến Phật, chẳng nghĩ đến chúng sanh, chỉ nghĩ đến mình, vì có lợi cho mình, giương chiêu bài nhà Phật, lợi dụng chiêu bài nhà Phật để lừa bịp, mưu cầu danh văn, lợi dưỡng cho chính mình, hồng hưởng thụ ngũ dục, lục trần, vì những thứ đó mà thôi! Những lợi dưỡng họ đạt được, nói trắng ra, chỉ là vì trong mạng họ có, nhưng tâm ấy là tâm chẳng lành, hành vi ấy chẳng phải là thiện hạnh, khiến cho phước báo trong mạng họ bị tổn thất lớn lao. Chúng tôi thường nói: Phước báo một trăm phần trăm trong mạng rất có thể bị tổn hoại chỉ còn có hai mươi phần trăm hay ba mươi phần trăm mà thôi! Tổn thất với một mức độ lớn, tâm hạnh chẳng lành mà! Người thành công, tu hành chứng quả, chẳng có bí quyết chi khác, chỉ là giữ được cái tâm ban đầu, tinh tấn chẳng lùi, bèn thành công, có bí quyết gì đặc biệt đâu!

Mỗi đồng học chúng ta bắt luận tại gia hay xuất gia, hãy nghĩ lúc mình mới phát tâm là như thế nào, tâm hiện nay là như thế nào? Quý vị có thấy rõ vì sao mình chẳng tiến bộ hay không? Vì sao học nhiều năm như vậy mà đối với việc vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có một chút nào nắm chắc cả, vẫn cứ nửa tin nửa ngờ, biết làm sao được! Bởi thế, trong kinh luận, đức Phật thường nói thế pháp thiện căn (thiện căn trong lục đạo, thiện căn nơi thế gian pháp) là ba thiện căn, không ngoài "chẳng Tham, chẳng Sân, chẳng Si". Ba thiện căn này thành tựu hết thảy thiện pháp của thế gian. Nay chúng ta muốn thành một người lành trong thế gian thì quý vị phải nhớ kỹ lời Phật giáo huấn: Đối với hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian chẳng tham, chẳng sân, chẳng si. Thiện căn xuất thế gian chỉ có một: Tinh Tấn! Tinh Tấn là thiện căn duy nhất của Bồ Tát! Bồ Tát có thể chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề chẳng có gì khác cả, vĩnh viễn giữ được cái tâm ban đầu chẳng biến đổi đó thôi!

Chúng ta phải hiểu đạo lý này, ứng dụng vào pháp xuất thế gian sẽ thành Vô Thượng đạo, ứng dụng vào pháp thế gian sẽ thành tựu đại đức, đại nhân đại đức! Chúng ta giao thiệp cùng hết thảy chúng sanh, lúc mới tiếp xúc, đầu tiên đều hết sức khiêm hư, hết sức lịch sự, hết sức thân thiện, quý vị có giữ mãi được như vậy hay không? Nếu quý vị giữ mãi được như

vậy thì chính là đại nhân đại đức. Thánh nhân chẳng có gì khác cả, giao tiếp cùng hết thảy chúng sanh dẫu lâu ngày vẫn không thay đổi, không lui sụt. Vì sao? Các Ngài dùng cái tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác, tâm từ bi, vĩnh viễn chẳng biến đổi! Đối phương biến đổi là chuyện của đối phương, chẳng phải là chuyện của mình. Ta chỉ có thể bảo đảm chính mình, chứ không bảo đảm cho người khác được! Ta thành tựu đức hạnh của chính mình.

Chư Phật, Như Lai cũng chẳng thể thành tựu đức hạnh cho người khác. Nếu có năng lực thành tựu đức hạnh cho người khác thì hết thảy chúng sanh chẳng cần phải tu hành nữa, Phật, Bồ Tát đại từ đại bi chẳng làm cho hết thảy chúng sanh đều thành Phật hay sao? Làm không được! Chúng ta phải hiểu điều này! Thành tựu đức hạnh của chính mình để giúp đỡ người khác, làm cho người khác thấy, người ta thấy mình cũng là phàm phu, mình thành tựu được thì họ cũng có thể thành tựu. Đó là biểu diễn, biểu diễn cho người khác xem. Nếu ta cả đời giữ vững chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi bất biến, trong thuận cảnh chẳng có tâm tham luyến, trong nghịch cảnh cũng chẳng có tâm sân khuể, nhất định phải giữ vững, nhất định phải làm được, vĩnh viễn chẳng lui sụt; đó là thanh tịnh. Tinh tấn có thể hoàn thành hết thảy mọi sự thế gian và xuất thế gian.

Niệm Căn tăng trưởng, tà niệm chẳng sanh, từ bản thân mình thì nói là "tà niệm chẳng sanh", từ hoàn cảnh thì nói "tà niệm chẳng nhập". Chúng ta biết những tà tri tà kiến trong xã hội hiện thời có thể nói là tràn ngập cả thế gian, quý vị mỗi ngày hai mươi bốn giờ đều tiếp xúc với những tà tri tà kiến được truyền bá trong thế gian. Nếu Niệm Căn của quý vị hữu lực thì tà tri tà kiến chẳng thể ảnh hưởng quý vị. Dù quý vị mắt thấy, tai nghe, tiếp xúc, cũng không bị ảnh hưởng tí nào! Giống như các đại đức trong Tông Môn thường nói: "*Bách hoa tùng trung quá, phiến diệp bất triêm thân*" (Qua rừng trăm hoa nở, mảnh lá chẳng dính thân). Vì sao vậy? Vì Niệm hữu lực! Có thể thành tựu hết thảy công đức chánh niệm thế gian và xuất thế gian.

Định Căn tăng trưởng, trong tâm có chủ tử, quyết định chẳng bị dao động. Nhìn trên mặt hình tướng, tối thiểu là như tiên sinh Liễu Phàm và hòa thượng Vân Cốc cùng ở trong Thiền Đường không khác gì nhau, ba ngày ba đêm không có vọng niệm. Người niệm Phật định lực hiện tiền, tối thiểu là công phu thành phiến, công phu thành phiến là Niệm Phật tam-muội, đã đạt được Niệm Phật tam-muội! Niệm Phật tam-muội là gì? Trong hết thảy thời, hết thảy nơi, trong tâm niệm của quý vị đều là A Di Đà Phật; ngoại trừ A Di Đà Phật ra, quyết định chẳng có một tạp niệm nào, đó là Niệm Phật tam-muội! Ngoại trừ một câu A Di Đà Phật ra, nếu vẫn còn ý niệm nào khác thì công phu chưa thành phiến. Bởi thế, nhất định phải nhớ kỹ, phải chịu thừa nhận mình là kẻ sơ học. Con người quý nhất là tự biết rõ mình, quý

nhất là tự mình hiểu mình, tự mình hiểu bản thân là hạng người nào: Ta là phàm phu, chẳng phải là thánh nhân, ta là sơ học, chẳng phải tu thuần thực.

Phàm phu sơ học thì quan trọng nhất là thâm nhập một môn, trường thời huân tu. Tam Tự Kinh nói: "*Giáo chi đạo, quý dĩ chuyên*" (đạo dạy dỗ, quý nơi chuyên tinh). Thế nào là chuyên? "*Thâm nhập một môn, trường thời huân tu*" là chuyên đấy! Chẳng được tham quá nhiều, chẳng được quá tạp! Quá tạp, quá nhiều là tạp tu, loạn tu; ta đã là phàm phu lại còn sơ học, làm sao thành tựu được? Bởi thế, nếu quý vị chú tâm suy nghĩ [sẽ thấy] bao nhiêu năm qua, ta đã lãng phí ngần ấy thời gian, thật đáng tiếc quá! Nếu chịu chuyên tu, chịu buông xuống vạn duyên, dẫu trong nhà Phật có kinh giáo nào đi nữa cũng đều chẳng động tâm. Ba năm khéo công phu sẽ đặc nhất tâm bất loạn; công phu kém hơn một chút là công phu thành phiến. Công phu thành phiến sẽ có năng lực sanh vào Phàm Thánh Đồng Cư độ, muốn đi lúc nào là đi, rất tự tại vậy! Nếu đặc Sự nhất tâm bất loạn sẽ sanh vào Phương Tiện Hữu Dư độ. Công phu thành phiến đã có thể sanh tử tự tại thì Sự nhất tâm bất loạn chẳng cần phải nói nữa!

Vì sao chúng ta chẳng đạt được mức độ ấy? Là vì cái gì cũng muốn học, cái gì cũng thích hết, rốt cuộc cái gì cũng chẳng thể thành tựu. Sai lầm rồi, lầm quá đỗi rồi! Phàm những ai thành công nơi pháp thế gian hay xuất thế gian chẳng có bí quyết nào khác để thành công cả, chỉ chuyên nhất mà thôi! Toàn bộ tinh thần, ý chí, thời gian đều tập trung, sẽ thành tựu được việc ấy. Quý vị thấy rất nhiều các chủ nhân đại xí nghiệp, dẫu các hạng mục trong xí nghiệp của họ rất nhiều, nhưng nếu hỏi họ, sẽ thấy thoạt đầu chỉ là một dạng, một thứ, chuyên môn kinh doanh một thứ. Thành công rồi, sau khi thành công mới có tài lực, có thừa lực lượng bèn kinh doanh thêm thứ khác, dần dần mới có thể phát triển đến mấy chục thứ. Sanh từ một căn bản, chẳng phải là vừa thoạt đầu đã có được bao nhiêu thứ như thế. Có nhiều thứ như thế chắc chắn thất bại, chúng ta phải thấy rõ như vậy!

Có người không hiểu, tính gom tiền vốn bỏ vào nhiều ngành để kiếm lời, làm chưa được mấy năm công ty phải đóng cửa. Do nguyên nhân nào? Chẳng có căn bản. Rất nhiều người chẳng hiểu đạo lý này! Quý vị cứ chú ý quan sát một đại xí nghiệp gia thực sự hay một tay công thương nghiệp lão luyện, quý vị sẽ thấy họ rất có căn bản. Nếu chúng ta chú tâm quan sát về mặt xuất thế pháp, sẽ thấy chư Phật, Bồ Tát học rộng nghe nhiều, điều gì cũng thông đạt là vì có cơ sở, tuyệt đối chẳng phải là vừa bắt đầu đã học quá nhiều thứ. Chẳng phải vậy, họ có căn bản. Sau đấy, học rộng nghe nhiều, vẫn là do căn bản ấy sanh trưởng. Dẫu căn bản khác nhau, mỗi cá nhân học một pháp môn bất đồng, nhưng không hề chi, pháp môn bình đẳng, không có cao hay thấp, quý vị phải hiểu đạo lý này.

Biết đạo lý này thì cái tâm tham luyến, cái tâm hâm mộ sẽ chẳng sanh khởi. Nếu chúng ta không chuyên học một môn, cứ mãi mãi hâm mộ rất nhiều pháp môn, kết quả cuối cùng là môn gì cũng chẳng thành. Phải chết chặt một môn! Chết tươi lòng mong ngóng, khiêm hư sát đất! Sau khi thành một môn rồi, một môn thông thì hết thầy các môn đều thông. Một kinh thông thì hết thầy các kinh đều thông! Một pháp môn thông, tất cả hết thầy pháp môn đều thông. Tiêu chuẩn của "thông" là gì? Là minh tâm kiến tánh. Mỗi một pháp môn đều có thể giúp quý vị minh tâm kiến tánh, bởi vậy, pháp môn bình đẳng, không có cao - thấp. Quý vị phải thâm nhập, không thâm nhập sẽ chẳng kiến tánh. Cổ nhân cầu học cũng tốt đẹp, tu đạo cũng tốt đẹp, chưa đạt đến cảnh giới kiến tánh thì nhất định chẳng lạm tu pháp môn thứ hai, quý vị phải liên tục nỗ lực, không ngừng ra sức.

Trong phương diện Trợ Đạo, thầy dạy, đồng học, hoàn cảnh tu học đều là duyên trợ đạo. Đức Phật giảng rất rõ bốn thứ duyên: Thân nhân duyên, sở duyên duyên, vô gián duyên, tăng thượng duyên. Trợ Đạo là tăng thượng duyên. Tăng thượng duyên cũng rất quan trọng, quý vị phải tin tưởng thầy dạy, phải tin vào đồng tham đạo hữu, trong nhà Phật còn gồm cả "hộ pháp", đều là trợ đạo. Những vị hộ pháp dùng tài lực, vật lực giúp đỡ quý vị, khiến cho quý vị sống an định, thân tâm an ổn. Trong kinh, đức Phật thường nói: "*Pháp luân vị chuyển, thực luân tiên*" (Pháp luân chưa chuyển, bánh xe ăn đã xoay trước). Nếu cuộc sống quý vị chẳng an định, làm sao quý vị yên lòng tu tập đạo? Giúp cho quý vị thân tâm an định, đó là hộ pháp. Hộ pháp có đại ân, nội hộ có đại đức, khiến quý vị thân tâm an ổn, vô ưu, vô lự, một lòng tu đạo dễ dàng thành tựu.

Điều cuối cùng là Huệ Lực, Huệ Căn tăng trưởng, trí huệ hiện tiền, có năng lực phân biệt chân - vọng, có năng lực phân biệt thị - phi, thiện - ác, lợi - hại. Những điều này bày ra trước mắt rõ ràng, rành rẽ, minh bạch, không mê hoặc chút nào. Tư tưởng kiến giải thuần chánh, ngôn ngữ, hành vi thuần chánh, đoạn nghi, thành tựu đức hạnh, thành tựu đại đức đại năng của chính mình, toàn là nhờ vào trí huệ. Trong kinh điển, đối với ba mươi bảy Đạo Phẩm, đức Thế Tôn khởi sự nói từ Ngũ Căn, Ngũ Lực, ba khoa trước lược đi. Trong chú sớ, chú giải của Ngẫu Ích đại sư và Liên Trì đại sư, đều đức Phật không nói, nhưng các Ngài đều nói thêm vào, có lợi rất lớn cho bọn sơ học chúng ta.

Kế đó là tiểu đoạn thứ sáu: "*Thất Bồ Đề phần*". Bồ Đề (Bodhi) là tiếng Phạn, phiên dịch sang nghĩa tiếng Hán là Giác. Bồ Đề có nghĩa là giác ngộ, bởi thế "*còn gọi là Thất Giác Phần*". Giác chứ không mê. "*Ư nhất thiết pháp thiện năng giác liễu*" (khéo có thể hiểu hết thầy các pháp), đây là công phu! Đối với những khoa mục lớn, chúng tôi đều dùng phương pháp giới thiệu đơn giản để nhắc nhở quý vị: Tứ Niệm Xứ là thấy thấu suốt, trước tiên là

phải thấy thấu suốt. Tứ Như Ý Túc là buông xuống, quý vị phải buông xuống được. Khi tôi vào cửa Phật, thân cận vị xuất gia thứ nhất, vị thứ nhất ấy dạy tôi "*khán đặc phá, phóng đặc hạ*" (thấy cho thấu suốt, buông xuống được). Thất Bồ Đề Phần là công phu chân chánh, bảy thứ này đều là giác ngộ chân chánh, "*Huệ Lực sở phát, vô lậu chánh trí*" (do Huệ Lực phát sanh, là chánh trí vô lậu). Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần do đâu mà có? Do Huệ Lực mà có; Thất Bồ Đề Phần cũng phải nương vào Huệ Lực. Nếu Huệ Quán vô lực, nhờ vào đâu mà giác được?

Tiếp đây sẽ giảng bảy hạng mục. Cả bảy hạng mục này đều là giác ngộ, trong Phật pháp gọi giác ngộ là Bồ Đề.

Thứ nhất là trạch pháp (chọn lựa pháp); tức Trạch Pháp Giác Phần. Trạch pháp là "*thiện biệt*" (khéo phân biệt), "*biệt*" (別) là phân biệt. Quý vị khéo có thể phân biệt chân - vọng, tà - chánh, đúng - sai, thiện - ác, chẳng lấy pháp hư ngụy. Đó gọi là Trạch Pháp Giác Chi (ở đây gọi là Giác Phần). Người học Phật hoặc cầu học trong thế gian, tu đạo - đạo có thế gian đạo và xuất thế đạo. Thế gian đạo có thiên đạo, tiên đạo; xuất thế gian đạo có Thanh Văn đạo, Duyên Giác đạo, Bồ Tát đạo, quý vị phải biết chọn lựa. Tiêu chuẩn chọn lựa phải dựa vào lý, tức chánh lý. Lại phải dựa vào sự, sự là gì? Sự là những điều kiện bản thân ta sẵn có. Chánh pháp không phải chỉ có một loại, trong Đại Thừa Phật pháp thường nói là vô lượng pháp môn, trong Tứ Hoảng Thệ Nguyện có câu "*pháp môn vô lượng thệ nguyện học*", vô lượng pháp môn đều là chánh pháp. Với những điều kiện sẵn có của chúng ta thì trong vô lượng pháp môn, hoặc nói là tám vạn bốn ngàn pháp môn, ta có thể học được pháp nào?

Tôi đã thưa cùng quý vị đồng tu rất nhiều lần, trong những buổi giảng cũng đã nói rất nhiều. Tôi thích học kinh giáo, tôi thích thâm nhập một môn, tôi có nguyện vọng học đòi tổ sư đại đức; tôi nhớ hình như Đạo Xước đại sư một đời giảng Quán Kinh hơn hai trăm lần. Ngài không giảng kinh nào khác, chỉ giảng một loại, cũng giống như những vị thiện tri thức trong năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử: "Pháp môn vô lượng vô biên, tôi chỉ hiểu một môn, anh đến đây thì tôi có thể nói cho anh nghe [môn này]. Giảng xong, nếu anh muốn nghe pháp khác thì hãy đến chỗ vị thiện tri thức khác. Những vị đó biết nhiều hơn tôi, tôi chẳng bằng các vị đó. Thành tựu một môn thôi!"

Năm mươi ba lần tham học, năm mươi ba vị thiện tri thức, mỗi vị đều là "thâm nhập một môn", đều không có pháp môn thứ hai. Vì thế, Thiện Tài tham học: "Anh đến đây, tôi đem pháp do chính mình tu bảo cho anh biết. Nếu anh muốn học rộng, nghe nhiều, tôi giới thiệu anh đến chỗ khác". Tự mình khiêm hư, tán thán người khác. Đấy đều là thị hiện để dạy chúng ta!

Căn bệnh lớn của chúng ta là “khen mình, chê người”, tự cho mình là phi phạm, coi rẻ người khác. Sai rồi, sai lầm quá đỗi rồi! Chẳng biết hết thầy chúng sanh vốn sẵn là Phật, hết thầy chúng sanh là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật trong vị lai, chẳng biết gì cả! Cuồng vọng tự đại. Bởi thế, trên con đường Bồ Đề, quý vị đi rất khổ sở, đi chẳng thành công dường ấy. Thường là nửa đường ngã lòng, thất bại hoàn toàn, chẳng phải là không có nguyên nhân: Tâm tư thái độ tu học của quý vị đã sai bét rồi!

Nói thật ra, cội rễ là do chẳng biết hiếu thuận đối với cha mẹ, chẳng biết tôn kính sư trưởng, đã hư từ căn bản! Đạo Nho của Trung Quốc và đạo Phật đều kiến lập trên cơ sở Hiếu đạo, Hiếu đạo là gốc! Sư đạo (đạo thầy trò) kiến lập trên cơ sở hiếu đạo. Nho là sư đạo, Phật cũng là sư đạo. Tôn trọng đạo kiến lập trên cơ sở hiếu thảo với cha mẹ. Nếu ai chẳng hiếu thuận với cha mẹ, chẳng hiếu đạo Hiếu, làm sao kẻ ấy tôn trọng sư trưởng cho được? Bởi vậy, học tập không có căn bản, giống như cất nhà, xây lầu không có nền móng, làm sao thành công được? Trong Ngũ Căn, Ngũ Lực đã giảng ở phần trên, tôi đặc biệt đề xuất Tín Căn, hết sức trọng yếu! Một bề tu dần dần cho tăng trưởng, trí huệ bèn mở ra, có năng lực chọn lựa pháp môn; lúc mình chưa có năng lực thì thầy thay thế mình chọn lựa.

Pháp môn thầy đã chọn, mình có được thay đổi hay không? Được chứ! Quý vị tu học đến một giai đoạn nào đó, nhận thấy mình còn có thể tu một pháp môn khác, chính quý vị đã có năng lực chọn pháp. Nếu mình không có năng lực ấy, thì cứ ngoan ngoãn tuân thủ lời thầy chỉ dạy là an toàn, bảo đảm! Nếu quý vị thực sự thấy rõ các pháp bình đẳng, không có cao - thấp, pháp nào thầy chọn lựa cho ta rất thích hợp với căn tánh, lại phù hợp với trình độ của mình, mà cũng thích hợp với hoàn cảnh sinh hoạt của mình thì đó là chọn lựa tốt! Chết sạch tấm lòng mong ngóng, chụp giựt, thâm nhập một môn, có ai chẳng thành tựu? Đến khi chính mình thực sự thành tựu, mới cảm mộ ân đức thầy. Nếu thầy không răn dạy, nếu thầy không thay mình chọn lựa, làm sao ta có thể thành tựu được?

Phương hướng chung, mục tiêu lớn của cả đời tôi là học Phật. Chương Gia đại sư thay tôi chọn lựa, Ngài dạy tôi bỏ đi các nghề nghiệp khác, đi theo con đường xuất gia hoằng pháp, Chương Gia đại sư dạy tôi như vậy đó. Ngài đã suy nghĩ rất lâu, Ngài nói: “Bất cứ sự nghiệp nào khác đều chẳng tốt bằng; sự nghiệp này đối với chính mình, đối với chúng sanh là trăm điều lợi, chẳng có một điều tệ”. Tôi nghe dạy xong, suy nghĩ rất lâu, quyết định tiếp nhận lời thầy giáo huấn. Lúc ấy tôi vẫn đang đi làm, tôi từng hỏi Chương Gia đại sư: “Nếu con xuất gia thì phải tu pháp nào?” Đại sư bảo tôi: “Ông phát tâm ấy, ông không cần phải tìm pháp sư”. Ngài dạy rất hay: “Nếu ông cần tìm một vị pháp sư thế độ cho ông, nếu vị ấy không đáp ứng, ông có sanh phiền não hay chẳng?” Tôi thưa có. Chẳng cần tìm thầy, cũng



chẳng cần tìm đạo tràng. Tôi hỏi làm như thế nào đây? [Ngài đáp]: “*Cầu Phật, Bồ Tát gia trì!*”

Rồi Ngài dạy tôi: “*Nếu tâm ông phát là chân tâm, nguyện là chân nguyện, Phật, Bồ Tát sẽ thay ông an bài cả một đời, ông không cần phải lo lắng chi cả, đến khi duyên thành thực, ông sẽ biết ngay!*” Đây là chuyện tốt, tôi cảm ơn thầy. Một đời chịu ân huệ của thầy! Đúng là chuyện gì cũng chẳng bận lòng, một đời tùy duyên, chẳng phan duyên. Độ mấy năm sau, quả nhiên có một vị sư phụ xuất gia đến tìm tôi, mời tôi xuất gia. Thọ giới cũng như thế. Khai giới rồi, tôi rất muốn đến thọ giới, nhưng không có duyên phận. Lúc đó, lại có người đến mời tôi đi thọ giới. Lúc đó thọ giới phải đóng lệ phí, khi tôi mới xuất gia cũng chẳng có cúng dường, khoản tiền chi phí ấy rất lớn, kiếm chẳng ra. Có người đã chuẩn bị đầy đủ mọi khoản lệ phí thọ giới đưa cho tôi, bảo tôi đi thọ giới, duyên chín mười vậy! Cả đời bị động, chưa hề chủ động, bất luận đến địa phương nào cũng đều là bị động, tùy duyên, chẳng phan duyên, không có vọng tưởng, cuộc sống quá sướng! Rất là khoái lạc, rất tự tại, thầy dạy tôi như vậy đó!

Nếu quý vị chẳng tin tưởng thầy thì không có cách nào hết! Tự mình hăng ngày khởi vọng tưởng, cuộc sống ấy chắc chắn chẳng sung sướng, tự tại như tôi đang được hưởng. Vì thế, tôi thường rất cảm thán nói: “*Người thế gian hiện thời chẳng nghe lời người xưa, chịu đựng thiệt thòi trước mắt*”. Tôi được hưởng một chút tiện nghi là nhờ tin tưởng thầy, tôi rất nghe lời. Những vị thầy tôi được thân cận đúng là chân thiện tri thức, thực sự có đức hạnh, có trí huệ, có học vấn, có tu dưỡng. Cả đời tôi có ba vị thầy, mọi người đều biết cả, vị tại gia là tiên sinh Phương Đông Mỹ, những vị dạy tôi Phật pháp thì thứ nhất là Chương Gia đại sư, vị thứ hai là lão cư sĩ Lý Bình Nam. Tôi học với Chương Gia đại sư ba năm, học với Lý lão cư sĩ mười năm. Cả đời chẳng trái nghịch lời thầy dạy dỗ, những gì thầy dạy tôi đều tốt lành, đều có đạo lý, quyết định chẳng phải là ác pháp, hoàn toàn đúng với kinh giáo. Bởi thế, tự bản thân chúng tôi không có năng lực chọn lựa pháp (trạch pháp), thầy vì tôi chọn lựa pháp môn Tịnh Độ.

Sau này, tôi đọc kinh Đại Tập, thấy Thích Ca Mâu Ni Phật khuyên dạy chúng sanh đời Mạt Pháp chọn lựa pháp môn này. Đức Phật dạy trong thời kỳ Chánh Pháp, Giới Luật thành tựu; thời kỳ Tượng Pháp, Thiền Định thành tựu; thời kỳ Mạt Pháp, Tịnh Độ thành tựu. Chúng ta chọn lựa pháp môn này đúng với ý Phật, rất khế hợp căn tánh của chính mình. Tôi tự chọn Di Đà Kinh Yếu Giải vì nó khế hợp với căn tánh của mình nhất. Trước kia, ở Dallas có một vị đồng học hỏi tôi:

- Đại Tạng kinh nhiều như vậy, nếu chỉ cho phép thầy chọn một môn, thầy chọn môn nào?

- Tôi chọn A Di Đà kinh, nhưng trong những chú giải kinh A Di Đà, tôi chọn sách Yếu Giải.

Tôi nhớ đã giảng Yếu Giải một lần ở Gia Châu (California), cư sĩ Lưu Thừa Phù ghi thành sách Di Đà Yếu Giải Thân Văn Ký. Lúc ấy, tuổi cụ đã rất cao, cụ sống ở Tây Nhã Đồ (Seattle). Những đồng học ở bên tôi thật hiếm có, họ đem băng thâu âm lời giảng mỗi ngày gửi qua đó, từ băng giảng, cụ Lưu chép ra thành sách.

Có rất nhiều kinh luận được giảng chẳng do chủ ý của tôi. Vì nguyên nhân gì? Trong thời đại này, pháp sư giảng kinh rất ít. Có nhiều vị đồng học đến khai thỉnh, bắt buộc phải phân tâm giảng những kinh luận ấy! Nếu pháp sư giảng kinh nhiều, mỗi một tông phái đều có pháp sư giảng kinh thì quý vị biết đó: Cả đời tôi chỉ nhất định học đòi bậc cổ đại đức, một đời chuyên giảng A Di Đà Kinh Yếu Giải, trở thành chuyên gia, chứ không làm bậc thông gia. Hiện tại thế giới to lớn như thế này, đến mỗi thành phố giảng một lần, giảng cả ba trăm năm cũng chưa giảng xong, có phải là rất tự tại hay chẳng?

Tôi đã thưa cùng thầy Lý chuyện này, thầy cười cười: "Ông rất tự tại, nhưng những lời sau đây rất khó nghe: Ông chẳng thể độ chúng sanh". Tôi hỏi vì sao? Thầy dạy: "Ông có thấy lúc nào chúng sanh nhờ nghe một bộ kinh mà khai ngộ, chúng quả hay chẳng?" Thực sự chẳng có! Vì thế, lão nhân gia dạy thật chính xác, đúng là phải giúp đỡ chúng sanh, thành tựu chúng sanh, phải ở một nơi, chẳng đi cùng khắp mọi nơi được. Đây là những điều thầy dạy tôi. A! Nay đã đến giờ rồi, chúng tôi giảng đến đây thôi!

## **Tập 17**

Chư vị đồng học!

Chúng ta lại xem đến phần Thất Bồ Đề Phần trong kinh.

Trong Thất Bồ Đề phần, phần thứ nhất là Trạch Pháp: Trạch Pháp Giác Phần. [Sách Yếu Giải giảng]: "*Thiên biệt chân - vọng, tà - chánh, thị - phi, thiện - ác, bất thủ hư nguy pháp*" (Khéo phân biệt chân - vọng, tà - chánh, đúng - sai, thiện - ác, chẳng lấy pháp hư nguy). Trong điều này, quan trọng nhất vẫn là dạy chúng ta phải khéo chọn lựa pháp môn. Trên thực tế, chuyện này chẳng dễ dàng đâu nhé! Giống như thầy lang trị bệnh, kê toa nhất định phải phù hợp căn bệnh. Toa hoàn toàn tương ứng với bệnh thì uống thuốc vào, bệnh sẽ lành. Muốn hiểu rất rõ, muốn nắm rất chắc căn tánh của hết thầy chúng sanh, thì so với việc thầy lang chẩn đoán nguyên nhân gây bệnh càng khó khăn hơn rất nhiều. Bởi vậy, chuyện này đúng là chỉ có Phật với Phật mới có thể thấu hiểu rất rõ; nếu chúng sanh gặp được

Phật là một vị thầy thuốc tốt lành đường ấy thì không có vấn đề gì, trong kinh thường gọi đức Phật là Đại Y Vương. Ngài có trí huệ viên mãn, thần thông viên mãn, đức năng viên mãn, đức Phật thấy đời đời kiếp kiếp trong quá khứ của mỗi cá nhân, Ngài làm được chuyện này rất tốt!

Bởi thế, khi đức Phật vì chúng sanh thuyết pháp, trong kinh chúng ta thường thấy, khi một bộ kinh chưa giảng xong, đã có khá nhiều thính chúng khai ngộ, chứng quả rồi. Vì sao nay chúng ta dù nghe, nhưng lại không đạt được như vậy? Đức Phật biết rõ chuẩn xác căn bệnh của chúng ta, thuyết pháp đúng với căn cơ. Nói trắng ra, sau khi Phật nhập diệt, đúng là hàng đệ tử mỗi đời sau kém hẳn đời trước. Vì sao chư Phật, Bồ Tát chẳng đến ứng hóa trong thế gian? Nói đúng ra, chư Phật Bồ Tát, đúng là vẫn ứng hóa trong thế gian, nhưng chúng sanh căn tánh bất đồng, chẳng được như trước. Trước kia, chúng sanh căn tánh sâu dày, dù đối với người, với sự, hay với vật, đều có lòng thành kính, hiện thời chẳng được vậy. Ấn Quang đại sư nói rất hay: "*Một phần thành kính được một phần lợi ích; mười phần thành kính được mười phần lợi ích*". Hiện nay chẳng có thành kính, dẫn cho Phật, Bồ Tát đến giáo hóa, chúng ta vẫn không đạt được lợi ích là vì không có tâm cung kính! Bởi vậy, trách nhiệm hoàn toàn chính nơi bản thân chúng ta, chứ chẳng phải là Phật, Bồ Tát!

Đối với Trạch Pháp, trong thời đại này chúng ta chẳng thể không lưu ý. Tự mình nhất định phải biết trình độ của bản thân, biết căn tánh của chính mình, biết hoàn cảnh sinh hoạt của mình. Chúng ta tu tập pháp môn này, chúng ta chiếu theo đó tu hành, trong hiện tại sẽ giảm thiểu chướng ngại đến mức tối thiểu, mong rằng thành tựu tu học của chúng ta càng ngày càng lớn. Chẳng được nói pháp môn này hay, pháp môn nọ hay. Pháp môn nào cũng hay cả, chẳng có pháp môn nào không hay! Vấn đề là [pháp môn ấy] có thích hợp cho ta tu học, có thích hợp với hoàn cảnh sinh hoạt hiện tại của chúng ta hay không, chuyện đó mới rất quan trọng!

Tự chúng ta không có năng lực tuyển chọn, Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức đã ban cho chúng ta rất nhiều tài liệu tham khảo. Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta chọn lấy pháp môn Tịnh Độ trong thời kỳ Mạt Pháp; chúng ta hiện đang sống trong thời kỳ Mạt Pháp. Kinh luận Tịnh Độ ít nhất, kể cả những kinh do các tổ sư cận đại thêm vào, tổng cộng chỉ có năm kinh một luận. Năm kinh một luận ấy thứ nào hợp với chúng ta, chỉ chọn lấy một loại là đủ. Tu học một thứ có thành tựu thì sẽ đạt được pháp ích (lợi ích nơi pháp). Nếu vẫn còn có sức thì lại học thêm một thứ, hai thứ nữa, chẳng được lan man quá nhiều. Lan man quá nhiều thì tinh thần, tâm lực của chúng ta bị phân tán, rất khó thể thành tựu!

Ở đây, câu cuối cùng rất trọng yếu: "*Bất thủ hư ngụy pháp*" (Chẳng lấy pháp hư ngụy). Trong những pháp hư ngụy, đặc biệt là tà tri trà kiến, chẳng

phải là chánh pháp. Chúng ta phải phân biệt chuyện này cho rõ ràng! Trong pháp môn Tịnh Độ, hai năm gần đây nhất, có rất nhiều người phản đối bản hội tập, chê bản hội tập là ngụy kinh, những lời lẽ ấy đúng là khiến những vị thông hiểu phải phì cười. Thế nào là ngụy kinh? Ngụy kinh là kinh do tự mình bịa đặt ra, ngụy tạo! Bản hội tập này không ngụy tạo, từng chữ từng câu đều có căn cứ, đều do chính Phật nói, sao gọi là ngụy kinh được? Nếu bảo những bản hội tập đều là ngụy tạo thì ngụy kinh quá nhiều. Hiện tại, những sám nghi (nghi thức bá sám) trong tất cả đạo tràng, cho đến khóa bản để tụng trong khóa lễ sáng tối đều là những bản hội tập, vậy thì toàn bộ đều ngụy kinh. Vậy thì những gì Phật pháp thực hành trong hơn hai ngàn năm đều là tầm bậy ư? Có đạo lý ấy hay chẳng? Chẳng thể nói tùy tiện như vậy được! Nói năng là cả một môn học vấn lớn.

Trong nền giáo dục của Khổng lão phu tử, ngôn ngữ là khoa thứ hai, đức hạnh là khoa thứ nhất. Do đây biết rằng: Ngôn ngữ được coi là rất quan trọng. Cát - hung, họa - phúc, ngôn ngữ chiếm quá nửa. Thiện ngôn, thiện hạnh công đức vô lượng. Nếu như vọng ngữ, nói đôi chiều, tội lỗi vô biên, chẳng thể không cẩn thận, chẳng thể không biết. Nếu nói bản hội tập là ngụy kinh, chính là nhục mạ toàn bộ tổ sư đại đức trong quá khứ! Bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ của ông Vương Long Thư được xếp vào Càn Long Đại Tạng Kinh. Trong quá khứ, những kinh điển được xếp vào Kinh Tạng, phải được tất cả cao tăng đại đức đương thời thẩm tra, xem xét, công nhận là không sai sót mới được đưa vào Kinh Tạng. Những ý kiến thẩm sát được gửi lên hoàng đế, hoàng đế phê chuẩn nhập tạng. Bởi thế, "*được nhập tạng*" (được đưa vào Đại Tạng Kinh) là tiêu chuẩn tuyệt đối, ngụy kinh làm sao đưa vào Tạng được?

Nói đây là ngụy kinh, không phải là nhục mạ toàn bộ cao tăng đại đức [đã tham gia] thẩm sát hay sao? Đúng là một mẻ lưới bao trùm hết. Giống như cho rằng hiểu Phật pháp chỉ có một mình anh thôi, ngoại trừ anh ra, mắt tổ sư đại đức đều mù hết. Quý vị phải biết tội đó rất nghiêm trọng! Chẳng biết nhân quả đáng sợ; Phật, Bồ Tát tha thứ cho quý vị, nhưng nhân quả chẳng tha đâu! Phật, Bồ Tát từ bi, "*tiên nhân vô tri, bất thức đạo đức, vô hữu ngữ giả, thù vô quái dã*" (người đời trước không biết, chẳng biết đạo đức, chưa từng nói đến, chẳng có lạ gì). Người thực sự có học vấn, có đức hạnh nghe đến những lời đó, trông thấy chuyện như vậy, chỉ cảm thán mà thôi. Đáng tiếc anh chưa được thân cận thiện tri thức chân chánh, không ai dạy cho anh, đúng là tự mình nhìn lầm, chứ người khác không lầm. Chuyện này rốt cuộc ai đúng ai sai, tự có người đời sau phân định, chẳng phải trong đương thời mà lịch sử sẽ phán xét.

Điều thứ hai trong Thất Bồ Đề Phần là: "*Tinh tấn, thường cần ư chân chánh, bất thủ vô ích khổ hạnh*" (Tinh tấn là thường siêng năng chân chánh, bất thủ vô ích khổ hạnh)

chẳng giữ lấy khổ hạnh vô ích). Cả bảy điều đều dựa trên Huệ Căn, Huệ Lực trong Ngũ Căn, Ngũ Lực, trí huệ hiện tiền; nhưng quý vị phải hiểu Ngũ Căn, Ngũ Lực dựa vào đâu? Dựa vào Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc ở trước đó. Ba mươi bảy Đạo Phẩm có thứ tự, nếu không có khoa trước, chắc chắn chẳng có khoa sau. Nay chúng ta không có năng lực chọn lựa, vì sao? Không có trí huệ! Vì sao không có trí huệ? Không tu Ngũ Căn, Ngũ Lực. Vì sao chẳng thể tu thành công Ngũ Căn, Ngũ Lực? Đều vì chẳng dốc sức nơi Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc ở phần trên; chúng là cơ sở của những cơ sở.

Học nhân thời cổ, bất luận tại gia hay xuất gia, gặp được chân thiện tri thức, thầy tốt, đúng là theo thứ lớp dạy dỗ, bồi dưỡng, thành tựu. Trí huệ của quý vị chưa mở mang, thầy giúp đỡ. Đến khi nào chính quý vị đã mở mang trí huệ, sẽ có năng lực quyết định chọn lựa pháp môn. Lúc ấy bèn tinh tấn, siêng năng chân chánh. Trong Tịnh tông, chân chánh là một câu Phật hiệu; chư Phật Như Lai, cổ thánh tiên hiền dạy chúng ta phương pháp này chính là pháp Trì Danh Niệm Phật trong bốn cách niệm Phật. Cận đại, Ấn Quang đại sư cực lực đề xướng, hoằng dương, khuyên dạy chúng ta niệm Phật.

Lão pháp sư Để Nhàn dạy ông thợ vá nồi đừng khổ hạnh vô ích, phương pháp của Ngài rất hay! Một câu A Di Đà Phật ấy niệm đến khi mệt bèn nghỉ ngơi, nghỉ khỏe rồi lại niệm tiếp, khiến cho thân thể, tinh thần của quý vị chẳng hề có mảy may áp lực nào, nhưng cần phải buông xuống vạn duyên. Ta đến trong thế gian này, chuyện gì đã qua bèn cho qua luôn, nhất định không kéo trở lại nữa, sau này ta còn có thể sống thêm được mấy năm nữa? Thời gian quý báu hơn bất cứ thứ gì khác, phải thực sự giác ngộ! Thân, tâm, thế giới, hết thảy buông xuống hết, bất cứ sự gì dù thế gian hay xuất thế gian đều chẳng ăn nhằm gì đến ta, ta nhất tâm niệm Phật, sống được một ngày bèn niệm một ngày, nhất định thành công!

Niệm Phật chẳng thể vắng sanh là vì nguyên nhân nào? Vị chỉ dạy đầu tiên hết là Đại Thế Chí Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta phương pháp "*đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*" (nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối). Nhiếp trọn sáu tâm là gom cái tâm lại. Đó là buông xuống vạn duyên! Thân hồi con mắt từ nơi Sắc Trần lại, thân hồi cái tai từ nơi Thanh Trần lại, sáu căn chớ đeo đuổi bên ngoài, thân hồi lại, nhất tâm chuyên niệm. Đại Thế Chí gọi đó là "*nhiếp trọn sáu căn*", tức là như Mạnh tử nói: "*Học vấn chi đạo vô tha, cầu kỳ phóng tâm nhi dĩ*" (Đạo học vấn không có gì khác, cốt sao thân hồi được cái tâm đã phóng dật mà thôi). Đó là học vấn thực sự, thân hồi sáu căn lại, chẳng phan duyên nơi cảnh giới lục trần là đúng. Đó gọi là "*nhất tâm chuyên niệm, nhất hướng chuyên niệm*", chỉ một phương hướng, chỉ một mục tiêu, chẳng xen tạp! "*Bất hoại nghi, bất giáp*

*tạp, bất gián đoạn*" (không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn) là "tịnh niệm tiếp nối". Tịnh là không xen tạp, tiếp nối chẳng gián đoạn.

Chín chữ của Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát đã nói có cùng một ý nghĩa với lời dạy của Đại Thế Chí Bồ Tát. Trong tập sách nhỏ Tây Phương Xác Chỉ, Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát nói: "*Bất hoài nghi, bất gián tạp, bất gián đoạn*" (Không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn) rất dễ hiểu! Bí quyết niệm Phật là đây. Nếu thực sự làm được như thế thì gọi là chân tinh tấn, vạn người tu vạn người vãng sanh. Chớ có suy nghĩ bậy bạ! Cả đồng nghi vấn! Chúng tôi thường thấy các đồng tu đến hỏi, [than thở bản thân họ] nghiệp chướng sâu nặng, nhưng nghiệp chướng nặng nề là ở chỗ nào? Nghiệp chướng là như thế này đây: Lo lắng, ngờ vực quá nhiều, chẳng thật thà! Tâm không định được! Nếu công phu đắc lực, chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn, người ấy tuyệt đối chẳng đến tìm tôi! Vì sao chẳng tìm tôi? Tôi chẳng bằng họ, họ tìm tôi để làm gì? Người ta muốn thành Phật ngay lập tức, tôi tụt sau họ, họ tìm những gì ở trước chứ tìm đằng sau làm gì? Họ nhất định tìm những gì cao minh hơn, chẳng thể tìm kẻ kém họ!

Quý vị phải biết giảng kinh không bằng Niệm Phật! Niệm Phật công phu đắc lực đúng như lão hòa thượng Đế Nhàn nói (lão hòa thượng Đế Nhàn là pháp sư giảng kinh), Ngài thấy người đồ đệ làm thợ vá nồi của mình vãng sanh, Ngài cảm thán. Ngài nói gì? "*Thành tựu của ông cao hơn phương trượng trụ trì các tùng lâm trong thiên hạ nhiều lắm, những thiện tri thức hoằng Tông nghiên Giáo (hoằng dương Thiền Tông, nghiên cứu Giáo Hạ) trong thiên hạ, những pháp sư ấy chẳng bằng được ông!*" Đúng vậy, nói không sai, kể cả chính bản thân Ngài. Người thợ vá nồi duyên tốt, thực sự làm được! Duyên của pháp sư Đế Nhàn chưa được, Ngài muốn niệm Phật, người ta đến thỉnh giáo, người ta thỉnh mình đi giảng kinh, mình làm cách nào đây? Người thợ vá nồi không ai biết đến, chắc chắn không có ai tìm. Ông ta không biết chữ, đó là duyên thù thắng. Do đây, chúng ta chẳng thể không hiểu rõ: Nổi danh, tiếng tăm lớn có tốt hay chẳng? Không tốt đâu!

Lúc càng nổi danh, chướng ngại càng nhiều! Người tìm đến mình nhiều quá, bị người ta tìm thì bận rộn, khiến cho công phu của mình bị gián đoạn, khiến mình bị xen tạp, công phu chẳng thuần. Dù có vãng sanh, phẩm vị cũng không cao. Nếu như quý vị thực sự hiểu được đạo lý này, quý vị có còn muốn tranh danh hay chẳng? Tranh danh, tranh lợi chỉ khiến cho chính mình chuốc phiền, những điều này đều phải có trí huệ chân thật mới hiểu rõ nổi, không có trí huệ chân thật là không xong! Người thế gian ngỡ danh lợi là tốt, đối với người tu đạo, danh lợi là chướng ngại, đại chướng ngại, chướng ngại quý vị tinh tấn. Vì thế, phương pháp ấy của lão hòa thượng Đế Nhàn hết sức đáng tuân thủ.

Trước kia, tôi ở rất nhiều đạo tràng tại Mỹ quốc, tôi đều khuyên mọi người dùng phương pháp sau đây, họ bảo tôi phương pháp này hết sức hay. Cùng tu một chỗ, dầu cùng tu chung một chỗ vẫn là mỗi người mỗi tu, chỉ có âm thanh niệm Phật, âm điệu thống nhất. Ngoài ra, đều tùy thuộc vào sự thuận tiện cho chính mình. Một Niệm Phật Đường chia thành ba khu vực: Trong đó một bộ phận đối trước tượng Phật lễ Phật, đó là khu vực lễ Phật. Hai bên Phật đường, dựa sát tường là khu vực tịnh tọa. Giữa khu vực tịnh tọa và lễ Phật là khu vực nhiễu Phật. Anh thích nhiễu Phật thì đi nhiễu Phật theo đường đó. Anh nhiễu Phật mệt rồi, muốn ngồi xuống nghỉ một chút, "chỉ tịnh" nhìn vách, đi đến bên tường anh bèn ngồi xuống. Chỉ có người nhiễu Phật niệm Phật ra tiếng, người tịnh tọa không niệm ra tiếng, chỉ niệm thầm, hoặc niệm theo lối Kim Cang Trì: Miệng động, nhưng không vang ra tiếng, dưỡng thần, khôi phục thể lực. Lễ Phật chẳng niệm ra tiếng, nghe âm thanh Phật hiệu, hoặc là cứ một câu Phật hiệu lễ một lạy, hoặc hai câu Phật hiệu lễ một lạy. Lễ Phật nhanh hay chậm miễn sao tiện cho chính mình.

Phương pháp này tốt hơn bất cứ phương pháp nào khác, đúng là già trẻ đều thích hợp. Người già cả thể lực yếu, tốc độ lễ Phật rất chậm, người trẻ tuổi lễ Phật rất mau. Nếu quý vị muốn gõ dẫn khánh, cùng lúc lạy xuống, cùng lúc đứng lên; có lúc người cao tuổi theo không kịp, ắt sanh phiền não. Bởi vậy, chúng tôi không dùng dẫn khánh, mỗi người tự lễ, hoàn toàn không có áp lực, hoan hỷ! Hết sức thích hợp cho xã hội hiện thời, cốt ý chẳng giữ những khổ hạnh vô ích. Nói thật ra, những khổ hạnh ấy đối với chúng ta vô ích, chúng tôi không dùng.

Hỷ Giác Phần: "*Trụ chân pháp hỷ, bất y điên đảo chi pháp nhi hỷ*" (Trụ vào chân pháp hỷ, chẳng vui theo pháp điên đảo). Chân pháp hỷ thì công phu tu học đặc lực, sự hỷ duyệt ấy từ nội tâm lưu xuất; "*vui nơi pháp điên đảo*" nghĩa là gì? Chính là những gì kích động bên ngoài! Người thế gian ham thích ngũ dục, lục trần, chỗ vui chơi, dạ hội trong thế gian. Lúc tôi ước chừng hai mươi tuổi, lúc đó vừa mới ra trường, từng ở Thượng Hải bốn tháng. Tối đến, bè bạn thường cùng nhau đi hộp đêm (nighclub) chơi, những hộp đêm đó là những nơi chốn "*vui theo pháp điên đảo*". Những nơi ca vũ, những nơi hý kịch đều là "*vui do nương theo pháp điên đảo*".

Trụ trong chân pháp hỷ, nương vào giáo huấn của thánh hiền để tu hành; trong tu hành có pháp hỷ, công phu đặc lực có pháp hỷ, đặc định, khai huệ. Nghiên cứu kinh giáo cũng có pháp hỷ, khế nhập cảnh giới, pháp hỷ sung mãn. Thánh hiền thế gian đọc sách của thánh hiền thế gian khế nhập cảnh giới, Phu Tử nói cũng chẳng vui ư: "*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?*" (Học rồi thường thực hành, cũng chẳng vui ư?). Đó là nương theo chánh pháp mà sanh lòng hoan hỷ. Hỷ trong Thất Giác Chi chẳng phải là sự vui mừng thông thường, không có nghĩa như vậy. Hỷ lạc như vậy

chẳng gọi là Giác Chi, chẳng ăn nhập, chẳng dính dáng gì tới Bồ Đề cả. Nhất định phải tương ứng với Giới - Định - Huệ, phải là Pháp Hỷ.

Thứ tư là Trừ Giác Chi, Trừ (除) là đoạn trừ. "*Đoạn trừ chư kiến phiền não, bất tổn chân chánh thiện căn*" (Đoạn trừ các kiến phiền não, chẳng tổn hoại thiện căn chân chánh), phải hiểu điều này! Vừa đoạn trừ phiền não vừa chẳng tổn hoại thiện căn chân chánh bằng cách nào đây? Chỗ này quý vị nhất định phải hiểu. Trong kinh luận, đức Phật nói rất nhiều, chúng ta nghe cũng đã quen tai: "*Phiền não tức Bồ Đề*". Quý vị thấy trong Thất Bồ Đề Phần, nếu phiền não chính là Bồ Đề, phải đoạn trừ phiền não thì chẳng phải là Bồ Đề cũng cần phải đoạn ư? Thiện căn bị tổn thất rồi! "*Đoạn các kiến phiền não*", các kiến ở đây là tà kiến, lại còn "*chẳng tổn thiện căn chân chánh*", nghĩa là sao? Chuyển phiền não thành Bồ Đề thì phiền não không có nữa, phiền não biến thành Bồ Đề, duyên do là như thế.

Chuyển như thế nào? Ở đây là giác và mê, lúc mê là phiền não, sau khi giác ngộ là Bồ Đề. Chúng tôi nêu thí dụ dễ hiểu nhất! Dường như trong cuộc đời của mỗi một vị đồng học đều gặp phải người khác hữu ý hay vô ý hủy báng mình, quý vị nghe xong rất tức giận; đó là sanh phiền não. Người ta hủy báng quý vị, quý vị tiếp nhận. Trong tâm quý vị sanh sân hận, lại còn nghĩ cách báo thù, ấy là sanh phiền não. Nếu quý vị đã giác ngộ, quý vị chẳng thềm để ý. Càng hủy báng nghiêm trọng, quý vị càng niệm A Di Đà Phật, tôi thường nói quý vị phải cảm tạ người đó. Vì sao? Người ta tiêu nghiệp chướng thay cho quý vị! Quý vị thấy đó: Phiền não chẳng có thì Bồ Đề bèn sanh khởi! Trong những thí dụ giống như vậy đó, thì một niệm là giác hay mê; một niệm giác thì phiền não bèn chuyển thành Bồ Đề!

Tai nạn nghiêm trọng nhất là như trong kinh Phật đã kể: Nhẫn Nhục tiên nhân gặp phải vua Ca Lợi cắt chặt thân thể. Đó là tai nạn nghiêm trọng nhất, đúng là oan uổng! Nhẫn Nhục tiên nhân chẳng có chút lầm lỗi gì, có sao vua Ca Lợi lại nổi nóng? Vì sao lại phát sanh sân tâm lớn như thế, xử tử Nhẫn Nhục tiên nhân? Câu chuyện này được chép tường tận trong kinh Đại Bát Niết Bàn, kinh Kim Cang chỉ nhắc tới, chứ không nói kỹ. Vua Ca Lợi dẫn theo rất nhiều đại thần văn võ và quyến thuộc trong cung đi săn, cũng đáng là chuyện rất cao hứng, rất hưng phấn. Những cung nữ được vua dẫn theo gặp Nhẫn Nhục tiên nhân, trông thấy một vị tu đạo khổ hạnh trong núi, rất hiếu kỳ, bèn hỏi han tiên nhân. Nhẫn Nhục tiên nhân thuyết pháp cho họ, họ nghe pháp hết sức hoan hỷ. Vua Ca Lợi thấy như vậy, đương nhiên [trong số những tùy tùng của vua] cũng có oan gia đối đầu, tâu "gã này giả tu hành, chứ không phải thật tu, đang trên gheo cung nữ". Vua Ca Lợi nghe xong, hết sức giận dữ, truyền xử tử hình, xử tử bằng cách lăng trì.



Đây là oan uổng rất lớn, sỉ nhục rất lớn, nhưng Nhẫn Nhục tiên nhân giác chứ không mê, chẳng những không hận vua, tâm không oán hận một chút nào, Nhẫn Nhục Ba La Mật viên mãn, chẳng hề có mảy may tâm báo thù, Trì Giới Ba La Mật viên mãn, lại còn cảm tạ vua Ca Lợi, phát nguyện: "*Trong tương lai tôi thành Phật, người thứ nhất tôi sẽ độ chính là nhà vua*". Đó chẳng phải là "*đoạn các kiến phiền não, thành tựu Vô Thượng Bồ Đề*" ư? Chẳng những [thiện căn] không bị tổn, mà còn thành tựu Vô Thượng Bồ Đề! Chúng ta phải nhớ kỹ, nghịch cảnh ác duyên thường gặp phải, khi gặp rồi, quý vị hãy nghĩ Phật, Bồ Tát thị hiện, dạy chúng ta phải xử sự trong nghịch cảnh, đối xử với ác duyên như thế nào, phải học theo trí huệ cao độ của Phật, Bồ Tát, chuyển phiền não thành Bồ Đề.

Tiếp đến là Xả Giác Chi. "*Xả sở kiến niệm trước cảnh, vĩnh bất truy ức*" (Bỏ chấp trước vào những cảnh đã trông thấy hay nghĩ đến, vĩnh viễn chẳng nhớ lại). Giữa Xả và Trừ thì: Trừ là đối nội, bên trong ta có sân khuể, báo thù, thì đó là phiền não bên trong. Xả là đối với cảnh giới bên ngoài, tức cảnh giới ngũ dục, lục trần bên ngoài thường dụ dỗ, mê hoặc ta, ta trông thấy hay nghe thấy, nhưng chẳng chấp vào tướng. Đối với những cảnh giới ấy, quý vị chẳng chấp tướng, cảnh nào đã qua, vĩnh viễn chớ nên hoài niệm. Cứ mỗi lần quý vị hoài niệm là lại gieo một chủng tử vào A Lại Da Thức, đó là tạo nghiệp! Khẩu không tạo, thân cũng không tạo, nhưng ý tạo nghiệp. Phải thường nhớ rằng: "*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*" (Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng), "*nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh*" (hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng); đức Phật giảng chân tướng sự thật như thế. Phàm phu rất khó giác ngộ, rất khó liễu giải. Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm, đúng là thiên ngôn vạn ngữ, nhưng Ngài chẳng ngừng lập đi lập lại những điều quan trọng nhất, chúng ta nghe đã quen tai, nhưng chẳng thể thọ dụng, hễ cảnh giới hiện tiền bèn mê lập tức. Vì sao biết là mê? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước sanh khởi, vô dụng!

Các nhà khoa học hiện tại cũng rất cần cù, họ dùng phương pháp khoa học, dùng cách suy đoán cao sâu của Toán Học để dần dần làm sáng tỏ đôi chút Thật Tướng của các pháp như đã được nói trong kinh Phật. Ví dụ như Phật nói "*phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*", "*hết thảy pháp hữu vi như mộng, huyễn, bọt, bóng*". Những điều này mọi người nghe quá quen rồi, kinh Kim Cang nói như vậy. Hiện thời, các nhà khoa học phát hiện (cư sĩ Chung Mậu Sâm hồi trước đã từng giảng diễn về chuyện này ở đây) rằng dưới một điều kiện nào đó, thời gian và không gian sẽ bằng zéro. Kinh Đại Thừa thường nói thời gian dài vô lượng kiếp, một sát-na là thời gian ngắn ngủi. Vô lượng kiếp có thể rút ngắn thành một sát-na, một sát-na có thể triển khai thành vô lượng kiếp. Thời gian không còn nữa!

Cõi Phật ở phương khác khoảng cách xa xôi, như kinh Di Đà đã nói: Sa Bà cách Cực Lạc mười vạn ức cõi Phật. Trong cảnh giới nào đó, chúng ta ngồi ở đây, A Di Đà Phật ở đâu? Ở ngay trước mặt chúng ta. A Di Đà Phật không đến, ta cũng không đi, nhưng ở ngay trước mặt nhau, vậy là xa - gần không còn nữa, không gian không còn nữa. Hiện tại, do suy luận Toán Học, các khoa học gia thấy dưới một điều kiện nào đó, không có không gian, không có xa - gần, không có quá khứ, hiện tại, vị lai, không có thời gian. Kinh Phật nói như vậy, khoa học gia gật đầu: "Tin tưởng được!" Nói đến khởi nguyên của vũ trụ là như thế nào, các nhà khoa học cũng dần dần phát hiện giống như kinh Phật dạy: "*Nhất thời đốn hiện, sát-na chẳng trụ*". Dần dần khoa học cũng chứng minh được những chuyện này.

Dẫu họ chứng minh được, chứng minh trên mặt lý luận thì không có vấn đề gì: "Có khả năng có những chuyện như vậy!", nhưng họ chẳng thể khế nhập cảnh giới ấy. Những cảnh giới kinh luận dạy cho chúng ta biết đều thuộc về định lực rất sâu. Định lực rất sâu làm cho vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chúng ta đều bị đoạn trừ hết, chân tướng của vũ trụ hiển hiện rõ ràng. Trong kinh điển Đại Thừa, đức Phật thường gọi chân tướng sự thật là "*cảnh giới giải thoát chẳng thể nghĩ bàn*". Sự giải thoát ấy là đại tự tại, đại tự tại chẳng thể nghĩ bàn, chẳng có xa - gần, chẳng có quá khứ, hiện tại, vị lai, chẳng có sanh - diệt; tức là "*bất sanh, bất diệt, bất khứ, bất lai, bất thường, bất đoạn, bất nhất, bất dị*" (không sanh, không diệt, không đến, không đi, không thường, không đoạn, không một, không khác); Trung Quán Luận gọi là "*bát bất*". Cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là cảnh giới của Pháp Thân Bồ Tát, là cảnh giới Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới và mười pháp giới là một, chứ không phải hai, lạ lùng lắm! Một niệm giác thì thế giới này đúng là Nhất Chân pháp giới; một niệm mê, thế giới này là ngũ trược ác thế. Thế giới không có giác hay mê, giác hay mê, nhiễm hay tịnh là do chính mình.

Bởi vậy, như chúng tôi thường nói Xả là buông xuống, buông xuống vạn duyên, buông thân tâm thế giới xuống, quan trọng nhất là buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Vì sao? Cảnh giới bên ngoài không chướng ngại, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại. Chướng ngại là do vọng tưởng, phân biệt, chấp trước phát sanh. Do đây biết rằng: Chướng ngại chẳng do cảnh giới bên ngoài, cảnh giới bên ngoài không chướng ngại. Phàm phu chúng ta lầm lạc, cứ tưởng chướng ngại ở bên ngoài; đức Phật dạy chúng ta cảnh giới bên ngoài không gây chướng ngại.

Thứ sáu là Định Giác Phần: "*Ư chư Thiên Định cảnh giới, bất sanh ái kiến vọng tưởng*" (Trong các cảnh giới Thiên Định, chẳng sanh ái kiến vọng tưởng). Câu sau hết sức quan trọng. Cảnh giới Thiên Định hết sức khoái lạc, Thiên Duyệt làm thức ăn mà! Bởi thế, lắm người đắc Thiên Định chẳng thể

nâng công phu lên một mức cao hơn là vì tham đắm cảnh giới Thiền Định. Tứ Thiền Bát Định là như vậy, họ chẳng thể ra khỏi luân hồi, đắm say mùi vị Thiền Định, vị ấy là pháp vị. Chấp vào đó, chấp không chịu bỏ, trong Phật pháp thường gọi là "chấp tướng". Do chấp tướng nên sanh khởi tham ái. Tham ái vẫn là vọng tưởng. Bởi thế, phải đặc biệt cảnh tỉnh chính mình: Quý vị có trí huệ cao độ thì trong bất luận cảnh giới Thiền Định nào, quý vị cũng có thể hưởng thụ, nhưng chớ nên chấp trước; vậy mới là đúng, chẳng nẩy sanh một chút tác dụng phụ nào. Cảnh giới hiện tiền của chúng ta cũng như vậy, chúng ta có thể hưởng thụ cảnh giới ấy, nhưng chớ nên chấp trước. Nếu quý vị sanh khởi phân biệt, chấp trước, thì là lầm mất rồi, rắc rối xảy ra liền.

Cuối cùng là Niệm Giác Chi. Niệm Giác Chi là "*Định Huệ cân bằng*". Nếu Định vượt quá Huệ bèn hôn trầm; Huệ vượt quá Định bèn lao chao. Lao chao là trong tâm vọng niệm tơ bời. Có hiện tượng vọng niệm tơ bời là Huệ nhiều Định ít. Hôn trầm là Định nhiều, Huệ ít. Vì thế phải luôn giữ cho Định Huệ quân bình, đều là thuộc về trí huệ. A! Bây giờ đã hết giờ rồi!

\*

Chư vị đồng học!

Phần trên chúng tôi đã giới thiệu Thất Bồ Đề Phần; bình thường dụng công tu học bất cứ một pháp môn nào thì Thất Bồ Đề Phần luôn là nguyên lý nguyên tắc. Trong cuộc sống thường nhật, xử sự, đãi người, tiếp vật, quan trọng là phải biết sử dụng [những nguyên tắc đó], biết tu luyện trong sinh hoạt thường nhật, dùng sự việc để luyện tâm! Nói thật ra, trong năm mươi ba lần tham học, Thiện Tài đồng tử đã thực hiện công phu ấy rất thuần thục, chúng ta cũng phải học tập điều này.

Đoạn cuối cùng, "*Bát Thánh Đạo phần*". "*Bát Thánh Đạo, hựu danh Bát Chánh Đạo, tu học thành tựu, chánh trí hiện tiền, giác bất mê dã*" (Bát Thánh Đạo, còn gọi là Bát Chánh Đạo, tu học thành tựu, chánh trí hiện tiền, giác chứ không mê). Bất luận tu học pháp môn nào, quý vị nhất định phải dựa vào Căn và Lực; để có thể điều tiết thân tâm qua việc tu tập trong cuộc sống hằng ngày thì nhất định phải có Thất Bồ Đề phần; chúng giúp quý vị biến chuyển cảnh giới, thành tựu công phu chân thật. Bát Chánh Đạo là "*chánh trí hiện tiền*", quý vị mới có thể thực sự đạt đến "giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ chẳng nhiễm". Trong Giác - Chánh - Tịnh, hễ đạt được một điều thì hai điều kia đều đồng thời đạt được. Người giác chứ không mê nhất định chẳng tà tri tà kiến, nhất định chánh chứ không tà, tâm địa nhất định thanh tịnh, tịnh chứ không nhiễm. Nếu tâm địa người ấy

niêm ô là không giác, nếu kiến giải bất chánh thì người ấy cũng không giác. Vì thế một mà ba, ba nhưng một, đạt được một điều bèn đạt được hết.

Trước hết, chúng ta xem điều thứ nhất trong Bát Chánh Đạo: "*Chánh Kiến: Tu vô lậu hạnh quán, kiến Tứ Đế phân minh*" (Chánh Kiến: Tu vô lậu hạnh quán, thấy Tứ Đế phân minh). Lậu (漏) là tên gọi khác của phiền não. Thế nào là Vô Lậu? Nói đơn giản nhất, dễ hiểu nhất thì Lậu là tên gọi khác của phiền não. Kinh Hoa Nghiêm nói: Trong vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì chấp trước là Kiến Tư phiền não, phân biệt là Trần Sa phiền não, vọng tưởng là Vô Minh phiền não. Như vậy, nếu nói theo kinh Hoa Nghiêm thì mọi người sẽ dễ hiểu: Lậu là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Vô Lậu là không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Quý vị quan sát vũ trụ, nhân sinh, hết thấy sự, hết thấy người, hết thấy vật trong cuộc sống thường nhật trọn chẳng xen tạp vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Đó là "*tu Vô Lậu Quán*".

Kiến giải chính xác, chánh tri chánh kiến, quý vị "*thấy Tứ Đế phân minh*". Tứ Đế là hai thứ nhân quả. "Khổ, Tập" là nhân quả thế gian; "Diệt, Đạo" là nhân quả xuất thế gian. Chúng tôi thường nói: Tánh - tướng, sự - lý, nhân - quả trong vũ trụ rõ ràng, rành mạch, phân minh; đó là Chánh Kiến. Nói theo cách của người hiện thời thì là "có Vũ Trụ Quan và Nhân Sinh Quan chính xác". Nói đúng ra, người thế gian không hề có Vũ Trụ Quan và Nhân Sinh Quan chân chánh. Vì sao không có? Vì bị vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xen tạp vào đó, chẳng thấy rõ rệt chân tướng. Đức Phật đúng là tuyệt diệu! Đức Phật dạy chúng ta trừ bỏ chướng ngại, quan sát chính xác thì mới thực sự thấy được chân tướng. Đó là Chánh Kiến.

Thứ hai là Chánh Tư, còn gọi là Chánh Tư Duy. "*Bát Nhã vô tri, vô sở bất tri, thị Tư*" (Bát Nhã vô tri nhưng không gì chẳng biết, là Tư). Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư giảng là "*dĩ vô lậu tâm tương ứng tư duy, động phát giác tri trừ lượng, vị linh tăng trưởng nhập đại Niết Bàn*" (dùng sự tư duy tương ứng với tâm vô lậu để khởi lên sự nhận biết, tính toán, ngộ hầu tăng trưởng, nhập đại Niết Bàn). Đó là Chánh Tư Duy. Chúng tôi giải thích đơn giản hơn, dễ hiểu hơn, nhưng không trái nghịch ý nghĩa. Tôi dùng kinh Bát Nhã để nói: "*Bát Nhã vô tri*". Vô Tri là Căn Bản Trí, Vô Tri là Thiền Định rất sâu, chứ không phải là chẳng biết gì cả, nó biết chứ! Nhưng nó không khởi tác dụng, tác dụng ấy là Tự Thọ Dụng, chưa phải là Tha Thọ Dụng. Hiểu rõ hết thấy nhưng lại như như bất động, trong kinh Đại Thừa chúng ta thường đọc thấy: "*Tịch mà thường chiếu, chiếu nhưng thường tịch*". Bát Nhã vô tri là như vậy đấy.

Tịch là một niệm chẳng sanh, Chiếu là rành rẽ, rõ rệt, minh bạch, tỏ tường. Giống như gì? Giống như nước, gió im, sóng lặng, nước thanh tịnh,

chẳng ô nhiễm mảy may, giống hệt như một tấm gương, thường chiếu, thường tịch! Nước chẳng lay động một chút nào, chúng ta nghĩ xem trong cảnh giới ấy, nước giống như gì? Như tâm! Lúc tâm tịch tĩnh bất động bèn chiếu, chẳng phải là không chiếu, tự nhiên chiếu, chẳng phải hữu ý chiếu, cũng chẳng phải vô ý, hữu ý lẫn vô ý đều không có, nó vốn sẵn là như vậy. Bởi thế, trong Phật pháp thường nói: "*Pháp nhĩ như thị*" (pháp vốn là như thế). "*Pháp nhĩ như thị*" nghĩa là tự nhiên, vốn sẵn là như thế. Một tấm gương chiếu rất rõ ràng, rành rẽ, cảnh giới ấy thuộc về quả địa của chư Phật Như Lai.

Chẳng những Phật đã nhập cảnh giới ấy, chúng tôi nói mọi hàng Bồ Tát Tịch Diệt Nhẫn cũng đều nhập cảnh giới ấy. Tịch Diệt Nhẫn là Pháp Vân Địa Bồ Tát, những Đẳng Giác Bồ Tát đều thuộc cảnh giới ấy, cao hơn cảnh giới Vô Sanh Pháp Nhẫn. Nếu đem Vô Sanh Pháp Nhẫn so với Tịch Diệt Nhẫn thì Tịch Diệt Nhẫn giống như nước hoàn toàn lặng yên, chẳng động chút nào; còn Vô Sanh Pháp Nhẫn vẫn còn một chút lăn tăn. Quý vị phải rất chú tâm mới có thể nhận biết; nếu không chú tâm thì về căn bản quý vị chẳng biết tâm mình đang động. Dù sóng gợn rất nhẹ, vẫn có thể chiếu được cảnh giới bên ngoài rất rõ ràng. Chúng ta thấy mặt hồ lặng yên khi im gió, mặt hồ phản chiếu bóng núi soi ngược xuống, cảnh ấy hết sức đẹp. Nếu quý vị nhìn kỹ vẫn thấy mặt hồ gợn sóng lăn tăn, dẫu chẳng phải là sóng lớn, nhưng chưa phải là hoàn toàn bình lặng, điều đó giống như cảnh giới của Vô Sanh Pháp Nhẫn Bồ Tát. Cảnh giới Tịch Diệt Nhẫn dẫu chỉ một tí sóng gợn cũng không có. Bát Nhã vô tri giống như thế đó, "*không gì chẳng biết*" là khởi tác dụng. Quý vị đồng học nhất định phải hiểu: Đối với chư Phật, Bồ Tát, đừng nói đến những Bồ Tát nào khác, hễ là Vô Sanh Pháp Nhẫn Bồ Tát thì phải là từ Thất Địa Bồ Tát trở lên.

Tịch Diệt Nhẫn của Phật, Bồ Tát đúng là trọn pháp giới khắp hư không giới, hễ nơi nào có chúng sanh Cảm (tức là có duyên, có cảm đối với Phật, Bồ Tát), Phật, Bồ Tát lập tức hiện thân thuyết pháp ở nơi đó. Hiện thân là Ứng Hóa Thân. Đáng dùng thân nào để [người nghe pháp đắc] độ, bèn hiện thân đó, tuyệt đối chẳng nghĩ ta phải hiện thân nào! Không hề có ý tưởng như vậy, hoàn toàn tự nhiên! Nếu quý vị phải nghĩ "ta muốn hiện thân nào?" thì quý vị là phàm phu, chẳng phải là Bồ Tát. Chúng ta nghĩ không ra [cảnh giới siêu việt ấy] nên nói là "*chẳng thể nghĩ bàn*". Hiện thân hữu tình, hiện thân vô tình. Ba mươi hai ứng thân của Quán Thế Âm Bồ Tát thực sự chẳng hề khởi tâm, chẳng hề động niệm, tức là Ngài vĩnh viễn trụ trong cảnh giới tịch tĩnh.

Ngài đến ứng hóa bên chúng ta, Thích Ca Mâu Ni Phật đến thế gian này thị hiện tám tướng thành đạo, Ngài có thực sự động niệm hay chẳng? Không hề có! Nếu Ngài thực sự động niệm là bị thoái chuyển mất rồi, thoái

chuyển với một mức độ rất lớn. Thực sự chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, Ngài vĩnh viễn trụ trong Tịch Diệt Nhẫn, trong thanh tịnh tịch diệt, tự nhiên hiện thân. Hiện thân, khởi tác dụng là "không gì chẳng biết". "Không gì chẳng biết" do đâu mà có? Không đâu chẳng biết là do "vô tri" mà có. Bởi đâu đức Phật có trí huệ lớn lao đến như thế? Bất luận ai, bất luận nghi nan tạp chứng cỡ nào, cứ đến thỉnh giáo đức Phật, đức Phật lập tức giải đáp, chưa hề nghĩ ngợi gì, không hề có! Hể quý vị hỏi là đức Phật lập tức đáp ngay; tại sao vậy? Tịch Diệt Nhẫn giống như chúng tôi vừa mới nói: Nước hồ bình tịnh, không có chút sóng gợn nào, chiếu rất rõ ràng. Nếu quý vị hỏi Phật, Phật có biết chẳng? Đương nhiên biết rất rõ!

Còn quý vị vì sao không rõ? Vì tâm quý vị chẳng thanh tịnh! Chúng sanh và Phật có cùng một tâm, nhưng tâm Phật thanh tịnh chẳng khởi sóng mòi, tâm chúng sanh nổi ba đào vô minh. Ba đào không nhỏ đâu, bốn mươi một phẩm vô minh chẳng phải là ba đào nhỏ nhất, "phân biệt" là sóng gió lớn, "chấp trước" là ba đào đáng kinh hãi. Quý vị thấy chúng ta có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thật phiền quá! Do vậy, cái gì cũng chẳng rõ, Phật, Bồ Tát có đến dạy ta, ta nghe cũng chẳng hiểu rõ. Các Ngài vì ta thị hiện, chúng ta cũng chẳng thấy rõ. Vì nguyên nhân nào? Tâm thủy của ta ba đào cuồn cuộn, sóng to, gió lớn. Gió là gì? Là gió cảnh giới thối động, chẳng kháng cự được sự dẫn dụ, mê hoặc của cảnh giới bên ngoài. Mắt thấy sắc, tai nghe tiếng lập tức khởi tâm động niệm, một chút công phu định lực cũng chẳng có. Không có công phu định lực thì một tí trí huệ cũng chẳng thể có!

Huệ do đâu mà có? Huệ từ Định mà có, chúng ta nhất định phải hiểu đạo lý này. Bởi thế, đức Phật có Chánh Tư Duy, Pháp Thân Bồ Tát có Chánh Tư Duy, minh tâm kiến tánh. Các Ngài có Chánh Tư Duy, nghĩa là các Ngài suy nghĩ đúng đắn, như phần trên đã nói đến Chánh Kiến (kiến giải đúng đắn), tư duy như vậy là chánh tri. Trong nhà Phật thường nói "chánh tri chánh kiến", chánh tri là Chánh Tư Duy, chánh kiến chính là Chánh Kiến trong Bát Chánh Đạo. Cách nghĩ, cách nhìn của quý vị không sai lầm, hoàn toàn là trí huệ. Tôi nói như vậy chắc quý vị dễ hiểu.

Thứ ba là Chánh Ngữ: "*Trừ tứ tà mạng, nhiếp chư khẩu nghiệp, danh Chánh Ngữ*" (Trừ bốn thứ tà mạng, nhiếp các khẩu nghiệp gọi là Chánh Ngữ). Thế nào là bốn thứ Tà Mạng? Trong Chú Giải có giải thích, trong Phật Học Đại Từ Điển và Giáo Thừa Pháp Số cũng có nói. Bốn thứ này quá nửa nói về người xuất gia, nhưng hiện thời kẻ tại gia cũng phạm bốn bệnh này.

1) Thứ nhất là Phương Khẩu Thực (方口食):

Trong cuộc sống thường nhật, chúng ta thích bợ đỡ kẻ quyền quý, giống như thời cổ gọi là "thuyết khách", du thuyết tứ phương để hưởng danh văn,

lợi dưỡng. Ở đây, phải đặc biệt chú ý một điều: Vì làm lợi cho chính mình, vì đạt danh văn, lợi dưỡng cho chính mình. Mục đích là như vậy! Từ đây mà khởi tâm thì gọi là Tà Mạng. Nếu chánh tri chánh kiến, tuyệt đối chẳng vì bản thân mình, mà vì an toàn xã hội, nhằm lợi ích cho chúng sanh, thì lại là cứu khổ cứu nạn, đại từ đại bi. Đó là Chánh Ngữ.

Phương Khẩu Thực như trong thời cổ có Tô Tần, Trương Nghi, bọn họ hoàn toàn vì bản thân, vì công danh phú quý của bản thân, nên du thuyết nơi các chư hầu [của nhà Châu], nơi quý nhân hiển đạt, mưu cầu địa vị cao sang bất ngờ, chẳng phải vì quốc gia, dân tộc, chẳng vì lợi ích của chúng sanh, mà vì lợi ích cá nhân. Vì thế, họ chẳng phải là thánh nhân, mà là phàm phu. Đó là một loại. Chúng ta phải hiểu (chỉ sợ quý vị hiểu lầm): Nếu người ta thực sự cần quý vị, nếu quý vị quả thật có trí huệ, có duyên phận, vì an toàn xã hội, vì lợi ích của chúng sanh mà có thể làm chút việc gì đó, nhưng quý vị không làm thì trật mất rồi! Bởi vậy, ở đây một đằng là vì bản thân, một đằng là vì người khác. Vì người khác là Chánh Ngữ; vì bản thân thì là Tà Mạng.

#### 2) Loại thứ hai là Duy Khẩu Thực (維口食):

Thật ra chữ Thực ở đây nếu nói như bây giờ thì chính là "cách kiếm sống". Duy Khẩu Thực là dùng chú thuật, xú quẻ, đoán mạng, xem tướng, xem Phong Thủy. Dùng những phương cách kiếm sống ấy để được chúng sanh cung phụng thì gọi là Duy Khẩu Thực.

#### 3) Loại thứ ba là Ngưỡng Khẩu Thực (仰口食):

Ngưỡng Khẩu Thực bây giờ gọi là "dự ngôn". Ngửa trông tinh tú tiên đoán tốt - xấu, họa - phúc, cũng nhằm để được người ta cung phụng, nuôi nấng. Từ xưa đến nay, xưa nay trong ngoài nước đều có [những hạng người này]. Nói chung, chúng sanh đều mong "xu cát tỵ hung" (hướng lành, tránh dữ); bởi thế, đối với những dự ngôn cũng rất quan tâm, xem trọng. Trước mỗi năm đầu tiên của một thế kỷ, xưa nay trong ngoài nước luôn có những dự ngôn tiên đoán lúc đó ắt có tai nạn lớn, thậm chí những kinh điển viết về ngày tận thế: Vào những lúc ấy có rất nhiều tai nạn xảy ra! Những kiểu như vậy thuộc loại Ngưỡng Khẩu Thực.

#### 4) Loại thứ tư là Hạ Khẩu Thực (下口食):

Hạ Khẩu Thực là tự mình trồng trọt. Đức Phật quy định đệ tử xuất gia phải khất thực, tự mình chẳng gieo trồng. Vì sao? Gieo trồng ắt có thâm hoạch, ắt có sản phẩm, dễ khởi tâm tham. Phật chế định phương thức như vậy đều nhằm đoạn trừ tham - sân - si - mạn. Mỗi ngày đi khất thực, người ta cho gì ăn nấy, chẳng có tâm tham, chẳng có phân biệt, kiêu căng, ngạo mạn chắc chắn không khởi lên được. Tự mình trồng trọt sản xuất, ta có

thâu hoạch, khởi tâm tham, khởi ngạo mạn: "Năm nay ta trúng mùa nhiều, các người coi ta thâu hoạch hơn bọn người nhiều lắm" nên dẫn khởi phiền não. Đức Phật chẳng hứa khả, chỉ chấp nhận cho ta khổ thực, những phương thức sanh sống khác đức Phật đều không cho. Đó là bốn thứ Tà Mạng.

Vì những phương thức sanh sống này đều liên quan đến khẩu nghiệp, chúng ta gọi là ý ngữ (nói thêu dệt), hoa ngôn xảo ngữ, trong ấy chẳng thể tránh khỏi vọng ngữ, lường thiệt (nói đôi chiều). Ý ngữ nhằm đánh động tâm người khác, hy vọng người khác cung phụng, châu cấp, đó đều là Tà Mạng, đều là sai trái. Do đây, chúng ta cũng thấy được chỗ dụng tâm của đức Thế Tôn nhằm làm cho chúng ta chẳng khởi phiền não, thường sanh chánh niệm. "*Nhiếp các khẩu nghiệp*": Khẩu nghiệp là vọng ngữ, lường thiệt, ý ngữ, ác khẩu, quyết định chẳng có, không vọng ngữ, không lường thiệt, không ý ngữ, không ác khẩu. Đó là Chánh Ngữ.

Thứ tư là Chánh Nghiệp: "*Trừ thân nhất thiết tà nghiệp*" (Trừ hết thầy tà nghiệp nơi thân). Nghiệp là tạo tác, chính đang trong lúc tạo tác thì gọi là Sự. Quý vị làm chuyện gì, đang trong lúc tạo tác thì gọi là Sự, làm xong việc thì kết quả của nó gọi là Nghiệp. Bởi thế, người thế gian thường nói gom lại là "sự nghiệp". Sự là đang trong lúc tạo tác, Nghiệp là kết quả của tạo tác. Hết thầy những nghiệp nào trái nghịch trí huệ chân thật thì những nghiệp đó chẳng phải là Chánh Nghiệp. Nói cách khác cho mọi người dễ hiểu hơn: Quý vị theo đuổi một sự nghiệp nào, kể cả việc học Phật, tu hành, nếu trong đó xen tạp vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì những nghiệp ấy đều là tà nghiệp, chẳng phải là Chánh Nghiệp! Chánh Nghiệp chẳng xen tạp vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì mới là Chánh Nghiệp.

Nói "*trụ thanh tịnh chánh thân nghiệp*" cũng là nói quý vị theo đuổi bất cứ việc gì, hạnh nghiệp tốt đẹp đến đâu thì dù là xuất gia hay tại gia đều như nhau, quý vị nhất định phải tương ứng với chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi thì mới là Chánh Nghiệp! Chẳng tương ứng với những điều trên thì là tà nghiệp. Hàng xuất gia giảng kinh, thuyết pháp, mục đích giảng kinh thuyết pháp là gì? Mục đích nhằm nâng cao danh tiếng, hy vọng mọi người tôn kính mình, hy vọng mọi người cúng dường mình, đó là tà nghiệp, chẳng phải chánh nghiệp. Giảng kinh thuyết pháp nhằm tiếp nối huệ mạng của Phật, vì hoằng pháp lợi sanh, vì giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, chuyển phàm thành thánh, chuyển ác thành lành, tuyệt đối chẳng có xen tạp máy may lợi ích cho bản thân vào đó, đây là Chánh Nghiệp. Nói cách khác, có chút xíu vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nào xen tạp vào đó thì Chánh Nghiệp biến thành tà nghiệp, chánh - tà do đây mà phân định!

Thứ năm là Chánh Mạng: "*Trừ tam nghiệp trung ngữ chủng tà mạng, trụ thanh tịnh chánh mạng*" (Trừ khử năm thứ tà mạng nơi tam nghiệp, trụ



trong chánh mạng thanh tịnh). Mạng ở đây là sanh mạng, phạm phu đều hy vọng sống lâu hơn một chút, mạng tốt hơn một chút. Ở trên, trong phần Ngũ Nghiệp (tức phần Chánh Ngũ) đã nói đến bốn thứ Tà Mạng là những phương thức sanh sống; năm thứ Tà Mạng nói ở đây rất gần với bốn thứ Tà Mạng ấy, nhưng vẫn có sai biệt. Chánh Mạng không chỉ có nghĩa là sống đúng lý, mà chữ Chánh trong Bát Chánh Đạo có nghĩa là "vô lậu huệ, nương vào trí huệ chân thật". Trong trí huệ chẳng xen tạp vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì gọi là Vô Lậu Huệ, nói như vậy thì quý vị dễ hiểu hơn.

Trong trí huệ xen tạp vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, hoặc nói dễ hiểu hơn nữa là trí huệ xen tạp tự tư tự lợi, xen tạp lòng mong cầu danh văn, lợi dưỡng cá nhân, xen tạp tham - sân - si - mạn thì hết thảy đều bất chánh, đều biến thành tà. Không xen tạp, trọn chẳng xen tạp tự tư tự lợi, trọn chẳng xen tạp danh văn, lợi dưỡng, trọn chẳng xen tạp tham - sân - si - mạn thì là trí huệ chân chánh, hết thảy đều chánh. Trong ba nghiệp thân - khẩu - ý, bốn thứ Tà Mạng nói ở trên toàn là khẩu nghiệp; ở đây bao gồm cả thân và ý, phạm vi của năm thứ Tà Mạng này càng lớn hơn nữa.

Loại Tà Mạng thứ nhất là "*trá hiện dị tướng kỳ đặc*" (dối hiện tướng tướng lạ đặc biệt), tâm thuật bất chánh, cố ý làm ra vẻ khác người, thời cổ cũng có! Tu khổ hạnh: Khổ hạnh là điều được tôn giáo Ấn Độ cổ xưa kính ngưỡng, Phật pháp cũng hết sức tôn trọng. Tu hành khổ hạnh nhằm mục đích gì? Mục đích nhằm làm cho người khác nấy sanh lòng tin, sanh tâm cung kính, cúng dường mình, mục đích là như vậy. Tâm thuật bất chánh, như tôi vừa mới nói "xen tạp danh văn, lợi dưỡng, xen tạp tự tư tự lợi". Do chẳng có đức hạnh chân chánh nên dùng những phương pháp ấy. Đó là loại thứ nhất.

Thứ hai là tự mình khen công đức của chính mình, "*vị lợi dưỡng, tự thuyết công đức*" (vì lợi dưỡng nên tự nói công đức của mình). Mục đích nhằm dẫn dụ người khác, vẫn là mong cầu danh văn, lợi dưỡng cho chính mình, vì danh văn, lợi dưỡng nên tự khoe công đức.

Thứ ba là "*chiêm tướng cát hung*" (xem tướng tốt xấu), vì người khác thuyết pháp, nhưng trong khi thuyết pháp lại xen tạp bói toán, xem tướng, đoán mạng, xem Phong Thủy, dạy người ta xu cát tỵ hung (hướng lành, tránh dữ) như thế nào, mục đích đều là vì tham lam, tham cầu lợi dưỡng.

Thứ tư là "*cao thanh hiện oai, linh nhân úy kính*" (lớn tiếng ra oai khiến cho người ta nể sợ). Dùng đủ mọi phương pháp đều nhằm cùng một mục đích: Tự mình không có oai đức bèn dùng những phương thức khác [để ra oai], với hy vọng thỏa dục vọng, thỏa tự lợi của chính mình.

Thứ năm là "*thuyết sở đắc cúng dường*" (khoe những thứ mình được cúng dường), nói người này cúng dường bao nhiêu, người nọ cúng dường

bao nhiêu, cốt ý dụ dỗ người khác làm theo. Những kiểu như vậy chắc chắn không thể chấp nhận được!

Năm thứ này, đức Phật đều gọi là dùng những ý niệm thiếu chánh đáng để đoạt lấy danh văn, lợi dưỡng' nhờ vào đó để nuôi thân nên gọi là năm thứ Tà Mạng. Phật pháp nhất định không chấp nhận!

"*Thanh tịnh chánh mạng*", câu này nghĩa là sao? Người học Phật, bất luận xuất gia hay tại gia, nhất định phải tuân thủ sự giáo huấn của đức Phật. Đối với của cải, đức Phật đã nói rất rõ, bất luận tại gia hay xuất gia, bổ thí là chánh nhân của giàu có. Quý vị chịu tu bổ thí thì làm sao cuộc sống vật chất của quý vị thiếu hụt cho được? Hết thầy cúng dường bổ thí chẳng cầu mà tự nhiên có, vì nguyên nhân nào? Do mình thường tu bổ thí cúng dường. Tín đồ cúng dường bổ thí nhiều quá, chính mình chẳng dùng hết, liền đem bổ thí cho người khác, thay họ tu phước, phước của mình cũng nằm trong đó. Quý vị thấy đó: Người ta cúng dường mình, mình đem cúng dường bổ thí lại cho người khác, mình có phước, người ta cũng có phước, mình lẫn người đều có phước. Nếu mình chẳng chịu bổ thí, muốn tham cầu hưởng thụ, tự mình chẳng có phước báo gì, người cúng dường mình cũng chẳng được phước. Không gieo được phước thì sao? Nhà Phật thường nói: "*Kim sanh bất liễu đạo; phi mao đới giác hoàn*" (Đời này chẳng liễu đạo, mang lông, đội sừng đên), tương lai vẫn phải trả nợ. Người ta bổ thí cúng dường quý vị bao nhiêu, tương lai quý vị phải trả lại bấy nhiêu, lại còn phải trả thêm tiền lời, phiền phức lắm!

Vì thế, người có trí huệ không tích góp, hề thấy trong thế gian chỗ nào cần thiết bèn nhanh chóng bổ thí. Kinh luận thường nói bổ thí cúng dường phước vô biên! Tà mạng đều là mê hoặc điên đảo, thiếu trí huệ, tâm tự tư tự lợi quá nặng. Tâm hạnh ấy là tạo nghiệp, có phước ở chỗ nào? Dùng những thủ đoạn dối trá để dối phó người khác, lầm lẫn quá lớn.

Thứ sáu, Chánh Tinh Tấn: "*Cần hành tinh tấn, tu Niết Bàn đạo*" (Siêng hành tinh tấn, tu đạo Niết Bàn). Do vậy, mọi thứ đều nương theo trí huệ chân thật. Nay Chánh Tinh Tấn của chúng ta là gì? Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ! Cầu sanh Tịnh Độ là đạo Đại Niết Bàn. Trong một đời này, chúng ta nhất định phải thực hiện viên mãn, có thành tựu được hay không toàn là do quý vị có tinh tấn hay không? Nếu quý vị vẫn biếng nhác, vẫn buông lung, tinh thần ý chí chẳng thể tập trung thì rất khó nói. Đời này quý vị kết thiện duyên cùng A Di Đà Phật, nhưng đời này chưa về được. Vì sao? Chẳng phù hợp điều kiện thành cư dân Tây Phương Cực Lạc thế giới, đơn giản vậy thôi! Quý vị chẳng đạt yêu cầu, yêu cầu quan trọng nhất là "*tâm tịnh thì cõi nước tịnh*", tâm quý vị chẳng thanh tịnh!

Vì sao tâm chẳng thanh tịnh? Vì xen tạp vọng tưởng, phân biệt, chấp

trước. Điều này thực sự là quan trọng nhất, vọng niệm quá nhiều. Bởi thế, chúng tôi thường hay nói: "Chúng ta không bằng những bà cụ già, không bằng những kẻ ngu si, cái gì họ cũng không hiểu, chữ cũng không biết luôn, nhưng họ có đức hạnh thực sự. Đức hạnh của họ là gì? Họ không ngạo mạn, luôn khiêm tốn nhường, trong hết thảy lúc, hết thảy chỗ chẳng dám đứng trước người khác. Khiêm nhường! Đó là đức hạnh. Chết phác là đức hạnh của họ, họ không mong mọi điều gì xa xỉ, không có bất cứ mong cầu gì, chết phác, thật thà niệm Phật. Vọng tưởng gì cũng chẳng sanh, đều buông xuống hết, niệm mấy năm bèn thành công". Chúng ta cậy mình thông minh, tự cho mình là phi phạm nên chẳng thể vãng sanh. Chúng ta coi những người ấy không ra gì, chẳng thèm để vào mắt, nhưng họ thành Phật rồi, bọn họ chánh tinh tấn! Còn bọn chúng ta loạn tấn, tạp tấn, cái gì cũng muốn học, chuyện gì cũng không buông xuống được, tệ hại là vì vậy!

"*Chánh Niệm: Niệm chánh đạo cấp trợ đạo pháp*" (Chánh Niệm: Niệm pháp chánh đạo và trợ đạo). Trong pháp môn này, Chánh Đạo là gì? "*Phát Bồ Đề tâm, một dạ chuyên niệm*" là chánh đạo! Trợ đạo là gì? Đoạn hết thảy ác, tu hết thảy thiện, tích công chứa đức, hồi hướng Tịnh Độ. Chúng ta tu Ngũ Giới, tu Thập Thiện, tu Lục Độ, tu Tứ Nhiếp, tu ba mươi bảy Đạo Phẩm đều gọi là pháp Trợ Đạo. [Những gì] giúp chúng ta dứt tập khí, đoạn phiền não, giúp chúng ta kiên định tín nguyện, giúp chúng ta nhất tâm tinh tấn thì là pháp trợ đạo. Đó là Chánh Niệm.

Cuối cùng là Chánh Định: "*Dĩ vô lậu huệ tương ứng nhập Định*" (Dùng vô lậu huệ tương ứng để nhập Định). Tâm phải định, kinh Di Đà nói "*nhất tâm bất loạn*" chính là Chánh Định; "*tâm chẳng điên đảo*" là Chánh Huệ. Nhất tâm bất loạn là đã khuất phục được phiền não của chính mình (chúng tôi không nói "diệt" hay "đoạn phiền não" vì công phu ấy rất sâu, chúng ta chưa thể làm được). Một câu A Di Đà Phật niệm cho khéo, tín tâm, nguyện tâm, tâm niệm Phật khiến cho tất cả phiền não tập khí, tức là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều bị khuất phục, đè nén được chúng, chẳng cho chúng khởi hiện hành, đó là bước đầu của Niệm Phật tam-muội, chúng ta thường gọi là "*công phu thành phiền*". Công phu thành phiền là như thế nào? Là như thế này đây: Phiền não tập khí chưa đoạn, nhưng chẳng thể hiện hành.

Sáu căn của chúng ta tiếp xúc với cảnh giới sáu trần bên ngoài, nhưng chấp trước chẳng khởi, phân biệt chẳng khởi, vọng tưởng chẳng khởi thì chính là "*công phu thành phiền*". Đó là Niệm Phật tam-muội sơ cấp. Quý vị đạt được Niệm Phật tam-muội, chắc chắn vãng sanh Phạm Thánh Đồng Cư độ là chuyện nắm chắc! Chúng ta thấy sắc nghe hương mà vẫn khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì quý vị phải nhớ kỹ: Chưa có công phu chân thật, vẫn bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển. Dù có niệm Phật, vẫn chưa

đạt được công phu thành phiến. Chẳng đạt được công phu thành phiến thì không thể đoan chắc sẽ vãng sanh . Quý vị nghĩ xem: Việc này lớn lao lắm, trọng yếu lắm!

Kinh nói đến "*vô lậu huệ*", tức là trong trí huệ không xen tạp vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Quý vị phải nhớ thật kỹ câu này: Xen tạp vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì vô lậu huệ không còn nữa, kinh Phật gọi cái trí huệ quý vị có đó là "thế trí biện thông", không phải là trí huệ chân thật, mà là thế trí biện thông! Thế trí biện thông khác với trí huệ chân thật ở chỗ này: Một đằng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; một đằng không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là thế trí biện thông; không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là trí huệ chân thật, là "*vô lậu huệ*". Tâm định rồi, "*dùng vô lậu huệ tương ứng nhập Định*". Tốt! Tám điều danh tướng đã giới thiệu cùng quý vị xong rồi. Bây giờ đã hết giờ rồi.

## **Tập 18**

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần "*thuyết pháp trang nghiêm*", đoạn cuối cùng là Bát Chánh Đạo.

Tám điều này trong lần trước chúng tôi đã giới thiệu danh tướng và ý nghĩa đại lược cùng quý vị; nhưng chúng ta biết tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn đều tương ứng với cương lĩnh, nguyên tắc dạy dỗ của đức Thế Tôn, nhưng trong mỗi pháp môn bất đồng bèn có cách giải thích bất đồng, quý vị nhất định phải hiểu điều này thì sự tu học hiện tiền của chúng ta mới đạt lợi ích, mới hòng đạt được mong cầu. Ngày nay chúng tôi cùng các đồng tu học pháp môn Tịnh Độ; nay trong pháp môn Tịnh Độ, Bát Chánh Đạo được giải thích bằng cách nào? Nhất định phải biết điều này.

"*Chánh Kiến*": Chúng ta thấy y báo và chánh báo trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới như đức Thế Tôn đã dạy trong kinh bèn tin chắc, chẳng hoài nghi; đó là Chánh Kiến. Chánh Kiến của chúng ta chẳng do trực tiếp thấy được thế giới Tây Phương, mà là do được nghe đức Thế Tôn giới thiệu. Đối với đức Thế Tôn, chúng ta có tín tâm kiên định. Lão nhân gia tuyệt đối chẳng lừa dối chúng ta, lời lão nhân gia quyết định giống như kinh Kim Cang đã nói: "*Như Lai thị chân ngữ giả, thật ngữ giả, như ngữ giả, bất cuống ngữ giả*" (Như Lai là bậc chân ngữ, thật ngữ, như ngữ, bậc chẳng nói lừa dối). Chúng ta tin tưởng mỗi câu mỗi chữ trong lời Phật đều là chân thật. Chánh Kiến của chúng ta được kiến lập trên Tịnh Độ tam kinh, tin sâu chẳng nghi. Đó là Chánh Kiến của Tịnh Độ Tông.

Chánh Tư Duy của Tịnh Độ Tông là như Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta: “*Úc Phật, niệm Phật, hiện tiền đương lai, tất định kiến Phật*” (Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật), đó là Chánh Tư Duy! Để nghĩ nhớ y báo và chánh báo trang nghiêm của thế giới Cực Lạc, cũng phải đọc thuộc kinh điển, phải thường nghĩ tới y báo và chánh báo trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới được nói trong kinh điển, phải thường nhớ tưởng! Chánh Kiến vừa nói ở trên là Tín tâm, còn ở đây là tư duy, thường xuyên nghĩ đến. Vì sao? Nếu chẳng nghĩ đến Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ suy nghĩ loạn xạ liền! Suy nghĩ loạn xạ là nghiệp luân hồi. Trong tâm suy nghĩ bậy bạ chính là tạo nghiệp luân hồi, trong tương lai phải chịu quả báo luân hồi. Bởi vậy, chúng ta phải chuyển cái tâm luân hồi, chuyển ý niệm luân hồi, chuyển cái nghiệp luân hồi thành tịnh nghiệp Tây Phương. Chúng ta nghĩ đến thế giới Cực Lạc, nghĩ đến y báo và chánh báo trang nghiêm dạy trong kinh Vô Lượng Thọ, nghĩ đến bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, nghĩ cách thực hiện những điều đó trong cuộc sống thường nhật như thế nào, chúng ta nghĩ như vậy thì ý nghĩ ấy tốt lành!

Thế nào là Chánh Ngữ của Tịnh Độ học nhân? Chánh Ngữ là một câu “*Nam-mô A Di Đà Phật*”, câu ấy là Chánh Ngữ của chúng ta. Bởi thế, chúng ta chào hỏi nhau đều chấp tay “A Di Đà Phật”; người ta gọi tên mình, mình đáp A Di Đà Phật. Chúng ta nhận điện thoại, cầm điện thoại lên bèn “A Di Đà Phật”, Chánh Ngữ của chúng ta là như vậy. Thời thời khắc khắc niệm niệm chẳng quên A Di Đà Phật.

Chánh Nghiệp của chúng ta là ý nghiệp tưởng A Di Đà Phật, thân nghiệp lễ bái A Di Đà Phật, khẩu nghiệp niệm A Di Đà Phật, đó là tam nghiệp của Tịnh tông.

Chánh Mạng: Tùy theo cái nghiệp báo thân của chính mình, sống được một ngày thì suốt ngày đó niệm A Di Đà Phật, y giáo phụng hành. Ba nghiệp thân - ngữ - ý diễn nói, vì người khác diễn nói; lúc lâm chung tâm chẳng điên đảo, rõ ràng rành rẽ, minh bạch, phân minh, không bị bệnh khổ, đứng mà mất, ngồi mà mất, biểu diễn cho người khác thấy, chẳng dễ dàng đâu! Con người có ai không chết? Ai nấy đều phải chết, nhưng ai ra đi tự tại, tiêu sái, rõ ràng minh bạch như thế được? Phải là người niệm Phật! Đó là vì người khác biểu diễn, vì người khác diễn nói, vô cùng có sức thuyết phục. Những chuyện ấy khoa học không thể giải thích, vì đó là siêu khoa học! Khoa học là hữu hạn, có hạn cục, có giới hạn, thế nhưng vẫn có một nền học vấn không có hạn cục, không có giới hạn mà khoa học chưa phát hiện được. Chúng ta nhất định phải biết điều này.

Thế giới tâm linh siêu việt khoa học, nói cách khác, phạm vi của khoa học chỉ thuộc nhân đạo (thế giới loài người). Nhân đạo chỉ là một pháp giới trong mười pháp giới, pháp giới này hữu hạn, chẳng có biện pháp đột phá

không gian nhiều chiều, chẳng thể thích hợp cho mười pháp giới. Nhất định phải hiểu đạo lý này, nếu không hiểu, quý vị sẽ bị hạn chế trong phạm vi của lục đạo luân hồi, chẳng thể ra khỏi lục đạo luân hồi! Không ra khỏi lục đạo luân hồi thì nói cách khác: Đúng như sự thật đã được giảng trong kinh Phật, thời gian quý vị ở trong tam ác đạo dài lâu, thời gian trong ba thiện đạo ngắn ngủi.

Phật pháp nói đến giác và mê; nói đến mê tín thì nói đúng ra là mê tín tôn giáo, mê tín cổ thánh tiên hiền. Nếu chúng ta rất lắng tĩnh, rất khách quan quan sát thì những niềm mê tín ấy so ra có lợi hơn nhiều so với mê tín khoa học. Vì sao? Cổ thánh tiên hiền, tôn giáo nói đến không gian nhiều chiều vượt ngoài nhân gian, nó có thật, chứ chẳng phải không có. Linh giới (thế giới tâm linh) thực sự tồn tại, hiện nay có không ít những người trong giới khoa học chấp trước cứng nhắc vào khoa học, nhưng khi tiếp xúc với những "linh môi" (Medium: Những người có khả năng giao tiếp với cõi âm<sup>2</sup>[2]), họ bèn tin tưởng. Từ kinh nghiệm bản thân, [họ nhận thấy] quả đúng là có linh giới. Những nhà khoa học này cả mấy chục năm mê muội khoa học, rốt cục tin tưởng. Họ viết rất nhiều báo cáo, gần đây được in thành sách, quý vị hãy tự tìm đọc.

Ở Trung Quốc và ngoại quốc có rất nhiều người quay đầu tin tưởng, khẳng định sự tồn tại của linh giới. Chữ "*linh giới*" là phiếm chỉ, nói chung, chín pháp giới ngoài pháp giới của con người ra đều gọi là "*linh giới*". Linh<sup>3</sup>[3] có cao thấp khác nhau, trong tất cả các tôn giáo thì Phật giáo giảng rõ ràng nhất, giảng thấu triệt nhất. Chẳng những giảng chánh báo rất rõ rệt, mà ngay cả y báo cũng được giảng hết sức rõ ràng: "*Y chánh trang nghiêm*" (y báo, chánh báo trang nghiêm). Bởi thế, nghiệp là những gì tạo tác bởi thân - ngữ - ý. Nếu không trái nghịch kinh giáo thì là Chánh Nghiệp, trái nghịch kinh giáo là tà nghiệp, là sai lầm.

Thế nào là Chánh Mạng? Ấn Quang đại sư giảng rất hay: Nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, không hóa duyên, không làm pháp hội, không làm kinh sám Phật sự, mỗi ngày đều giống như đang tu Phật thất. Học hội và Tịnh Tông Học Viện của chúng ta thêm vào một môn công khóa nữa là giảng kinh, giải hạnh tương ứng. Đó là Chánh Mạng của chúng ta, chúng ta lấy đó làm mạng sống. Đạo tràng hiện thời không có hằng sản, không có nguồn kinh tế cố định, chúng ta không hóa duyên thì sống bằng cách nào? Chuyện này không một ai phải lo ngại cả. Tôi không quan tâm, vì sao tôi không quan tâm? Chương Gia đại sư dạy tôi: "*Nhất tâm hướng về đạo, nhất*

---

2[2] Chúng tôi không dịch "linh môi" thành ông đồng bà cốt, mà để nguyên tiếng Hán với dụng ý nhấn mạnh những người thực sự có khả năng giao tiếp với linh giới, chứ không phải hạng đồng bóng quàng xiên bịp bợm.

3[3] Chữ "linh" (spirits) ở đây chỉ những hữu tình chúng sanh không phải là con người như chư thiên, nga quý, a-tu-la v.v...

*tâm vì pháp, vì chúng sanh, Phật, Bồ Tát sẽ an bài cả đời này cho mình, mình không cần phải nhọc lòng”.*

Hôm nay không có gì ăn, nhịn đói một ngày cũng là Phật, Bồ Tát an bài, không một chút gì phải bận lòng cả! Phật, Bồ Tát an bài cho mình chịu đói một ngày thì cái ngày nhịn đói ấy chắc chắn có cái hay, chẳng dở đâu. Huống hồ chúng ta mỗi ngày “*vì người khác điển nói*” là tu bố thí, tôi đã nói điều này rất nhiều. Tuy chúng ta không có Tài Bố Thí (ngoại tài bố thí), nhưng chúng ta nội tài bố thí, mỗi ngày điển nói cho mọi người xem. Nội tài bố thí, pháp bố thí, vô úy bố thí ngày ngày chẳng gián đoạn nên quả báo rất thù thắng, cái gì cũng không thiếu, chẳng cầu mà có.

Năm mươi năm nay đích thân chúng tôi thể nghiệm đúng thật là như vậy, tôi không hoài nghi chút nào, quyết chẳng vì cuộc sống vật chất mà sanh khởi vọng niệm, không hề có. Quý vị có tín tâm ấy hay không? Quý vị có thể tin nổi hay không? Đạo tràng có thần hộ pháp hộ trì, ngoài Phật hộ niệm ra còn được thần hộ pháp hộ trì, quý vị dốc tâm nơi đạo, hạnh nơi đạo, thần hộ pháp cũng phải chiếu cố. Nếu tâm hạnh của quý vị trái nghịch với đạo, thế nào là đạo? Đạo là những đạo lý, những phương pháp được giảng trong kinh điển, chúng ta luôn tuân thủ thì là “tâm và hạnh đều ở nơi đạo”. Nếu chúng ta không tuân thủ thì tâm và hạnh đã tách rời khỏi đạo. Tách khỏi đạo thì Phật, Bồ Tát không còn cảm ứng nữa, thần hộ pháp cũng bỏ đi luôn, chẳng còn chiếu cố nữa.

Khi nào quý vị sanh tâm sám hối: “Tôi lầm, tôi quay đầu”, Phật, Bồ Tát lại đến, thần hộ pháp cũng quay lại. Thần hộ pháp, Phật, Bồ Tát chẳng giận, tâm và hạnh của quý vị tương ứng với đạo, các Ngài bèn đến, trái nghịch với đạo, họ bèn đi. Bởi vậy, phải tương ứng mới tốt. Ngày ngày niệm kinh vì có gì? Cầu cho kiến giải, tư tưởng, ngôn hạnh của chính mình tương ứng với kinh điển, chẳng trái nghịch. Mục đích và dụng ý chân chánh của việc đọc tụng kinh điển là ở chỗ này. Sống như thế gọi là Chánh Mạng.

Chánh Tinh Tấn: Thâm nhập một môn, trường thời huân tu, nhất định không biếng nhác. Trước hết là thành tựu “công phu thành phiền” của chính mình. Công phu thành phiền sẽ hoàn toàn khống chế được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Đúng là những thứ ấy chưa đoạn, nhưng chúng chẳng thể phát tác. Trong nghịch cảnh và ác duyên cũng chẳng sanh phiền não, chẳng sanh tâm nóng giận. Trong thuận cảnh thiện duyên cũng chẳng khởi tham luyến, đó là công phu thành phiền, quý vị khuất phục được chúng. Phật, Bồ Tát dạy chúng ta: Công phu như vậy mới bảo đảm vắng sanh, nhưng quý vị nhất định phải giữ được công phu ấy mãi mãi, chẳng thể hờ hững, xem nhẹ được. Phải biết: Tập khí phiền não rất nặng, thời gian tích lũy tập khí phiền não rất dài. Nếu chúng ta lãng ý một chút, chúng lại

bùng phát liền, rắc rối to! Bởi thế, thời thời khắc khắc đều phải đề cao cảnh giác, chẳng dám lơ là chút nào.

Đạt đến Sự Nhất Tâm sẽ hoàn toàn khống chế được chúng, chẳng cần phải tác ý nó vẫn bị khống chế. Đạt đến Lý Nhất Tâm là tốt nhất, chuyển hết những phiền não ấy thành Bồ Đề, đấy thực sự là đoạn phiền não. Cảnh giới Lý Nhất Tâm hoàn toàn tương đồng với "minh tâm kiến tánh" của Tông môn, thường gọi là "phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân". Niệm Phật đạt đến Lý Nhất Tâm Bất Loạn chính là cảnh giới này. Cảnh giới ấy không phải cá nhân nào cũng đều có thể chứng được, nhưng đối với công phu thành phiền có thể nói là nếu mỗi người chịu dụng công, tuân thủ những điều kinh điển răn dạy, y giáo phụng hành, ai cũng đều có thể đạt được công phu thành phiền.

Đạt được mức ấy thì như chúng tôi vừa nói đó, trong thuận cảnh thiện duyên chẳng khởi tham luyến, trong nghịch cảnh ác duyên chẳng sanh sân khuể, hết sức tự nhiên, chẳng phải là cố ý khống chế, cố ý đè nén! Nếu phải cố ý đè nén thì quý vị còn đang trong giai đoạn tu học, chưa đạt được công phu thành phiền. Thực sự đạt được công phu thành phiền thì chẳng cần phải tác ý, mà là tự nhiên, phản ứng rất tự nhiên, cảnh giới tốt đẹp mà! Không khó! Điều này mọi người thực sự có thể làm được. Từ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và Vãng Sanh Truyện, chúng ta thấy những người niệm ba năm đạt được cảnh giới này rất nhiều. Vì sao người khác đạt được, mình không làm được? Do vậy, ta phải sanh tâm hổ thẹn!

Luyện công phu tại đâu? Trong cuộc sống thường ngày, trong xử sự, đối người, tiếp vật. Người này đối xử tốt với tôi, tôi đối xử tốt hơn; cứ hễ tôi gặp người ấy, tôi nhất định xử tốt với người ấy hơn người ấy xử tốt với tôi, tôi báo đáp người ấy, như câu nói: "*Thọ nhân trích thủy chi ân, thường tư dưỡng tuyền vi báo*" (Nhận cái ơn nhỏ bằng giọt nước của người, thường nghĩ dùng cả mạch suối để báo đáp). Thế nhưng người ấy chẳng ở trước mặt tôi, trong tâm rỗng rang, chẳng lưu lại dấu tích gì, đó là trí huệ, quyết định không tham luyến. Hễ gặp mặt bèn báo ân, tâm cảm kích tự nhiên sanh khởi. Đó mới là đúng, chẳng phải là tình thức mà là trí huệ, tâm địa vĩnh viễn thanh tịnh, bình đẳng, giác.

Cũng có những đồng học hỏi tôi, có rất nhiều người hỏi tôi, Quán Trưởng đã mất nhiều năm như vậy, sao thầy vẫn còn tưởng niệm bà ta mãi? Đúng vậy! Đấy có phải là tham luyến hay chẳng? Nếu thuộc vào tình thức thì là tham luyến, nếu thuộc vào chánh trí thì là giáo học. Ở đây chúng ta dựng một Kỷ Niệm Đường kỷ niệm Quán Trưởng, đó là giáo dục, giáo dục xã hội, dạy đại chúng trong xã hội biết ân, báo ân. Trong quá khứ, bà ta đối xử tốt đối với chúng ta, chúng ta niệm niệm chẳng quên, biết ân, báo ân mà! Đấy



chính là giáo dục xã hội đa nguyên văn hóa, đặc biệt là trong xã hội hiện thời. Xã hội hiện thời "biết ân, báo ân" rất ít, toàn là vong ân phụ nghĩa. Quả báo của vong ân phụ nghĩa là tam đồ, quả báo của tri ân báo ân là nhân thiên. Làm thế nào để giúp hết thảy chúng sanh chẳng đọa tam đồ, lại còn có thể hưởng phước báo nhân thiên, công đức giáo dục ấy rất to lớn. Nếu làm được như vậy mà tâm địa vẫn giữ được thanh tịnh bình đẳng giác sẽ siêu việt lục đạo luân hồi. Những điều đó ở đây gọi là Chánh Nghiệp, Chánh Mạng; vì thế, quý vị phải hiểu ý nghĩa này.

Đối với người oán hận, kẻ oan gia đối đầu, trong tâm chớ nên có chút sân khuyển, chớ nên có mảy may ý niệm báo thù. Chẳng những không có, mà còn thời thời khắc khắc phải chú ý, hễ khi nào họ gặp phải khó khăn, mình đến giúp đỡ, thường biết oan gia phải hóa giải. Túc oán quá khứ, oán kết hiện tại đều phải hóa giải hết, "*oan gia nghi giải, bất nghi kết*" (oan gia nên gỡ, không nên buộc). Trong lúc kẻ ấy gặp khó khăn, ta toàn tâm toàn lực giúp đỡ, mặc kệ tỵ hiềm xưa kia, oan kết bèn hóa giải. Phật pháp có vai trò gì trong thế gian? Chẳng thể không biết điều này, Phật pháp có mặt trong thế gian là để giáo hóa chúng sanh, không một mảy may nào không nhằm dạy dỗ Giác - Chánh - Tịnh, dạy dỗ Bát Chánh Đạo.

Thứ bảy là Chánh Niệm, niệm ở đâu tâm bèn ở đó, Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta: "*Úc Phật, niệm Phật, hiện tiền đương lai, tất định kiến Phật*" (Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền tương lai nhất định thấy Phật). Đó là Chánh Niệm. Trong mười hai thời chấp trì danh hiệu là Chánh Niệm. Hết thảy ngôn hạnh hoàn toàn tương ứng với những điều kinh luận dạy dỗ là Trợ Niệm. Chánh - Trợ song tu nhất định được vắng sanh, nhất định được thấy A Di Đà Phật, tương ứng với Phật.

Chánh Định: Một đời một kiếp này, ta tu hành pháp môn này, quyết định chẳng thay đổi, nương theo kinh điển này, quyết chẳng dao động, đó là Chánh Định. Bát Chánh Đạo của Tịnh Độ Tông là như thế đó!

Chúng ta lại xem tiếp câu kệ: "*Bát Chánh Đạo do Trạch Pháp Giác Phần*", tức là điều thứ nhất trong Thất Bồ Đề Phần, "*bất y thiên tà, cố nhập Chánh Đạo*" (chẳng nương theo [những kiến giải, tư tưởng, quan niệm, hành vi] lộn lạo, tà vạy, nên vào được Chánh Đạo): Chọn lựa dứt khoát pháp môn ta tu học cả đời. "*Vô lậu thánh pháp*" là Chánh, "*năng thông Niết Bàn*" (có thể thông với Niết Bàn) là Đạo, Tịnh tông thực sự là chánh đạo của mọi chánh đạo. Thế giới Cực Lạc và phương pháp vắng sanh thế giới Cực Lạc là Chánh! Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong một đời nhất định thành tựu viên mãn Vô Thượng Bồ Đề, đó là Đạo, đại đạo đấy!

"*Tam thập thất phẩm, thâm pháp tuy tận*" (Tuy ba mươi bảy phẩm gồm thâm trọn hết mọi pháp), ba mươi bảy môn này là đại cương, bao quát tất cả những pháp do mười phương ba đời hết thảy chư Phật đã nói, đã tu,

không có pháp nào ra khỏi ba mươi bảy phẩm này; nhưng quý vị phải biết "cơ duyên bất đẳng" (cơ duyên chẳng giống nhau): Cơ (機) là cơ hội, Duyên (緣) là duyên phận; duyên phận, cơ hội của mỗi cá nhân trong từng đời chẳng giống nhau. Vì thế, "tác chủng chủng khai hợp" (tạo thành các thứ pháp môn mở rộng hay gộp lại [ba mươi bảy Đạo Phẩm này]), Khai (開) là triển khai, Hợp (合) là gộp lại. Triển khai [ba mươi bảy môn Đạo Phẩm] sẽ thành vô lượng vô biên pháp môn. Nếu quy nạp lại, gộp lại thì chẳng ngoài Giác - Chánh - Tịnh, chẳng ngoài Giới - Định - Huệ, thảy đều bao gồm trong ấy.

"Danh nghĩa bất đồng, vô bất diễn sướng" (Danh nghĩa sai khác, không gì chẳng diễn bày, giải nói thông suốt): Diễn (演) là chư Phật, Bồ Tát ngày ngày làm như vậy cho chúng ta thấy. Quý vị phải thực sự hiểu hữu tình lẫn vô tình đều là biểu diễn. Chư Phật Như Lai biểu diễn ở chánh điện, biểu diễn mặt Giác, lục đạo chúng sanh biểu diễn mặt Mê. Chúng ta ngồi dưới sân khấu xem diễn kịch, thấy rất rõ ràng: Bên Giác thì sáng sủa, bên Mê thì tối tăm; hành thiện được thiện quả, hành ác mắc ác báo, khắp pháp giới trọn hư không giới vốn là một sân khấu lớn. Chúng ta vừa là diễn viên, vừa là khán giả trong ấy. Nơi sân diễn thông thường thì diễn viên chẳng phải là khán giả, khán giả chẳng phải là diễn viên. Chúng ta tuyệt vời lắm, tuyệt vời đến tột bậc! Vừa là diễn viên, vừa là khán giả, đã là khán giả, lại là diễn viên. Vì thế, pháp này gọi là "diệu pháp".

Người tu hành chân chánh, người tu Giác - Chánh - Tịnh, cái gì cũng quan sát, cái gì cũng nhìn, thấy toàn thể vũ trụ đều là diễn viên. Ở trong ấy, họ thành tựu Giới - Định - Huệ, thành tựu Giác - Chánh - Tịnh, không pháp nào chẳng rõ. Mười pháp giới y báo, chánh báo trang nghiêm, tánh tướng, sự lý, nhân quả vắng vặc phân minh là Huệ. Trong Bát Nhã không gì không biết; tuy không gì chẳng biết nhưng trong tâm thanh tịnh chẳng nhiễm mảy trần, như như bất động, đó là Đại Định! Đại Định ấy là chân tâm, Huệ là chân tâm sanh khởi tác dụng. Tâm là tịch diệt, nhất định phải hiểu điều này.

Qua danh hiệu, Thích Ca Mâu Ni Phật đã dạy rõ: "Mâu Ni" (Muni) là thanh tịnh tịch diệt. Đối với bản thân chúng ta, nhất định phải tu thanh tịnh tịch diệt. "Diệt" là diệt phiền não, diệt vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Sáu căn đối với cảnh giới sáu trần không có phân biệt, vọng tưởng, chấp trước, đó chính là tướng tịch diệt. Tâm đúng là như vậy, đã thế, lại còn hết sức từ bi: Năng Nhân. Thích Ca (Śākya) là Năng Nhân: Sống động chứ không chết cứng, năng lượng và thông tin từ cảnh giới bên ngoài đưa vào bèn lập tức có phản ứng. Phản ứng ấy sanh khởi từ lý thể của Tịch Diệt,

nhất định không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xen tạp trong ấy; đây là Phật, là Pháp Thân Bồ Tát. Nếu chúng ta không liễu giải, không hiểu rõ, không minh bạch cảnh giới ấy, làm sao có thể tu được? Phải hiểu rõ, phải minh bạch, hiểu Phật, Bồ Tát là như vậy. Chúng ta phải khéo học theo, thực sự nhập pháp giới vô chướng ngại. Năng Nhân: Phổ độ hết thảy chúng sanh, nhưng quý vị thấy đó, chẳng hề trở ngại sự thanh tịnh tịch diệt của chính mình, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại. Nay chúng ta mới biết chướng ngại phát sanh từ đâu? Chướng ngại phát sanh từ phân biệt, vọng tưởng, chấp trước; là được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì sự sự vô ngại.

Bởi vậy, đến cuối cùng sách Yếu Giải tổng kết: "*Vô bất diễn sướng, cố linh văn giả niệm Tam Bảo, phát Bồ Đề tâm, phục diệt phiền não dã*" (Không gì chẳng diễn bày thông suốt, nên khiến cho người nghe niệm Tam Bảo, phát Bồ Đề tâm, chế phục, diệt trừ phiền não). Chế phục và diệt trừ là hai giai đoạn. Trong công phu niệm Phật của chúng ta, thấy rất rõ rệt: Công phu thành phiền là chế phục, Sự nhất tâm bất loạn là chế phục, Lý nhất tâm bất loạn là diệt, phiền não bị chuyển hết, chuyển phiền não thành Bồ Đề. Phải là Lý nhất tâm mới có thể chuyển được. Do đây biết rằng: Công phu thành phiền không ra khỏi lục đạo vì nó là công phu trong lục đạo; Sự nhất tâm bất loạn siêu việt lục đạo vì thuộc về tứ thánh pháp giới, nhưng vẫn là chế phục; đến khi phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân mới chuyển, mới thực sự diệt phiền não.

Chúng ta lại xem tiếp đoạn kể đó: "*Tam Bảo lược thích*" (giải thích Tam Bảo một cách sơ lược). Tam Bảo nói đơn giản thì có "*biệt tướng Tam Bảo*", có "*nhất thể Tam Bảo*", danh tự Tam Bảo là Phật, Pháp, Tăng.

1) Phật có ba thân Pháp, Báo, Ứng Hóa: Pháp Thân Phật, Báo Thân Phật, Ứng Hóa Thân Phật. Đó là chuyện thường nghe nói.

2) Pháp có bốn thứ: giáo pháp, lý pháp, hành pháp, quả pháp, tức là Giáo - Lý - Hành - Quả. Quý vị phải hiểu: Mỗi một bộ kinh bất luận lớn - nhỏ như thế nào, bất luận kinh văn sâu hay cạn thế nào, thảy đều đầy đủ Giáo - Lý - Hành - Quả. Nếu một bộ kinh chẳng có đủ bốn ý nghĩa ấy, kinh ấy chẳng thể gọi là kinh Phật được! Hễ là kinh Phật thì nhất định phải có đủ bốn phần sau đây: Giáo - Lý - Hành - Quả.

3) Tăng, "*Tam thừa thánh hiền*": Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa, Bồ Tát thừa. Trong ấy có hiền, có thánh, thánh khác với hiền. Trong địa vị Bồ Tát, hiền nhân là từ Sơ Trụ Bồ Tát đến Thập Hồi Hướng, thánh nhân là từ Sơ Địa cho đến Đẳng Giác, tam hiền thập thánh<sup>4</sup>[4], đó là hiền thánh nơi địa vị Bồ Tát. Hiền thánh trong Tiểu Thừa: Tứ Quả là Thánh, Tứ Hướng là

---

4[4] Tam hiền thập thánh: Tam Hiền là các địa vị Bồ Tát trước khi đạt đến Thập Địa, gồm Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng. Thập Thánh là mười địa vị Bồ Tát thuộc Thập Địa.

Hiền. Sơ Quả Hương là Hiền, Tu Đà Hoàn tính là Thánh. Nhị Quả Hương là Hiền, Tư Đà Hoàn là Thánh. Trong mỗi một tầng cấp của Tam Hiền, Hiền Thánh lại khác nhau! Hiền là còn đang trong địa vị tu học, Thánh là đã chứng quả. Giống như chúng ta đi học trong nhà trường vậy! Quý vị còn đi học chưa tốt nghiệp, đang còn học là Hiền, học xong, tốt nghiệp là Thánh, lấy được học vị rồi thì là Thánh. Giống như quy chế trong các trường đại học hiện tại trong thế gian, còn đang học trong đại học là Hiền, ngày nào đó quý vị lấy được bằng Học Sĩ (Cử Nhân) bèn thành Thánh, tiểu thánh! Tiếp tục học theo ban Thạc Sĩ (Cao Học), sinh viên ban Thạc Sĩ là Hiền, sinh viên đều là Hiền. Tốt nghiệp chương trình Thạc Sĩ, giành được học vị Thạc Sĩ (Master) gọi là Thánh, trung thánh. Nếu học tiếp theo chương trình Tiến Sĩ thì sinh viên của ban Tiến Sĩ là Hiền, tốt nghiệp Tiến Sĩ, lấy được học vị Tiến Sĩ là thượng thánh. Thượng - trung - hạ, tam thừa hiền thánh giống như vậy đó.

Trong Đàn Kinh, Lục Tổ Huệ Năng đại sư của Thiền Tông vào đời Đường chẳng nói đến Phật - Pháp - Tăng, Sư nói đến Giác - Chánh - Tịnh. Lúc tôi mới đọc Đàn Kinh, tôi cứ suy nghĩ vì sao Ngài lại nói như thế? Ai cũng nói là Phật - Pháp - Tăng Tam Bảo, sao Ngài lại nói Giác - Chánh - Tịnh? Nhất định phải có duyên cớ. Rất có khả năng là vào đời Đường, đối với khái niệm Phật - Pháp - Tăng người ta khá hồ đồ, chỉ biết danh hiệu, chẳng biết ý nghĩa được bao hàm trong danh từ. Nói cách khác, chưa thọ dụng được. Lục Tổ đại sư có trí huệ, đại từ, đại bi, Ngài đem ý nghĩa của Tam Bảo chỉ rõ ra, khiến cho chúng ta dễ hiểu hòng thọ dụng được. Ngài truyền trao Tam Quy, chẳng nói là quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, Ngài không làm vậy! Lúc Ngài truyền trao Tam Quy bèn nói "*quy y Giác, quy y Chánh, quy y Tịnh*". Ngài truyền trao như vậy, quý vị đọc Đàn Kinh sẽ thấy, rồi mới giải thích: "*Phật là Giác, Pháp là Chánh, Tăng là Tịnh*".

Bởi thế, nếu với Phật - Pháp - Tăng Tam Bảo, chúng tôi thêm vào mấy chữ nữa, mọi người càng nhận hiểu rõ ràng. Thế nào là Phật? Giác chứ không mê là Phật. Thế nào là Pháp? Chánh chứ không tà là Pháp. Thế nào là Tăng? Tịnh chứ không nhiễm là Tăng. Giải thích như vậy mọi người đều hiểu rõ rệt, chẳng còn nói Phật Giáo là mê tín nữa! Nếu không, người ta chẳng hiểu rõ ý nghĩa này, quý vị nói đến Phật, người ta nghĩ đến tượng Phật bằng đất nặn hay gỗ khắc thành; quý vị nói đến Pháp, người ta nghĩ đến kinh điển; quý vị nói đến Tăng, người ta tưởng là người xuất gia. Nói cách khác, hoàn toàn chấp vào tướng, chỉ chấp vào tướng chẳng biết đến ý nghĩa! Bởi thế, xã hội đại chúng đâm ra hiểu lầm Phật giáo là mê tín!

Lục Tổ đại sư thuyết pháp như vậy thì quan niệm sai lầm ấy lập tức bị hóa giải. Như vậy, người ta hỏi quý vị Phật giáo là gì, quý vị cứ đem lời của Lục Tổ đại sư bảo với họ: Phật giáo là giác chứ không mê, chánh chứ không

tà, tịnh chứ không nhiễm. Lấy mười hai chữ ấy để giới thiệu Phật giáo một cách đơn giản cho người ta, chánh pháp đấy! Đó là thường thức, đó là học vấn đấy! A! Bây giờ đã hết giờ rồi.

\*

Chư vị đồng học!

Chúng ta tiếp tục xem phần "*Tam Bảo lược thích*". Ở trên, tôi đã giới thiệu đơn giản cùng quý vị Biệt Tướng Tam Bảo, tiếp theo đây là nói về Nhất Thể Tam Bảo.

Trong Nhất Thể Tam Bảo, Phật có nghĩa là gì? "*Trạm nhiên trí chiếu, linh minh giác liễu*" (trí chiếu soi thanh tịnh, bất động, linh thông, sáng suốt, hiểu biết trọn vẹn) chính là Phật. Trong tự tánh vốn có sẵn đức năng, nói theo thuật ngữ khoa học hiện thời, [đức năng] là năng lượng. Năng lượng chẳng phải từ bên ngoài mà có, cũng chẳng do tu thành, mà từ tự tâm. Chân tâm ta vốn sẵn có, kinh Phật thường gọi những gì sẵn có là "*pháp như thị*" (pháp vốn là như vậy). Chuyện ấy chẳng liên quan gì đến tu chứng, bất sanh, bất diệt, không đến, không đi. "Bất sanh, bất diệt" là không có sanh tử, "không đến, không đi" là chẳng có không gian lẫn thời gian; "không tăng, không giảm" là khi mình giác ngộ, tâm ấy chẳng tăng thêm, khi đang mê hoặc, tâm ấy chẳng giảm thiểu, cho nên thường nói: "*Tại thánh không tăng, tại phàm chẳng giảm*", tánh đức mà! Hết thầy chúng sanh ai nấy đều có đủ, hoàn toàn bình đẳng. "*Trạm nhiên*" là thanh tịnh, xưa nay chưa hề dao động, đó là bản thể của tự tánh chân tâm, không có hình tướng, nhưng không đâu chẳng tồn tại. Hư không, pháp giới, cõi nước, chúng sanh do đâu mà có? Kinh Hoa Nghiêm nói rất rõ: "*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*" (chỉ do tâm hiện, chỉ do thức biến). Đây là nói theo mặt Thể. Chân tâm, bốn tánh là bản thể của vũ trụ, nhân sinh, ta - người, là một chẳng phải hai.

Pháp Bảo là gì? "*Thật Tướng lý thể thanh tịnh viên diệu*", đây là Pháp. Thật Tướng là chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Tướng chân thật chỉ do tâm hiện, đó là Thật Tướng! "*Thanh tịnh viên diệu*". Tướng ấy đúng là mảy trần chẳng nhiễm, vi diệu viên mãn, hoặc có thể nói là vi diệu viên dung! Diệu là chúng ta không có cách gì tưởng tượng được, chẳng thể nghĩ bàn! Đó chính là Pháp Bảo trong Nhất Thể Tam Bảo. Trên thực tế, Phật - Pháp - Tăng là một, chẳng phải hai, một nhưng ba, ba nhưng một, chẳng thể tách lìa, chỉ tùy theo quý vị nhìn từ góc độ nào mà thôi. Như vậy, Phật là nhìn từ Thể; Pháp là nhìn từ Tướng; Tăng là nhìn từ Dụng, tức là nhìn từ mặt tác dụng.

Tăng Bảo: "*Lý Trí bất nhị, hòa hợp vô vi*" (Lý - Trí không hai, hòa hợp không chống trái). Quý vị phải thực sự tham thấu, hiểu rõ: Vũ trụ là cả một

khối hòa đồng lớn. Văn hóa Nhật Bản từ Trung Quốc truyền qua. Tổ tiên người Nhật rất thông minh, họ gọi dân tộc mình là "dân tộc Đại Hòa" (Yamato Minzoku). Ý tưởng Đại Hòa ấy chính là tinh túy (tinh hoa, cốt túy) của Nho và Đạo của Trung Quốc và Phật pháp; tổ tiên dùng điều đó để dạy dỗ con cháu đời sau. Nếu con cháu đời sau hiểu được ý nghĩa này, đều có thể thực hiện được thì Thiên Hoàng<sup>5[5]</sup> của Nhật Bản sẽ chính là Kim Luân Thánh Vương như trong kinh Phật nói, là lãnh tụ của toàn thế giới, chứ chẳng phải chỉ của một quốc gia hay một dân tộc nào. Vì sao? Ông ta cổ động hòa bình, hòa bình cho thế giới, cả thế giới là một nhà. Mình yêu người nhà mình, ta yêu dân tộc ta, ta yêu quốc gia ta, ta yêu toàn thế giới như yêu chính người nhà ta, đại hòa rồi!

Tuy tổ tông xướng xuất, con cháu chẳng làm được! Chúng ta chớ coi thường tổ tông, đừng nghĩ trong thời tổ tông không có khoa học kỹ thuật, tinh thần văn minh của họ bọn hậu nhân chúng ta thực sự không có cách gì tưởng tượng được đâu! Trí huệ, học vấn, tâm tư, kiến thức của họ thực sự đều là rộng lớn, tinh tường, sâu thẳm, tương ứng với pháp tánh. Phật pháp là văn hóa Ấn Độ, Nho và Đạo là văn hóa Trung Quốc, là chân lý tích tụ cả ngàn vạn năm, kẻ trí cạn tuyệt đối chẳng thể trộm nhìn [mà thấu hiểu] được. Đó là Nhất Thể Tam Bảo.

### 6.3.1.2.6. Hàng thụ diễn pháp (hàng cây diễn pháp)

Đoạn kế tiếp là "hàng thụ diễn pháp", chúng tôi đọc kinh văn một lượt. Chúng ta đọc tiếp đoạn kinh văn sau:

***Xá Lợi Phất! Nhữ vật vị thử điều thật thị tội báo sở sanh. Sở dĩ giả hà? Bỉ Phật quốc độ vô tam ác đạo.***

***Xá Lợi Phất! Kỳ Phật quốc độ thượng vô ác đạo chi danh, hà huông hữu thật? Thị chư chúng điều, giai thị A Di Đà Phật dục linh pháp âm tuyên lưu biến hóa sở tác.***

***Xá Lợi Phất! Bỉ Phật quốc độ, vi phong xuy động chư bảo hàng thụ, cập bảo la võng, xuất vi diệu âm. Thí như bách thiên chủng nhạc đồng thời câu tác. Văn kỳ âm giả, tự nhiên giai sanh niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng chi tâm.***

---

<sup>5[5]</sup> Thiên Hoàng (Tennō) là danh xưng của hoàng đế Nhật Bản, nhưng khi trực tiếp xưng hô với vua thì dùng chữ Mikado (hoàng đế). Thiên Hoàng được coi là con cháu trực tiếp của Thái Dương Thần Nữ, và là lãnh tụ tôn giáo cao nhất của Thần Đạo (Shinto) Nhật Bản. Hoàng gia Nhật là hoàng gia là dòng dõi cai trị lâu đời nhất từ năm 660 trước Công Nguyên đến nay, theo Nhật Bản Sử Ký và Cổ Sự Ký, Thiên Hoàng đầu tiên là hoàng đế Thần Vũ (Jimmu Kamuyamato Iwarebiko) và ngôi vua được truyền liên tục từ đó cho đến Nhật Hoàng hiện đại là Minh Nhân Thiên Hoàng (Akihito Tennō).

舍利弗。汝勿謂此鳥。實是罪報所生。所以者何。彼佛國土。無三惡道。舍利弗。其佛國土。尚無惡道之名。何況有實。是諸眾鳥。皆是阿彌陀佛。欲令法音宣流。變化所作。舍利弗。彼佛國土。微風吹動諸寶行樹。及寶羅網。出微妙音。譬如百千種樂。同時俱作。聞是音者。自然皆生念佛念法念僧之心。

*(Này Xá Lợi Phất! Ông chớ có nói những con chim ấy thực sự do tội báo sanh ra. Vì có sao vậy? Cõi nước Phật ấy không có ba đường ác.*

*Này Xá Lợi Phất! Cõi nước Phật đó còn không có cái tên ba đường ác, huống hồ có thật? Các loài chim ấy đều do A Di Đà Phật muốn cho pháp âm được tuyên lưu bèn biến hóa ra.*

*Này Xá Lợi Phất! Cõi nước Phật ấy gió nhẹ thổi động các hàng cây báu và lưới màn báu, phát ra âm thanh vi diệu, ví như trăm ngàn loại nhạc cùng lúc hòa tấu. Nghe âm thanh ấy tự nhiên đều sanh lòng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng).*

Đoạn này là "hàng cây diễn pháp". Cây và gió thổi nhạc. Gió lùa qua cây báu. Chúng ta biết cây cối trong Tây Phương Cực Lạc thế giới do các thứ báu hợp thành, gió thổi qua, cành, nhánh, hoa, lá cọ vào nhau phát ra những âm thanh giống như những cái phong linh (wind chime) chúng ta thường dùng trong thế gian này. Hiện tại ở ngoại quốc, chúng tôi cũng thường thấy phong linh; chúng tôi treo ngoài cửa, lúc gió thổi qua, tự nhiên nó vang ra những âm thanh rất vi diệu. Tây Phương Cực Lạc thế giới càng chẳng cần phải nói nữa, cây báu quá nhiều, giống như nay ta gọi là "nhạc giao hưởng", mỹ diệu cùng cực. Gió thổi cây tấu nhạc, chẳng do con người chế tác. Những âm thanh do chúng phát ra, quý vị phải nhớ kỹ: Trong kinh luận Phật thường dạy: "*Y báo tùy trước chánh báo chuyển*" (Y báo chuyển theo chánh báo).

Chuyện gần đây nhất là chúng tôi thấy tiến sĩ Giang Bản Thăng của Nhật Bản làm thí nghiệm kết tinh nước, ông ta thí nghiệm suốt tám chín năm, rất có thành tích. Chúng tôi đã xem những tấm ảnh do ông ta chụp, đọc sách của ông ta, chứng thực điều Phật đã nói trong kinh: "*Y báo chuyển theo chánh báo*", chứng minh pháp tánh, chân tâm pháp tánh "*trạm nhiên trí chiếu, linh minh giác liễu*", kinh Lăng Nghiêm gọi điều này "*kiến văn giác tri*" (thấy, nghe, hay, biết). Chân tâm và bốn tánh của quý vị có đầy đủ bản năng (những năng lực sẵn có), người hiện tại gọi [những năng lực sẵn có ấy] là "năng lượng". Năng lượng vốn sẵn có, có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết. Tất cả hết thảy vạn vật đều có năng lượng đó! Bởi vậy, thí nghiệm trên nước đã chứng minh nước có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết. Chúng ta cung cấp thông tin nào cho

nó, nó lập tức có phản ứng. Nếu thông tin ấy tốt lành thì phản ứng hết sức đẹp. Đó là phản ứng chúng ta thấy được qua sự kết tinh của nước.

Cũng có những người luyện Khí Công. Hiện thời, luyện Khí Công cũng rất thịnh hành. Trắc nghiệm nơi những đứa trẻ nhỏ từ bảy tám tuổi cho đến mười bốn tuổi trở xuống, chưa từng bị nhiễm ô gì, tâm địa rất thanh tịnh. Những trẻ nhỏ rất thiên chân ấy chỉ cần huấn luyện một giờ, chúng bèn có thể sờ được chữ, nhận được mặt chữ bằng đầu ngón tay. Quý vị viết một số chữ, viết từ một cho đến một trăm, cả trăm chữ, không cho chúng nhìn thấy, chỉ cho chúng lấy tay sờ vào chữ, rồi bảo chúng nó đọc ra chữ gì, chúng bèn nói được. Thí nghiệm mấy chục lần chẳng trật một lần nào, nói lên điều gì? Tay nhìn được. Kinh Đại Thừa thường gọi chuyện này là "*lục căn hổ dụng*" (sáu căn dùng thay thế lẫn nhau). Tâm phải thanh tịnh thì mới có năng lực ấy.

Nhưng có một điều rất kỳ quái, điều gì vậy? Quý vị viết danh hiệu Phật, Bồ Tát, danh hiệu quý thần, những chữ ấy chúng không biết, nhưng có cảm giác. Nếu quý vị viết chữ "*Phật*", trẻ nói chữ ấy phóng ra ánh sáng màu vàng, phóng kim quang, mở ra xem là chữ "*Phật*". Có trẻ lúc sờ chữ, nói chữ này phóng quang, trong ấy lại có mùi thuốc, mở ra xem thì thấy viết "*Dược Sư Phật*". Chỉ những khi viết những chữ thuộc về linh giới, chúng nhận không ra mặt chữ, nhưng có thể mô tả hình tượng rất rõ ràng. Những người ấy làm thí nghiệm, kiểm những trẻ nhỏ làm thí nghiệm, đại khái là trong một trăm đứa, có chừng mười mấy đến hai mươi đứa thí nghiệm thành công. Lúc nhiều nhất là trong một trăm đứa trẻ tham gia thí nghiệm, gần như hơn bốn mươi đứa thành công, đó là con số tối đa. Tối thiểu thì không ít hơn mười đứa bé tuổi từ bảy tuổi đến mười bốn tuổi. Trong những thí nghiệm khoa học ấy, ta không có cách nào giải thích được cả, chứng minh thực sự có thể thấy được bằng cách lấy tay sờ.

Bởi vậy, trong Tây Phương Cực Lạc thế giới gió và cây tấu nhạc [là vì] người ở Tây Phương Cực Lạc thế giới tâm đều tịnh, đều thiện, thuần tịnh thuần thiện, âm thanh của âm nhạc bên ngoài và tâm linh của họ khởi cảm ứng đạo giao trở thành khúc nhạc du dương nhất, chẳng do ai soạn, tự nhiên mà! Nói thật ra, gió và cây ở ngay cõi chúng ta đây, hết thảy âm thanh cũng đều có nhạc khúc, thuận theo chúng sanh đang sống trong thế gian này, do tâm niệm của họ mà phản ứng, vang ra âm thanh. Người trong thế gian tâm bất thiện, tâm chẳng thanh tịnh, vì thế, âm thanh nghe rất đáng sợ, khiến cho ta nghe không cảm thấy an toàn, gió dữ, mưa cuồng! Nhớ kỹ, nhất định phải nhớ kỹ, đức Phật dạy: "*Y báo chuyển theo chánh báo*". Chánh báo là gì? Ý niệm của chúng ta, khởi tâm động niệm là chánh báo. Tất cả hết thảy hoàn cảnh vật chất, mỗi một tế bào trên thân thể



chúng ta đều chẳng phải ngoại lệ, đều là vật chất. Bởi thế, tâm và vật gắn liền, chẳng thể phân ly, chẳng thể xem như hai việc được!

Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật nói: "*Nhất thiết nhân quả, thế giới, vi trần, nhân tâm thành Thể*" (Hết thảy nhân quả, thế giới, vi trần đều do tâm mà thành Thể). Câu này thuyết minh hết thảy các pháp, lớn như thế giới, nhỏ như vi trần, vật chất và tâm gắn liền, nhất định chẳng thể tách rời được. Nếu có thể tách rời thì làm sao có cảm ứng được? Chẳng thể có cảm ứng! Bản thể của chúng là Chân Tâm, là pháp tánh. Pháp tánh tự nhiên đầy đủ "*linh minh giác liễu*", kinh Lăng Nghiêm gọi [điều này] là "*kiến văn giác tri*" (thấy, nghe, hay biết). Đó là bản năng của nó, lẽ đâu nó chẳng thể nghe, chẳng thể thấy? Quý vị phải biết: Chúng ta khởi tâm động niệm, hết thảy hành vi, bất cứ điều gì núi, sông, đại địa cũng thấy hết, ta còn che mắt ai được? Chúng ta nói năng gì, nói khế cách mấy, chúng cũng nghe được. Nhất là hiện tại dùng điện thoại cầm tay (cell phone), nhờ vào làn sóng vô tuyến điện, những lời lẽ của quý vị truyền đi khắp cõi hư không. Đối phương phải cầm cell phone mới nghe được quý vị; chứ chúng sanh trong linh giới chẳng cần đến điện thoại, họ nghe trọn vẹn. Chân tướng sự thật đấy!

Cổ thánh tiên hiền thường dạy chúng ta phải cẩn thận, mỗi người phải cẩn thận, như thường nói: "*Thập thủ sở chỉ, thập mục sở kiến*" (Mười cánh tay chỉ vào, mười mắt nhìn vào), giống như thường có mười ngón tay chỉ vào mình, có mười con mắt nhìn mình, nay chúng ta hiểu không phải chỉ có thế! Vô lượng vô biên con mắt nhìn vào mình, vô lượng vô biên ngón tay đang chỉ mình, đâu phải chỉ mười! Nếu nói theo ý nghĩa biểu thị pháp trong Phật pháp thì con số Mười biểu thị ý nghĩa viên mãn, nghe rất hợp lý. Tất cả hết thảy sinh vật (nay chúng ta gọi là sinh vật), [ngoài ra] còn có những loài phi sinh vật, sinh vật là hữu tình chúng sanh, phi sinh vật là thực vật, khoáng vật, kể cả hư không, toàn bộ đều thấy được, toàn bộ đều nghe được.

Con người chớ nên khởi ác niệm, chớ nói lời ác, chớ làm chuyện ác, tất cả hết thảy chúng sanh, thiên địa quỷ thần thảy đều thấy biết, điều này đã được khoa học hiện đại dần dần chứng thực. Trước kia, chúng ta chỉ thấy những điều này được ghi trong sách vở cổ, người hiện tại cho là mê tín, người tin vào khoa học cho đó là mê tín, nay khoa học chứng thực thực sự có những chuyện đó. Tất cả hết thảy vạn vật đều có linh tánh; trong Phật pháp nói là "hết thảy vạn vật đều có pháp tánh". Pháp tánh vốn có đủ linh minh giác tri, nhà khoa học Nhật Bản cũng phát hiện điều sau đây: Chúng có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật gọi [khả năng ấy] là "*kiến văn giác tri*". Đây là bản năng, là tự tánh, pháp tánh vốn sẵn trọn đủ năng lượng phân bố khắp hư không pháp giới, phân bố trong hết thảy chúng sanh.

Đoạn kế tiếp là "*phong thụ tác nhạc, vi diệu pháp âm, văn chánh pháp lạc*" (gió và cây tấu nhạc, pháp âm vi diệu, [đó là] niềm vui do nghe chánh pháp). Nghe những pháp âm ấy đều mở mang trí huệ, khiến cho cõi lòng của quý vị càng thêm thanh tịnh, tự nhiên bèn niệm Giác, niệm Chánh, niệm Tịnh "*tự niệm Tam Bảo, đắc chánh niệm lạc dã*" (tự niệm Tam Bảo, đạt được niềm vui Chánh Niệm). "*Thử trung hiển hóa cầm, vi phong, thụ, vãng đẳng âm, nãi nhất thiết y chánh giả thật*" (Đoạn này thể hiện những âm thanh của loài chim biến hóa, gió nhẹ, cây cối, lưới mảnh v.v... chính là y chánh giả - thật). "Y" là y báo, "chánh" là chánh báo; Giả là Tướng Phần, tức là cái được biến hiện (sở biến), còn Thật là pháp tánh năng biến (chủ thể thực hiện hành vi biến hiện). Pháp tướng được biến hiện ra là giả, vì sao? Chúng sanh diệt trong từng sát-na, pháp tánh năng biến là chân. "*Đương thể tức thị A Di Đà Phật tam thân tứ đức, hào vô sai biệt dã*" (Bản thể của chúng là ba thân, bốn đức của A Di Đà Phật, không mảy may sai biệt), [những giả tướng như các loài chim được biến hóa, gió nhẹ, hàng cây v.v..] là do A Di Đà Phật biến hiện ra. Ba thân của A Di Đà Phật là Pháp Thân, Báo Thân, Ứng Hóa Thân; bốn đức là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.

Không những kinh này dạy những con chim ấy không phải là súc sanh vì Tây Phương Cực Lạc thế giới không có ba ác đạo, mà ngay cả đến những tên gọi ba ác đạo cũng đều không có, huống là có thật, toàn là A Di Đà Phật biến hóa ra đó thôi! Phải biết những chuyện biến hóa này chỉ thuộc Phàm Thánh Đồng Cư độ, vì sao? Người thuộc Phàm Thánh Đồng Cư độ là những người mới vừa vãng sanh, phàm tình còn chưa đoạn hết. Vì thế, A Di Đà Phật rất từ bi, đúng là hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức biến hóa ra những sự ấy. Từ chỗ này, chúng ta có thể thấy đúng là đức Phật từ bi đến cùng cực, A Di Đà Phật thực sự là một vị thầy tốt, khéo ra rả khuyên dụ.

Tiếp đó là "*tình dữ vô tình, đồng tuyên diệu pháp, tứ giáo đạo phẩm, vô lượng pháp môn, đồng thời diễn thuyết, tùy loại các giải, năng linh văn giả, niệm Tam Bảo dã*" (hữu tình và vô tình cùng tuyên nói diệu pháp, [ba mươi bảy] Đạo Phẩm trong bốn giáo (Tạng, Thông, Biệt, Viên), vô lượng pháp môn đồng thời diễn nói, tùy mỗi loại đều hiểu, có thể khiến cho người nghe thấy đều niệm Tam Bảo vậy). Vì sao nghe xong tự nhiên ai nấy khởi lòng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng? Do hoàn cảnh quá tốt. Hoàn cảnh ấy do A Di Đà Phật biến hóa ra. Ở nơi đây, nếu chúng ta muốn thiết kế một hoàn cảnh tốt đẹp, chúng ta phải dùng rất nhiều tâm tư để thiết kế, phải tưởng tượng mới thiết kế được!

Chúng ta biết ở Trung Quốc vào thời cổ, có rất nhiều khu vườn rừng do sức người tạo thành. Tại Tô Châu, Dương Châu, Hàng Châu, Bắc Kinh, có rất nhiều chỗ, thuở xưa kia, quốc vương, đại thần, trưởng giả giàu có lớn lập ra những hoa viên trong nhà họ với quy mô rất lớn. Có lẽ cái hoa viên

mọi người quen thuộc nhất (do đọc bộ tiểu thuyết Hồng Lôu Mộng) là vườn Đại Quan trong Hồng Lôu Mộng, nó được dựng tâm thiết kế tinh vi. Tây Phương Cực Lạc thế giới là vườn Đại Quan thực sự chẳng dùng đến thiết kế, tự nhiên biến hóa ra. Cối đó vi diệu đến mức cùng cực, không có cách nào tưởng tượng có một thế giới tốt đẹp đến thế! Cối ấy do tánh đức tự nhiên lưu lộ. Nếu quý vị thực sự đạt đến cảnh giới thuần thiện thuần tịnh, khôi phục hoàn toàn tự tánh, thì trong tự tánh sẽ hết sức tự nhiên lưu lộ những thứ tốt đẹp như vậy, một tí xíu khuyết hãm tìm cũng chẳng ra.

Do nhân công thiết kế thì dù khéo đến đâu vẫn có sai sót, vẫn có khuyết hãm, không có cách gì thập toàn thập mỹ được. Do tự tánh lưu lộ thì chân thiện, thuần thiện, trong đó, tình và vô tình ("tình" là những con chim, "vô tình" là cây cối hoa cỏ) đều thuyết pháp. Ở đó, lúc chim hót nếu quý vị nghe kỹ sẽ thấy là tiếng thuyết pháp. Khi gió lùa qua lá, cây toàn là cây báu, lá cây chạm vào nhau, phát ra những âm thanh cũng là thuyết pháp. Âm thanh thuyết pháp trong Tây Phương Cực Lạc thế giới trọn khắp pháp giới, trong hết thảy thời, hết thảy nơi không hề gián đoạn.

Nội dung thuyết pháp là "*Đạo Phẩm thuộc bốn giáo, vô lượng pháp môn, đồng thời diễn nói*". Đồng thời diễn nói há chẳng phải là nghe thành tiếng loạn xạ ư? Chẳng phải vậy. Quý vị muốn nghe pháp môn nào, quý vị sẽ nghe pháp môn đó được nói. Hai người chúng ta cùng ngồi một chỗ, tôi muốn nghe kinh A Di Đà, lắng nghe toàn thấy là kinh Di Đà; anh ngồi bên cạnh tôi, anh thích nghe kinh Hoa Nghiêm, những gì anh nghe được toàn là kinh Hoa Nghiêm. Tuyệt diệu! Đây thực sự chính là như trong Phật pháp thường nói: "*Phật dĩ nhất âm thanh thuyết pháp, chúng sanh tùy loại các đắc giải*" (Đức Phật dùng một âm thanh thuyết pháp, mỗi loại chúng sanh đều hiểu). Vô lượng vô biên pháp môn, quý vị muốn nghe pháp môn gì liền được nghe pháp môn ấy.

Trong thế gian hiện tại này của chúng ta chẳng thể làm được chuyện ấy! Ví dụ như với những thiết bị ta hiện đang có như thế này, chúng ta có phòng phát âm, chúng ta đem mấy chục bộ kinh điển thậm chí mấy trăm bộ kinh điển (quá nhiều cũng không được) cùng phát trên các băng tần (phát trên mấy chục băng tần, hay mấy trăm băng tần khác nhau), đồng thời phát đi. Quý vị muốn nghe một loại kinh nào, vẫn phải vặn nút này nút nọ, bắt đúng tần số mới nghe được, không đúng tần số chẳng nghe được! Hai người chúng ta ngồi cùng một chỗ, mỗi người có một cái máy thu âm nhỏ, tôi nghe kinh Hoa Nghiêm, tôi vặn sang tần số kinh Hoa Nghiêm; bạn nghe kinh Di Đà, bạn phải vặn sang tần số kinh Di Đà.

Ở Tây Phương Cực Lạc thế giới không cần phải phiền phức như vậy, chẳng có băng tần chi hết, mà cũng chẳng cần đến máy móc gì. Thuận theo lòng muốn, muốn nghe gì liền được nghe thứ đó, muốn thấy gì bèn thấy

những hình ảnh đó, thật chẳng thể nghĩ bàn! Nếu như đang ở Tây Phương Cực Lạc thế giới mà đột nhiên nghĩ: Ta từ thế giới Sa Bà đến đây, những thân thích bè bạn của ta trong thế giới Sa Bà hiện thời ra sao? Ý niệm ấy vừa khởi lên, thế giới Sa Bà liền hiện ngay trước mắt quý vị, đều thấy rõ hết, chẳng thể nghĩ bàn! Bởi vậy, đến được thế giới Cực Lạc là thực sự đạt được đại viên mãn, không giả chút nào. Nay chúng tôi nói như vậy, người tin tưởng ngày càng nhiều hơn, vì sao? Khả năng tánh (possibility) ấy được khoa học thừa nhận, được những nhà khoa học gần đây phát hiện ra.

Cư sĩ Chung Mậu Sâm đã từng báo cáo với chúng ta ở đây. Mấy hôm trước, ông ta gọi điện thoại cho tôi: Lần báo cáo trước ông ta chưa thỏa ý lắm, ông ta muốn báo cáo lại. Được chứ! Tôi hoan nghênh ông ta lên núi bất cứ lúc nào để báo cáo tường tận lần nữa tại xưởng phát hình của chúng ta. Nội dung bản báo cáo lần này của ông ta gồm ba sự kiện:

1) Phát hiện thứ nhất: Dưới một điều kiện nào đó, thời gian và không gian không còn nữa. Thời gian và không gian bằng zéro. Nếu nói không có thời gian thì không có xa - gần, Tây Phương Cực Lạc thế giới ở đâu? Ở ngay nơi đây, A Di Đà Phật đối diện với chúng ta, giống như kinh Phật đã nói. Thời gian không còn nữa thì quý vị có thể thấy được quá khứ, có thể thấy được vị lai. Quá khứ, hiện tại, vị lai không còn nữa, biến thành một. Kinh Phật thường ghi: "*Như thị ngã văn: Nhất thời...*" (Tôi nghe như thế này: Một thời...). "Một thời" có nghĩa là như vậy, thời gian và không gian bằng zéro. Đây là điều phát hiện thứ nhất của khoa học.

2) Phát hiện thứ hai: Trong Không sanh ra Có. Kinh Bát Nhã đã nói vậy, Mọi người thường đọc Tâm Kinh: "*Sắc chính là Không, Không chính là Sắc. Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc*" đủ chứng minh đạo lý này. Dưới một điều kiện nào đó, trong Không sẽ sanh ra Có; dưới một điều kiện nào đó, Có trở thành Không. Có lại quy về Không!

3) Điều thứ ba được báo cáo là khởi nguyên của vũ trụ. Khởi nguyên của vũ trụ là "nhất thời đốn hiện", chứ không phải là tiến hóa (phát triển dần dần tốt hơn). Trước kia mọi người tin tưởng vào thuyết tiến hóa, nay khoa học tiến bộ hơn, phát hiện vũ trụ không phải là tiến hóa, mà là nhất thời đốn hiện. Điều này hoàn toàn tương đồng với những gì kinh Phật đã giảng. Cho thấy kinh Phật không phải là ngụ ngôn, chẳng phải là thần thoại. Người xưa thiện căn sâu dày, họ tin tưởng! Người hiện tại thiện căn chẳng sâu dày như thế, cứ phải dùng chứng cứ khoa học để chứng minh thì mới chịu tin. Điều này cho thấy tiền nhân so với con người chúng ta hiện tại, nếu nói một cách thông tục, họ lợi hại hơn chúng ta. Trí huệ của họ cao hơn chúng ta, thiện căn sâu dày hơn chúng ta.

Nếu ngày nay không có những chứng thực khoa học ấy, chúng ta sẽ dùng hai chữ "mê tín" để gạt bỏ sạch, có phải là đáng tiếc quá hay không?

Chúng là chân lý, là sự thật chân chánh mà trong một đời này ta bỏ lỡ mất. Vì thế, nay chúng ta đọc được những điều này, đọc đến những cảnh giới như kinh điển đã nói, có khoa học giúp phần chứng minh thì tín tâm càng sâu thêm hơn, tư duy càng thêm rộng mở; do đấy, phát sanh lòng tin, sanh khởi ý muốn vãng sanh, có nguyện vọng cầu được chứng. Nếu quý vị mong được vãng sanh, mong được cầu chứng thì hãy hành theo những phương pháp dạy trong kinh điển, quý vị sẽ chứng thực.

Phần sau, [sách Yếu Giải] có một đoạn tổng kết nhỏ, tổng kết về y báo trang nghiêm: "*Linh thâm tín nhất thiết trang nghiêm, giai Đạo Sư nguyện hạnh sở thành, Chúng Trí sở hiện*" (Làm cho [người nghe kinh] tin tưởng sâu xa rằng hết thảy sự trang nghiêm đều do nguyện hạnh của đấng Đạo Sư tạo thành, do Chúng Trí hiện ra). Đây là nói về Phật lực gia trì khiến cho người học tin sâu, đúng là chẳng dễ dàng! Bởi vậy, trong kinh đức Phật đã nói [pháp môn Tịnh Độ] là "*pháp khó tin*". Nếu không có khoa học làm chứng cho chúng ta thì đúng là trong một vạn người tìm không ra được một người [thực sự tin tưởng]. Đối với hiện thời thì phải nói ra sao? Phải nói đến một ức người. Chỉ sợ trong một ức người, chỉ tìm được có một người! Trên thế giới hiện thời có gần bảy mươi ức người (bảy mươi tỷ); như vậy, trong toàn thế giới, người thực sự thâm tín chỉ có khoảng bảy mươi người là cùng, họ nhất định vãng sanh, quý vị thấy tỷ lệ ấy không cân xứng! Trong một ức, tức là trong một vạn vạn người (một trăm triệu), chỉ có một người. Hy vọng với luận chứng khoa học này, chúng ta phổ biến tuyên dương cho mọi người đều biết, khiến cho người tin tưởng kinh giáo sâu xa càng ngày càng nhiều. Vì sao? Có chứng cứ khoa học, không phải mê tín, đó là chuyện thật, chẳng phải giả đâu!

Hôm qua tôi nghe nói ở Trung Quốc Đại Lục xây đập nước trên Trường Giang, ngày hôm qua bắt đầu ngăn nước. Đại khái, mực nước trong hồ chứa trong tương lai sẽ cao hơn một trăm bảy mươi (170) mét. Rất nhiều cổ tích hai bên bờ sông đều bị ngập dưới nước. Rất nhiều thần miếu, ngay cả thành Phong Đô (thành Phong Đô<sup>6</sup>[6] là Quỷ Thành) trứ danh trong lịch sử Trung Quốc cũng bị chìm mất. Một giải Trường Giang có rất nhiều miếu thờ long vương, miếu long vương lớn nhỏ gì cũng bị chìm ngập hết. Chúng tôi xem

---

<sup>6</sup>[6] Phong Đô là một huyện của thành phố Trùng Khánh, tỉnh Tứ Xuyên. Tại Phong Đô có một nơi gọi là Quỷ Thành nằm ngay trên núi Phong Đô, tương truyền đây là nơi cư ngụ của Phong Đô Đại Đế (vị chưởng quân cõi Âm) theo tín ngưỡng dân gian của Trung Hoa. Từ thời Hán Hòa Đế, Quỷ Thành đã được triều đình sắc phong là Quý Quốc Kinh Đô, và được Đạo Giáo coi là một trong số 72 nơi gọi là "động thiên phước địa" tại Trung Hoa. Theo các nhà nghiên cứu, tại núi Phong Đô, theo truyền thuyết (được Cát Hồng ghi lại trong bộ Thần Tiên Truyện), thoát đầu có hai vị đạo sĩ là Vương Phương Bình và Âm Trường Sinh tu luyện thành tiên tại núi này, Đạo giáo về sau coi hai vị này là "Thiên Sư" của núi, và ghép hai tên hai vị này thành Âm Vương dẫn đến sự ngộ nhận nơi này là chỗ cư ngụ của vua cõi Âm (âm vương), dẫn đến hình thành niềm tin Phong Đô là chỗ âm tào quản lý linh hồn người chết. Với công trình xây đập thủy điện Tam Hiệp, nơi này đã bị vùi sâu dưới nước.

bản tin đó, có người fax cho chúng tôi xem, cho biết họ thông cáo những quỷ thần bên bờ sông, kể cả những yêu ma quỷ quái sống ở hai bờ Trường Giang, khuyên họ phải dọn nhà, càng quan trọng hơn là khuyên họ phải niệm Phật cầu sanh về Tịnh Độ.

Hoàn cảnh cư trú, đạo tràng hương hỏa của bọn họ nay hoàn toàn bị nước nhận chìm, nhất định chẳng thể trách móc cư dân trong lưu vực Trường Giang, hy vọng những quỷ thần ấy hiểu đạo lý, phát tâm từ bi, di cư đến chỗ đất báu tốt đẹp hơn, quyết chẳng giáng tai ương xuống đầu quần chúng. Mọi người cho là mê tín, hoàn toàn không hợp khoa học, thế nhưng hiện thời có rất nhiều khoa học gia tin tưởng linh giới quả thật tồn tại. Họ gửi những tin tức ấy cho chúng tôi, tôi nói: "Rất tốt! Làm như vậy rất là hay, thực sự có cảm ứng".

Mẹ bà cư sĩ họ Hồ vãng sanh trong ngày thứ Sáu, ngày hôm đó đạo tràng chúng ta phát khởi Tam Thời Hệ Niệm để siêu độ bà. Đến ngày hôm sau, ở chỗ chúng ta có cảm ứng, có đồng tu bảo tôi: "Mẹ bà ta đến chỗ chúng tôi". Có thật đấy, chẳng giả đâu! Tuy Hàn quán trưởng vãng sanh đã hơn năm năm rồi, không ít người cảm nhận bà ta đến các đạo tràng của chúng ta để hộ trì, chẳng hề rời khỏi. Rất nhiều đồng tu chúng ta không hoài nghi, đều biết chuyện đó. Bởi vậy, những điều đó khiến chúng ta càng phải tin sâu chẳng nghi, hết thảy sự trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là do hạnh nguyện của A Di Đà Phật tạo thành, do Chủng Trí hiện ra, do trí huệ Bát Nhã trong tự tánh biến hiện. Đó là nói về phía Phật.

Đoạn kế tiếp là: "*Giai ngô nhân tịnh nghiệp sở cảm, duy thức sở biến*" (Đều do tịnh nghiệp của chúng ta cảm vờ, chỉ do thức biến), chẳng phải là hoàn toàn do Phật hiện, không liên quan gì đến chúng ta. Tâm, nguyện, giải, hạnh của chúng ta phải tương ứng với Phật thì cảnh giới ấy đồng thời hiện tiền. Nếu tâm - nguyện - giải - hạnh của chúng ta hoàn toàn trái nghịch, chúng ta chẳng thấy được cảnh giới do đức Phật đã hiện. Phải tương ứng thì mới thấy được! "*Đều do tịnh nghiệp của chúng ta cảm vờ*" là nói về người niệm Phật vãng sanh. Chúng tôi thường nói: Tâm - nguyện - giải - hạnh của người niệm Phật vãng sanh tương ứng với A Di Đà Phật; bởi vậy, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, họ thấy được cảnh giới ấy, có thể thọ dụng!

"*Phật tâm, sanh tâm hổ vi ảnh chất*" (Tâm Phật và tâm chúng sanh làm ảnh chất cho nhau): Ảnh chất là gì? Chất (質) là thực chất, ảnh (影) là huyền ảnh; giống như thân một người đứng dưới bóng mặt trời, thân ta đây là chất, tức thực chất, mặt trời chiếu xuống có bóng, có bóng của chúng ta, cái bóng đó là huyền ảnh. A Di Đà Phật là thực chất, chúng ta là huyền ảnh; chúng ta là thực chất, A Di Đà Phật là huyền ảnh: "*Hổ vi ảnh chất*" (làm ảnh

chất cho nhau). Chẳng thể nói nhất định A Di Đà Phật là thực chất, bọn phàm phu chúng ta là huyễn ảnh, không thể nói như vậy được! Nói như vậy là bất bình đẳng, nói như vậy không phải là chân tướng sự thật, phải là "làm ảnh chất cho lẫn nhau". Chúng sanh - Phật, ảnh - chất là một, không phải hai, chẳng thể nghĩ bàn!

Tiếp đó, sách lại nêu một tỷ dụ: "*Như chúng đặng chiếu, các biến dĩ nhất*" (Như các ngọn đèn chiếu sáng, ánh sáng mỗi ngọn đèn chiếu khắp mọi nơi, giống như là ánh sáng của một ngọn đèn), giống như chúng ta thắp rất nhiều đèn trong một gian nhà, ngọn đèn nào cũng thắp hết, quý vị thấy giống như chỉ có một ánh sáng; thật ra, ngọn nào tỏa sáng ngọn đó. Vì sao? Nếu chúng ta thối tắt đi, ánh sáng của ngọn đèn ấy không còn nữa, trọn chẳng trở ngại các ngọn đèn khác. Thắp lên, nó lại sáng bừng, hòa lẫn ánh sáng với những ngọn khác. Thật ra, mỗi ngọn tỏa sáng riêng, ánh sáng của mỗi ngọn đều rọi khắp cả phòng, ánh sáng rọi lẫn nhau, tựa hồ như một, nhưng không phải là một, không phải là một mà dường như là một.

"*Toàn lý thành sự, toàn sự tức lý, toàn tánh khởi tu, toàn tu tại tánh, diệc bất khả thâm tư hỹ*" (Toàn bộ lý trở thành sự, toàn bộ sự chính là lý, dùng toàn bộ tánh ấy để khởi tu, cũng chẳng thể không suy nghĩ sâu xa vậy). Đây mới là chân tướng của sự thật, chân tướng của nhân sinh và vũ trụ là như vậy, thế giới Cực Lạc là như vậy, mà tình trạng hiện tại của địa cầu chúng ta trong thế giới Sa Bà này cũng là như vậy. Bất đồng là vì tâm nhiễm - tịnh bất đồng, hạnh có thiện - ác bất đồng. Tây Phương Cực Lạc thế giới tâm thuần tịnh, hạnh thuần thiện. Ở nơi chúng ta đây, nhiễm nhiều, tịnh ít, ác nhiều, thiện ít! Bởi vậy, trong thế giới này tai nạn nhiều, khổ nạn nhiều, nguyên nhân là vì đây. Nay đã hết giờ rồi!

## **Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự Toàn Tập Giảng Ký, phần 6 hết**

---

7[1] Mặc tẩn (Brahmadanda): Còn phiên âm là Phạm Đàn hoặc Phạm Đát, theo nghĩa gốc là một hình thức nhằm đối trị những kẻ ngoan cố, bướng bỉnh trong Tăng chúng. Hành Sự Sao, quyển 22 ghi: "*Nói Mặc Tẩn, là như luật Ngũ Phần dạy: 'Pháp Phạm Đàn là hết thầy thất chúng (tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, sa-di, sa-di-ni, thức-xoa-ma-na, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di), đều chẳng nói chuyện với kẻ phạm lỗi*". Sách Tư Trì Ký giảng rõ hơn: "*Phạm Đàn là trước cung điện của Phạm Vương lập một cái đàn cao, chư thiên nếu có vị nào chẳng đúng pháp, sẽ bị bắt đứng trên đó, không được nói chuyện với bất cứ ai qua lại. Trong luật Ngũ Phần, do tỳ-kheo Xiển Đàn (tức Xa Nặc) náo loạn Tăng chúng nên Phật chế định dùng phương pháp ấy [để đối trị]*". Nói chung, đây là phương pháp ngăn dứt

---

tranh cãi. Kẻ biết phục thiện thì khuyên can; chứ nếu với kẻ ương bướng, ngang ngược, tốt nhất là dùng phương pháp im lặng, không tranh cãi với hắn, tránh xa, không quở trách, không phê bình, nhưng không giao thiệp với hắn, hắn sẽ không có cơ gì quấy rối được nữa. Ở đây, "mặc tẫn" được dùng với ý nghĩa rộng: Không tranh cãi với những kẻ cãi chày cãi cối. Ta giữ chủ kiến của ta, tu theo pháp môn của ta, không mất hơi sức tranh cãi với những kẻ chẳng thèm đọc kinh sách Tịnh Độ mà cứ nhơn nhơn cao giọng phỉ báng pháp môn Tịnh Độ.

8[2] Chúng tôi không dịch "linh môi" thành ông đồng bà cốt, mà để nguyên tiếng Hán với dụng ý nhấn mạnh những người thực sự có khả năng giao tiếp với linh giới, chứ không phải hạng đồng bóng quàng xiên bịp bợm.

9[3] Chữ "linh" (spirits) ở đây chỉ những hữu tình chúng sanh không phải là con người như chư thiên, ngọc quý, a-tu-la v.v...

10[4] Tam hiền thập thánh: Tam Hiền là các địa vị Bồ Tát trước khi đạt đến Thập Địa, gồm Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng. Thập Thánh là mười địa vị Bồ Tát thuộc Thập Địa.

11[5] Thiên Hoàng (Tennō) là danh xưng của hoàng đế Nhật Bản, nhưng khi trực tiếp xưng hô với vua thì dùng chữ Mikado (hoàng đế). Thiên Hoàng được coi là con cháu trực tiếp của Thái Dương Thần Nữ, và là lãnh tụ tôn giáo cao nhất của Thần Đạo (Shinto) Nhật Bản. Hoàng gia Nhật là hoàng gia là dòng dõi cai trị lâu đời nhất từ năm 660 trước Công Nguyên đến nay, theo Nhật Bản Sử Ký và Cổ Sự Ký, Thiên Hoàng đầu tiên là hoàng đế Thần Vũ (Jimmu Kamuyamato Iwarebiko) và ngôi vua được truyền liên tục từ đó cho đến Nhật Hoàng hiện đại là Minh Nhân Thiên Hoàng (Akihito Tennō).

12[6] Phong Đô là một huyện của thành phố Trùng Khánh, tỉnh Tứ Xuyên. Tại Phong Đô có một nơi gọi là Quỷ Thành nằm ngay trên núi Phong Đô, tương truyền đây là nơi cư ngụ của Phong Đô Đại Đế (vị chưởng quản cõi Âm) theo tín ngưỡng dân gian của Trung Hoa. Từ thời Hán Hòa Đế, Quỷ Thành đã được triều đình sắc phong là Quỷ Quốc Kinh Đô, và được Đạo Giáo coi là một trong số 72 nơi gọi là "động thiên phước địa" tại Trung Hoa. Theo các nhà nghiên cứu, tại núi Phong Đô, theo truyền thuyết (được Cát Hồng ghi lại trong bộ Thần Tiên Truyện), thoát đầu có hai vị đạo sĩ là Vương Phương Bình và Âm Trường Sinh tu luyện thành tiên tại núi này, Đạo giáo về sau coi hai vị này là "Thiên Sư" của núi, và ghép hai tên hai vị này thành Âm Vương dẫn đến sự ngộ nhận nơi này là chỗ cư ngụ của vua cõi Âm (âm vương), dẫn đến hình thành niềm tin Phong Đô là chỗ âm tào quản lý linh hồn người chết. Với công trình xây đập thủy điện Tam Hiệp, nơi này đã bị vùi sâu dưới nước.

